

PHANO

Tạp chí

HỘI KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

ISSN 1859-4700

Chúc Mừng Năm Mới

GIÁP THÌN
2024

Sắc Xuân Đất Việt

KỶ NIỆM 120 NĂM NGÀY SINH GS ĐÀO DUY ANH (1904 - 2024)

Vietnam Journal of Science For Rural Development

Số 82

01/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY



Chúc Mừng Năm Mới 2024 Giáp Thìn



DOANH NGHIỆP SPC
ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN LIÊN TỤC
TỪ NĂM 2005 ĐẾN NAY

www.spchcmc.vn

www.facebook.com/www.spchcmc.vn

www.youtube.com/bacsicaytrongspc



Chúc Mừng Năm Mới

Mừng Xuân GIÁP THÌN

Nhân dịp năm mới Giáp Thìn 2024, thay mặt lãnh đạo Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (PHANO) và Tạp chí PHANO, tôi xin được gửi những lời chúc tốt đẹp nhất tới các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học; toàn thể cán bộ, PV, BTV, cộng tác viên; cùng các cơ quan đối tác và bạn đọc thân thiết của Hội và Tạp chí!

GS.TSKH Trần Duy Quý

Chủ tịch Hội kiêm Tổng Biên tập Tạp chí PHANO

2024

HAPPY NEW YEAR



Tạp
Chí
Hạt
Vinh
Quang
Sử
Nghệ
Nông
Thôn
Hạt
Đại
Văn
Mình

Phòng
Viên
Giới
Sáng
Tổ
Mục
Tiêu
Nhân
Dân
Ấm
Nà
Hạnh
Phúc



Ảnh bìa: Sắc Xuân Đất Việt
Tác giả: NSNA. Trường Giang

Chủ tịch hội đồng biên tập
PGS. TS. Đào Thế Anh

Tổng Biên tập
GS.TSKH. Trần Duy Quý

Phó tổng Biên tập
TS. Lê Thành Ý
NB. Phí Văn Điển

Các ủy viên Hội đồng Biên tập
GS.TS. Nguyễn Tử Siêm
PGS.TS. Khuất Hữu Trung
GS.TS. Đinh Văn Tiến
GS.TS. Nguyễn Văn Song
PGS.TS. Vũ Trọng Khải
TS. Nguyễn Tiến Mạnh
TS. Trịnh Văn Tuấn
TS. Estelle Bienabe
ThS. Lê Đức Thịnh
GS.TS. Đỗ Kim Chung
GS.TS. Trần Khắc Thi
TS. Hoàng Xuân Trường

Tổng thư ký Tòa soạn
Nhà báo Vương Xuân Nguyên

Trụ sở tòa soạn
Nhà số 1 Ngõ 186 phố Trần Duy Hưng,
Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024. 33216162 - 08.4646.0404
Email: toasoan.khcs@gmail.com
Website: <https://nongthonvaphattrien.vn>

Văn phòng giao dịch
Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
(Vinh Quynh, Thanh Trì, Hà Nội)

Văn phòng đại diện khu vực Bắc Trung Bộ
Số 3/84 đường Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, Nghệ An

Văn phòng đại diện miền Trung
Số 173 Nguyễn Văn Linh, P. Nam Dương,
Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Văn phòng đại diện khu vực Tây Nguyên
Số 7/4 phố Nguyễn Du, thị trấn Di Linh,
tỉnh Lâm Đồng

Văn phòng đại diện phía Nam
Số 8, Nguyễn Bá Huân, Thảo Điền
Quận 2, Tp Hồ Chí Minh

Giấy phép hoạt động báo chí in và điện tử
số 74/GP-BTTTT ngày 26/01/2022 của
Bộ Thông tin và Truyền thông
in tại Công ty CP Truyền thông Pháp luật và Thời đại

Giá: 110.000 đồng

(Bản pdf 350.000 đồng/12 tháng)

MỤC LỤC

• Thư chúc tết.....	3
• Mục lục.....	4
• Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Cả nước đồng lòng, quyết tâm xây dựng nước Việt Nam ngày càng cường thịnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc - PV.....	5
• Kích hoạt tư duy số hóa trong quản trị, điều hành ngành Nông nghiệp - Linh Linh.....	9
• 10 sự kiện nổi bật Ngành nông nghiệp năm 2023.....	12
• Hình tượng con Rồng trong đời sống của người Việt - Nguyễn Tiến Bình.....	17
• Danh nhân Việt Nam tuổi Thìn - Công Hiếu.....	20
• Nông nghiệp năm 2024 hướng tới tăng trưởng xanh và bền vững - Hương Lan.....	23
• Nông nghiệp "chân lấm tay bùn" khó thu hút thanh niên - PGS. TS Đào Thế Anh.....	26
• Tôn vinh những giá trị làng nghề tôn vinh những giá trị làng nghề truyền thống hoa đào nhật tân! - Quyết Tuấn.....	30
• Sắc xuân đất Việt 2024 - Quyết Tuấn.....	36
• Giáo sư Đào Duy Anh: Từ chí sĩ cách mạng yêu nước đến học giả lỗi lạc - Vương Xuân Nguyên.....	44
• Nhà giáo Đại học sư phạm: Học giả Đào Duy Anh, khoa học là lẽ sống - Kiều Mai Sơn.....	51
• GS Đào Duy Anh nhà sử học và văn hóa lớn - Phan Huy Lê.....	55
• GS Đào Duy Anh cây đại thụ của nền sử học Việt Nam hiện đại - Thu Nhuận	59
• GS Đào Duy Anh "Con chim Tinh Vệ" suốt đời vun đắp học - Hoàng Yến.....	63
• Giáo sư Đào Duy Anh nhà khoa học ươm mầm tài năng cho các thế hệ đời sau - TS Lê Thành Ý.....	67
• Đánh giá thế hệ con lai đa giao trong quá trình chọn lọc mẫu giống đàn sâm (<i>salvia miltiorrhiza bunge</i>) di thực tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.....	73
• Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến sinh trưởng, phát triển và năng suất hạt bạch chỉ.....	81
• Đời binh nghiệp của tôi - Thanh La.....	89
• Tản mạn về một thương hiệu một doanh nhân Tâm - tài - trí - dũng - Trần Công Bình.....	93
• Những dấu ấn đáng ghi nhận trong năm 2023 - Sao Mai.....	97
• Những dấu ấn Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền xuân Giáp Thìn 2024 - Quyết Tuấn; Trường Giang.....	102

TẠP CHÍ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Số tài khoản: 038 704 060 028 143

Tại Ngân hàng TMCP Quốc tế, CN Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội

TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG:

Cả nước đồng lòng, quyết tâm xây dựng nước Việt Nam ngày càng cường thịnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc

PV

Nhân dịp đón Xuân Giáp Thìn - 2024 và kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (3-2-1930 – 3-2-2024), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng dành cho TTXVN cuộc phỏng vấn đầu năm mới. Tạp chí khoa học phát triển Nông thôn Việt Nam trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc toàn văn bài phỏng vấn:



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Ảnh: TTXVN

Phóng viên: Kính thưa Tổng Bí thư, xin Đồng chí cho biết một số thành tựu quan trọng nổi bật của đất nước ta trong nửa đầu nhiệm kỳ khóa XIII?

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Chúng ta đều đã biết, từ sau Đại hội XIII của Đảng đến nay, tình hình thế giới và

khu vực có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; thách thức mới xuất hiện nhiều hơn so với dự báo. Với ý chí, quyết tâm cao và tinh thần "Tiền hô hậu ủng", "Nhất hô bá ứng", "Trên dưới đồng lòng", "Dọc ngang thông suốt", Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách quyết liệt, đồng bộ và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Đất nước ta đã vững vàng vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, tiếp tục đạt được những kết quả to lớn, khá toàn diện và rất đáng mừng trên nhiều lĩnh vực.

Qua 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, chúng ta đã vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và hiệu quả. Kinh tế nước ta tiếp tục là điểm sáng, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Tăng trưởng kinh tế năm 2021 đạt 2,56%, trong khi nhiều nền kinh tế trên thế giới tăng trưởng âm; tăng trưởng kinh tế

năm 2022 đạt 8,02%, cao hơn nhiều so với kế hoạch 6 - 6,5%. Năm 2023 đạt hơn 5%, là mức cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới; lần đầu tiên GDP của nước ta đạt mức 430 tỷ đô-la Mỹ (USD), đứng thứ 3 trong ASEAN và thuộc nhóm 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới, 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài.

Tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng các lĩnh vực văn hóa - xã hội vẫn tiếp tục được quan tâm chăm lo, đầu tư phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng, rõ rệt. Đặc biệt, trong công tác phòng, chống đại dịch COVID-19, với truyền thống anh hùng, yêu nước, "thương người như thể thương thân" của dân tộc ta và tính ưu việt của chế độ ta lại được phát huy lên một tầm cao mới.

Điểm mới là Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã rất tích cực chuẩn bị và sớm tổ chức các hội nghị cán bộ toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tại các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các khối: Nội chính, quốc phòng, an ninh, văn hóa, đối ngoại. Bộ Chính trị cũng đã ban hành và quán triệt, thực hiện 6 nghị quyết mới về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở toàn bộ 6 vùng kinh tế - xã hội của đất nước. Việc tổ chức rất đồng bộ, bài bản ngay từ đầu nhiệm kỳ, sớm định hướng rõ ràng, đúng đắn cho việc tiếp tục đổi mới, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây có thể khẳng định là kết quả nổi bật, góp phần tạo nên những thành tựu đạt được từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đến nay.

Phóng viên: Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được chỉ đạo một cách bài bản, đồng bộ, quyết liệt và có hiệu quả rõ rệt. Xin Tổng Bí thư cho biết những điểm mới và kết quả nổi bật trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thời gian qua?

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được thực hiện quyết liệt, với nhiều cách làm mới, có chiều sâu, đồng bộ, hiệu quả. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trước đây đã được bổ sung, mở rộng chức năng, nhiệm vụ, bao gồm cả chỉ đạo phòng, chống tham nhũng và phòng, chống "tiêu cực"; trọng tâm là phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, coi đây là gốc của mọi vấn đề.

Đồng thời, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cũng đã được thành lập ở tất cả 63 tỉnh, thành phố trên cả nước và đi vào hoạt động, bước đầu có kết quả tốt, từng bước khắc phục tình trạng "trên nóng, dưới lạnh" như lâu nay chúng ta vẫn nói. Bộ Chính trị đã ban hành các

quy định: 114-QĐ/TW, 131-QĐ/TW, 132-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,... để bảo đảm việc thực hiện một cách đồng bộ, bài bản và chặt chẽ.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cũng được đẩy mạnh để từng bước tiến tới: "không dám", "không thể", "không muốn", "không cần" tham nhũng. Việc kiện toàn bộ máy tổ chức cán bộ, cải cách hành chính bảo đảm tính công khai, minh bạch. Chất lượng, hiệu quả hoạt động và sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được nâng cao. Thông tin tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có nhiều tiến bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng tiếp tục được đổi mới, tăng cường trên cơ sở ban hành có chất lượng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ nhiều quy định mới, góp phần kiểm chế, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; tình trạng tham nhũng, "lợi ích nhóm", "tư duy nhiệm kỳ", "chủ nghĩa cá nhân", "tha hóa quyền lực" trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Đồng thời, nâng cao năng lực lãnh

đạo, sức chiến đấu của Đảng, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, kỷ cương, trật tự, an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phóng viên: Đại hội XIII của Đảng tiếp tục xác định nền ngoại giao toàn diện, hiện đại gồm ba trụ cột: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của đất nước. Xin Tổng Bí thư có nhận xét về công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta thời gian qua?

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Trong 3 năm qua, đường lối đối ngoại Đại hội XIII của Đảng đã được nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, trở thành điểm sáng đầy ấn tượng trong tổng thể thành tựu chung của đất nước, góp phần quan trọng giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Chúng ta đã kế tục và phát huy sức mạnh của trường phái đối ngoại và ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc "cây tre Việt Nam", "gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển", thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam: Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường.

Tôi xin điểm lại một số kết

quả cụ thể để minh chứng cho điều đó: Từ sau Đại hội XIII của Đảng, các hoạt động đối ngoại của nước ta diễn ra rất sôi động, liên tục và là điểm sáng ấn tượng, nổi bật. Thành công của các chuyến thăm cấp Nhà nước, thăm chính thức, các cuộc điện đàm, hội đàm trực tuyến của lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta, nhất là hơn 40 chuyến thăm của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt tới các nước láng giềng, nước lớn, các nước ASEAN, nhiều nước đối tác chiến lược quan trọng và bạn bè truyền thống. Đặc biệt, năm 2023, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình và Phu nhân thăm cấp Nhà nước Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden nhận lời mời của Tổng Bí thư Đảng ta thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam. Cuộc gặp cấp cao đứng đầu 3 Đảng Việt Nam - Lào - Campuchia do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào Thongloun Sisoulith và Chủ tịch Đảng Nhân dân Campuchia Hun Sen tại Hà Nội đã thành công tốt đẹp;... và nhiều nguyên thủ các nước quan trọng khác đến thăm Việt Nam. Đây là những sự kiện chính trị đối ngoại, ngoại giao đặc biệt quan trọng, không chỉ trong hợp tác song phương mà cả trong các vấn đề khu vực và quốc tế, có ý nghĩa lịch sử, được dư luận trong và ngoài nước rất hoan nghênh, đánh giá cao, đúng như tôi vẫn thường nói: "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, uy tín và vị thế

quốc tế như ngày nay".

Đến nay, Đảng ta đã có quan hệ với 253 đảng ở 115 quốc gia trên thế giới, trong đó có 92 đảng cộng sản, 63 đảng cầm quyền, 38 đảng tham gia liên minh cầm quyền, tham chính... Về quan hệ ngoại giao nhà nước, Việt Nam đã mở rộng, làm sâu sắc quan hệ với 193 quốc gia, trong đó có 3 nước quan hệ đặc biệt, 6 nước đối tác chiến lược toàn diện, 12 nước đối tác chiến lược và 12 nước đối tác toàn diện; trở thành thành viên tích cực, có trách nhiệm của hầu hết các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, các đoàn thể, tổ chức nhân dân của Việt Nam đã có quan hệ hợp tác, hữu nghị với hơn 1.200 tổ chức, đối tác nước ngoài..

Phóng viên: Dự báo bối cảnh tình hình mới với những thời cơ và thách thức đan xen; xin Tổng Bí thư cho biết những chủ trương, quyết sách lớn cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện trong nửa cuối nhiệm kỳ khóa XIII?

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Dự báo tình hình từ nay đến hết nhiệm kỳ khóa XIII, bên cạnh những thuận lợi cũng sẽ còn nhiều khó khăn. Chúng ta cần tiếp tục quán triệt thật sâu sắc, tổ chức thực hiện thật nghiêm, thật tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nhanh, bền vững. Chú trọng củng cố, tăng cường nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng lực nội tại và tính tự chủ

của nền kinh tế. Tập trung ưu tiên cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,... gắn với tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, cần quan tâm hơn nữa đến nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội sao cho hài hòa và ngang tầm với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Chúng ta cần tiếp tục củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, đặc biệt là hệ thống các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng Chính phủ, chính quyền

các địa phương trong sạch, liêm chính, vững mạnh.

Làm tốt hơn nữa công tác cán bộ để lựa chọn, bố trí đúng những người thật sự có đức, có tài, liêm chính, tâm huyết; vì nước, vì dân vào các vị trí lãnh đạo của bộ máy nhà nước. Đấu tranh loại bỏ tư tưởng bần lười, lo ngại rằng, nếu đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực quá mạnh sẽ cản trở sự phát triển, làm nhụt chí, làm "cầm chừng", "phòng thủ", "che chắn", giữ "an toàn", né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, công chức nào đó, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Cần tập trung thực hiện thật tốt việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp, chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và đặc biệt là Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV nhiệm kỳ 2026 - 2031. Đồng thời, khẩn trương, nghiêm túc tiến hành tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn qua 40 năm đổi mới.

Từ những kết quả đạt được và kinh nghiệm đã có, tôi tin

tưởng rằng với khí thế mới, động lực mới, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta sẽ tiếp tục đoàn kết, chung sức, đồng lòng, phấn đấu, quyết tâm, nỗ lực cao hơn nữa; năng động, sáng tạo hơn nữa, sáng suốt nắm bắt thời cơ, thuận lợi, vững vàng vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho cả nhiệm kỳ khóa XIII, xây dựng đất nước ta ngày càng phát triển, cường thịnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, như Bác Hồ và toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hằng mong đợi.

Nhân dịp đón chào năm mới Xuân Giáp Thìn - 2024, cũng là dịp kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (3-2-1930 - 3-2-2024), thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi thân ái gửi tới toàn thể đồng bào, chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất, có nhiều niềm vui, hạnh phúc và thành công!

Năm mới Thắng lợi mới!

Phóng viên: Xin trân trọng cảm ơn đồng chí Tổng Bí thư.

Kích hoạt tư duy số hóa trong quản trị, điều hành ngành Nông nghiệp

Linh Linh

Ngành nông nghiệp cần bắt kịp xu thế khi những rào cản kỹ thuật ngày càng khắt khe của các thị trường lớn cho thấy nhu cầu tiêu dùng đang dần thay đổi.



Bộ trưởng Lê Minh Hoan phát biểu tại Hội nghị Tổng kết công tác chỉ đạo điều hành của Bộ năm 2023 và kế hoạch triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ sáng 11/1.

Chuẩn bị cho một năm "vượt cơn gió ngược"

Đây là gợi mở của Bộ trưởng Lê Minh Hoan tại Hội nghị Tổng kết công tác chỉ đạo điều hành của Bộ năm 2023 và kế hoạch triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ sáng 11/1.

Bộ trưởng nhắc lại lời khen của Thủ tướng Chính phủ về "một năm ngành nông nghiệp vượt cơn gió ngược, chuyển đổi trạng thái, thích ứng linh hoạt, xoay chuyển tình thế". Theo đó, Bộ trưởng Lê Minh Hoan kỳ vọng hào khí và năng lượng của năm 2023 sẽ tiếp sức và được nhân lên trong năm 2024.

"Năm qua, sự tương tác đã bước ra khỏi không gian cục bộ của từng Cục, vụ, trường, học viện, đơn vị sự nghiệp. Từ đó, giúp cho sự phối hợp giữa các đơn vị, giữa đơn vị với doanh nghiệp, giữa đơn vị với nông dân trở nên hiệu quả và tích cực hơn", Bộ trưởng Lê Minh Hoan nhận định.

Tuy nhiên, để chuẩn bị cho một năm mới "vượt cơn gió ngược", Tư lệnh ngành nông

nghiệp cũng nêu một số trở ngại và gợi mở một số vấn đề.

Trước những thay đổi nhanh chóng của các hàng rào kỹ thuật như khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU), Quy định chống phá rừng (EUDR), ngành nông nghiệp cần nhận ra, người tiêu dùng thế giới không mua sản phẩm mà mua cách làm ra sản phẩm.

Bộ trưởng đặt vấn đề, tất cả những câu hỏi xoay quanh sản phẩm nông sản có tác động tới môi trường, có gây biến đổi khí hậu không, có sử dụng lao động trẻ em không... sẽ là những yếu tố cần để đưa nông sản Việt Nam ra thị trường thế giới bên cạnh hàng rào về an toàn thực phẩm hay tiêu chuẩn chất lượng.

Như vậy, ngành trồng trọt nói riêng và các ngành khác cần

suy tính xa hơn, với con đường phát triển gắn với nhiệm vụ của ngành nông nghiệp phát thải thấp, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn.

“Không gian trí tuệ của chúng ta trong thời gian tới sẽ được mở rộng ra rất nhiều và chúng ta có thể tạo ra giá trị cho ngành nông nghiệp với điều kiện giảm bớt tư duy mùa vụ”, Bộ trưởng Lê Minh Hoan kêu gọi.

Bên cạnh thực tế của các ngành, yếu tố đào tạo cũng được lãnh đạo Bộ quan tâm. Với xu thế nông nghiệp hiện nay, đào tạo nhân lực trong ngành nông nghiệp cũng cần được “kích hoạt một không gian mới”, cập nhật giáo trình để sinh viên, học sinh có thể tiếp cận gần hơn với những khái niệm mới như internet kết nối vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), Big Data... để sau đó có thể là những nhân tố mới áp dụng những tiên tiến, kỹ thuật mới trong tất cả các lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản...

Người đứng đầu Bộ NN-PTNT cũng nhắc lại về xu thế “chạm để kết nối”, kích hoạt tư duy “số hóa” trong quản trị ngành, điều hành ngành, từng bước làm quen với việc thu thập, xử lý dữ liệu, phân tích thông tin trên các thiết bị thông minh.

Theo Bộ trưởng Lê Minh Hoan, trong thời gian ngắn, có thể chưa đưa vào hoạt động đồng bộ, đồng loạt ngay, song tư duy quản trị số, điều hành

số cần bắt đầu được lan tỏa và thẩm thấu, tổng hợp vào kế hoạch hành động năm, qua các phần việc cụ thể, khả thi của các cơ quan, đơn vị ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đây là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm và trọng điểm mà Bộ trưởng Lê Minh Hoan yêu cầu các đơn vị tập trung trong năm 2024. Bên cạnh đó, cần tập trung phát triển ngành nông nghiệp giảm phát thải gắn với tăng trưởng xanh, giúp nông sản vượt qua những hàng rào kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu của thị trường nước ngoài.

Xuất khẩu đứng trước những rào cản thế hệ mới

Tại hội nghị, các Thứ trưởng Bộ NN-PTNT cũng nêu ý kiến liên quan đến công tác chỉ đạo điều hành của Bộ năm 2023 và kế hoạch triển khai Nghị quyết số 01 năm 2024 của Chính phủ.

Thứ trưởng Hoàng Trung khẳng định công tác chỉ đạo điều hành của Bộ NN-PTNT năm 2023 rất quyết liệt, kịp

thời, sát sao và nhận phản ánh tốt từ các địa phương, được Chính phủ và xã hội công nhận.

Theo Thứ trưởng Hoàng Trung, công tác điều hành tài chính năm 2023 tương đối tốt. Tuy nhiên, đến năm 2024, vẫn cần cân đối lại, kiểm tra, đánh giá sát sao từ quy hoạch, lập dự toán, điều chỉnh nhanh kịp thời những phát sinh để sử dụng nguồn lực một cách có hiệu quả nhất.

Liên quan đến tất cả những đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện Nghị định số 60 về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Thứ trưởng Hoàng Trung đề nghị tiến hành sửa đổi, cập nhật toàn bộ danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách Nhà nước để tiến đến xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giải quyết vướng mắc về định mức cho các dự án, đơn giá dịch vụ... Thứ trưởng giao nhiệm vụ cho các đơn vị, đặc biệt là các Cục đầu mối phối hợp với Vụ Tài chính xây dựng.



Thứ trưởng Hoàng Trung, Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp, Bộ trưởng Lê Minh Hoan và Thứ trưởng Trần Thanh Nam (từ trái sang phải) chủ trì hội nghị.

Ngoài ra, Thứ trưởng Hoàng Trung cũng yêu cầu Vụ Tài chính chủ trì cùng Cục Thú y, Cục BVTV và Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường tham mưu cho Bộ trưởng trình Thủ tướng có cơ chế tài chính mới nhằm giải quyết những khó khăn về nguồn lực.

Theo lãnh đạo Bộ NN-PTNT, công tác xử lý rào cản để mở cửa thị trường đã nỗ lực và sáng tạo song việc này đòi hỏi rất nhiều thời gian và cần nhiều yếu tố.

Về xây dựng sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Nghị định về hướng dẫn quản lý đất trồng lúa phải thực thi ngay khi Luật Đất đai sửa đổi được thông qua trong thời gian tới. Thứ trưởng Hoàng Trung nhấn mạnh, đây là nhiệm vụ quan trọng, cần có kế hoạch cụ thể từ trình tự xây dựng các văn bản và nội dung nhằm bảo đảm xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai chất lượng và đáp ứng được

yêu cầu của Chính phủ.

Chia sẻ về một số điểm sáng nổi bật của ngành nông nghiệp trong năm 2023, Thứ trưởng Trần Thanh Nam khẳng định ngành đã quyết liệt và quyết tâm đảm bảo an ninh lương thực cùng lúc đáp ứng nhu cầu xuất khẩu gạo.

Thứ trưởng Trần Thanh Nam nhìn nhận năm 2023 là một năm khó khăn cho xuất khẩu trước những rào cản ngày càng khắt khe của thị trường, song ngành nông nghiệp vẫn “vượt khó” vươn lên đảm bảo đạt kim ngạch xuất khẩu 53 tỷ USD, đặc biệt với những sản phẩm chủ lực như sắn riềng, gạo... Thứ trưởng cho rằng thành tích này có sự đóng góp lớn của công tác cấp mã số vùng trồng, sự chỉ đạo, tạo điều kiện gỡ khó cho doanh nghiệp xuất khẩu.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh sau dịch Covid-19, nhiều đoàn thanh, kiểm tra an toàn thực

phẩm của châu Âu, Hàn Quốc, Hoa Kỳ... đến nhà máy chế biến, cảng cá Việt Nam, Bộ đã tích cực triển khai các đơn vị xuống địa bàn để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tốt hệ thống an toàn thực phẩm, đảm bảo điều kiện xuất khẩu.

Một điểm sáng nữa được Thứ trưởng Trần Thanh Nam nhấn mạnh tại Hội nghị là sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị thuộc Bộ đã làm nên thành công của hàng loạt Hội nghị, sự kiện quốc gia và quốc tế vừa qua như Festival Bảo tồn và Phát triển làng nghề Việt Nam, Festival Quốc tế ngành hàng lúa gạo Việt Nam...

“Năm 2024, ngoài dự đoán nền kinh tế sẽ gặp nhiều khó khăn, ngành nông nghiệp cần chuẩn bị tâm thế đón những rào cản thế hệ mới xuất hiện với nhiều yêu cầu hơn về giảm phát thải, trách nhiệm xã hội...”, Thứ trưởng Trần Thanh Nam nói.

10 SỰ KIỆN NỔI BẬT NGÀNH NÔNG NGHIỆP NĂM 2023

Theo Bộ Công thương, năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường đã tác động trực tiếp đến các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam. Nhưng với vai trò “bệ đỡ nền kinh tế”, ngành nông nghiệp vẫn trở thành điểm sáng trong bức tranh xuất nhập khẩu.

Theo Bộ Công thương, năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường đã tác động trực tiếp đến các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam. Nhưng với vai trò “bệ đỡ nền kinh tế”, ngành nông nghiệp vẫn trở thành điểm sáng trong bức tranh xuất nhập khẩu.

Bộ ước tính tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2023 đạt 683 tỷ USD, xuất khẩu 354,5 tỷ USD, nhập khẩu 328,5 tỷ USD. Như vậy, Việt Nam sẽ xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với xấp xỉ 30 tỷ USD, tăng gần 3 lần năm 2022.

Đáng chú ý, thặng dư thương mại toàn ngành nông nghiệp năm 2023 có thể đạt trên 11 tỷ USD, chiếm gần 43% xuất siêu cả nước.

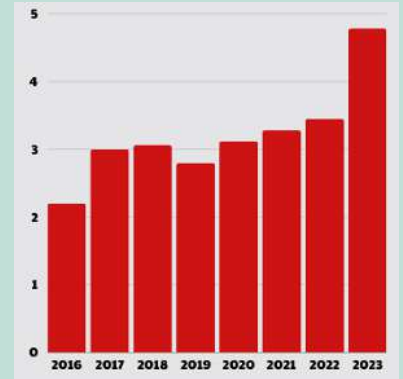
Không chỉ xuất khẩu, ngành nông nghiệp trong nước cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đặt nền móng cho sự phát triển bền vững những năm tới

Sau đây là 10 sự kiện nổi bật của ngành nông nghiệp trong năm 2023.

1

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU GẠO ĐẠT KỶ LỤC

Kim ngạch xuất khẩu gạo ước đạt 4,6 tỷ USD, tăng khoảng 30,4% so với năm 2022. Con số này giúp ngành gạo lập kỷ lục lịch sử về kim ngạch xuất khẩu kể từ năm 1989 (năm đầu tiên Việt Nam xuất khẩu gạo) đến nay. Giá gạo 5% tấm của nước ta cũng lập đỉnh lịch sử khi tăng từ 473 USD/tấn lên mốc 663 USD trong năm 2023. Theo đó, gạo Việt có mức giá đắt đỏ nhất so với giá hàng cùng loại của các quốc gia xuất khẩu top đầu thế giới.



2

LẦN THỨ 2 GẠO LÊN NGÔI "NGON NHẤT THẾ GIỚI"



Mới đây, gạo Việt Nam đã đạt giải Gạo ngon nhất thế giới năm 2023 được tổ chức tại Philippines. Đây cũng là năm thứ 2 gạo Việt đạt ngôi vị cao nhất tại cuộc thi này.

3

"FESTIVAL NGÀNH HÀNG QUỐC TẾ"

Lần đầu tiên Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo Việt Nam được tổ chức từ ngày 11 đến 14/12 tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với hàng loạt các hoạt động, triển lãm hấp dẫn; chuỗi hội thảo quốc tế chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia lúa gạo hàng đầu trong và ngoài nước.



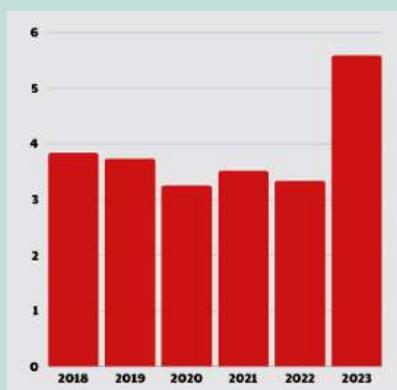
4

LẦN ĐẦU TIÊN CÓ
FESTIVAL NGÀNH TÔM

Lần đầu tiên, tỉnh Cà Mau tổ chức Festival tôm, nhằm quảng bá sản phẩm đặc trưng của tỉnh với bạn bè trong và ngoài nước. Sự kiện diễn ra từ ngày 9-13/12.



5

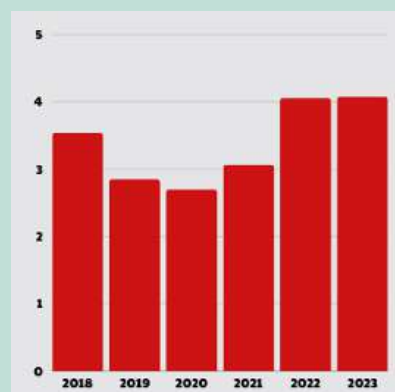
XUẤT KHẨU RAU QUẢ
CÁN MỐC 5 TỶ USD

Năm 2023 xuất khẩu rau quả cũng chính thức lập kỷ lục lịch sử khi đạt 5,5 tỷ USD, vượt xa con số 3,36 tỷ USD của năm 2022. Đặc biệt, xuất khẩu sầu riêng bùng nổ, thu về khoảng 2,3 tỷ USD, trở thành "trái cây tỷ USD" mới của Việt Nam khi chinh phục được thị trường Trung Quốc.

6

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ
LIÊN TỤC TĂNG

Kết thúc niên vụ 2022-2023, xuất khẩu cà phê đạt 1,66 triệu tấn, giảm 4,5% so với niên vụ 2021-2022, nhưng kim ngạch đạt 4,08 tỷ USD, tăng 3,4% nhờ giá bán tăng cao. Đây là mức kim ngạch cao nhất trong các niên vụ từ trước đến nay.



7

GÓI TÍN DỤNG 15.000 TỶ CHO LÂM, THỦY SẢN

Chương trình cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản có vốn tín dụng khoảng 15.000 tỷ đồng. Lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam, thấp hơn tối thiểu từ 1-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn.



8

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



Số lượng sản phẩm OCOP tăng đều qua các tháng, tạo điều kiện thuận lợi giúp doanh nghiệp quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

9

SẢN XUẤT THÀNH CÔNG SẢN PHẨM VACCINE PHÒNG TẢ LỢN CHÂU PHI

Việt Nam đã sản xuất thành công sản phẩm vaccine phòng bệnh dịch tả lợn châu Phi và chính thức xuất khẩu vaccine phòng bệnh dịch tả lợn châu Phi AVAC ASF LIVE của Công ty Cổ phần AVAC Việt Nam sang 5 nước, bao gồm: Philippines, Indonesia, Malaysia, Ấn Độ, Myanmar.



10

PHÁT TRIỂN LÚA GẠO CHẤT LƯỢNG CAO GẮN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH

Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” được triển khai sẽ cho phép giải quyết đồng thời 3 vấn đề lớn đang đặt ra đối với ngành lúa gạo thế giới và Việt Nam: tăng sản lượng lúa gạo, tăng thu nhập cho nông dân trồng lúa, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu...



Nông nghiệp sinh thái, “linh hồn” của nông nghiệp bền vững



VIỆT NAM ĐANG CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TỐI ƯU HOÁ CHI PHÍ SẢN XUẤT CÓ TÍNH ĐẾN CÁC YẾU TỐ MỚI NÀY SINH NHU TỰ DO HÓA THƯƠNG MẠI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, RỦI RO DỊCH BỆNH, KIỂM SOÁT THẬT THOÁT LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VÀ ĐÁP ỨNG TỐT HƠN NHU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG...

HÌNH TƯỢNG CON RỒNG TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT



Nguyễn Tiến Bình

Rồng ở Việt Nam biểu tượng gắn bó trong đời sống, tình cảm, tâm hồn cả dân tộc.

Cảm tình con rồng

Đặc điểm văn hoá phương Đông khác nhiều so với văn hoá phương Tây. Ngay hình tượng con vật, như Rồng trong đời sống cũng khác. Đó là rồng phương Tây biểu tượng cho sức mạnh quyền uy. Rồng phương Đông, có trường hợp biểu tượng quyền uy, có khi thân gần, biểu hiện cho đời sống tâm linh, tinh thần, hy vọng của con người, nhất là người lao động.

Ở phương Đông, Rồng là 1 trong 12 con giáp, là biểu tượng của một năm trong giáp

Nói đến Rồng khi được coi là biểu tượng, chúng ta ta thấy ngay rằng, người phương Đông lấy 12 con vật mang tên 12 năm. Một giáp và mỗi năm mang biểu tượng và tên 1 con vật như: Năm Tý (chuột), Sửu (trâu), Dần (hổ), Mão (mèo), Thìn (rồng), Tỵ (rắn), Ngọ (ngựa), Mùi (dê), Thân (khỉ), Dậu (gà), Tuất (chó), Hợi (lợn). Trong 12 con vật ấy, có 7 con (chó, mèo, gà, lợn, ngựa, trâu, dê) đã được loài người thuần hoá, được nuôi ở các gia đình; có 4 con (chuột, hổ, rắn, khỉ) là động vật hoang dã. Duy chỉ có rồng là con vật thần thoại.

Nói đến Rồng -biểu tượng của phương Đông, thì Rồng với người Việt càng đậm nét hơn các nước phương Đông khác, ngay cả với Trung Hoa. Rồng Trung Hoa, thường biểu

hiện cho vua chúa quyền uy. Rồng ở Việt Nam biểu tượng gắn bó trong đời sống, tình cảm, tâm hồn cả dân tộc. Điều này, thể hiện là: cha ông ta và con cháu vẫn cho mình là con Rồng cháu Tiên.

Truyền thuyết Âu Cơ lấy Lạc Long Quân, sinh ra 100 trứng, nở ra 100 con nói rõ điều này. Vua Hùng và con cháu, đều là hậu duệ của Lạc Long Quân, Âu Cơ, là chủ nhân sớm nhất ở khu vực Đồng bằng sông Hồng, đã cùng chung sức, chung lòng khai hoang, tìm giống, rồi trồng lúa làm nguồn sống chính. Thế là "nền văn minh lúa nước" được ra đời từ đây.

Trồng lúa, phải có phân, cần, giống- ba thứ quan trọng trong trồng lúa nước. Khi cuộc sống mới thoát thai hoang dã, đang tiến đến thời kỳ sơ khai, đời sống con người, cùng công việc lao động còn phụ thuộc

và bị thiên nhiên chi phối, thì mưa rất quan trọng với việc trồng lúa nước. Quan niệm của người xưa, cho là Rồng phun ra nước, tức Rồng làm cho mưa, ra nước. Và Rồng có tài hút được nước và phun ra nước.

Vậy nên, có Rồng là có nước. Vì thế, người ta tin ở Rồng, hy vọng, mong muốn, chờ mong ở Rồng. Cho nên mọi người, nhất là con cháu của Rồng, cũng là thể hiện sự gắn bó với Rồng, với Tổ tiên, đồng thời cầu mong tổ tiên phù hộ, phù trợ cho đời sống của mình, cũng có nghĩa là cầu mong Rồng cho mưa thuận gió hoà mà luôn có đủ nước để trồng cấy lúa nước được tốt cây, sâu bông.

Chính vì sự gắn bó và hy vọng tốt đẹp đó, mà người Việt có nhiều nét đậm tình đậm nghĩa, với hình ảnh đậm nét của Rồng trong đời sống. Thực tế đã chỉ rõ qua thần thoại,

huyền thoại và sự tích như: Sự tích Thăng Long – Rồng bay lên (ở Đại La - Hà Nội), ở sự tích Vịnh Hạ Long – Rồng hạ cánh (ở Quảng Ninh), còn là vịnh Bái Tử Long (cung kính Rồng), đảo Bạch Long Vĩ (Rồng trắng), sông Cửu Long (chín Rồng), sông Hoàng Long (Rồng vàng)...

Rồng được coi là biểu tượng tâm hồn, tình cảm, sức mạnh, sự phồn vinh của dân tộc, cộng đồng, xã hội, con người, nên ở nhiều di tích, công trình xây dựng, Rồng được hiện hình, có khi hàng đàn, có khi bên cạnh Rồng còn có hình người nông dân đang cày ruộng...

Bầy đàn có con đầu đàn. Bộ lạc có người đứng đầu. Quốc gia có vua cai quản, thì quyền uy được tôn trọng, đề cao, tôn vinh... Sự tôn vinh đó, không có gì bằng hình tượng Rồng, như cha ông ta quan niệm. Bởi vậy, người ta đã lấy hình tượng Rồng biểu hiện cho uy quyền của nhà nước phong kiến, qua việc dùng hình ảnh Rồng trang trí nội thất sang trọng trong cung vua, phủ chúa, những công trình, di tích tầm cỡ quốc gia. Hình dáng Rồng còn được tạo ra mặt Rồng, mình Rồng trên nhiều vật phẩm, như ở áo của vua, ở trong cung vua. Ngoài ra còn có hình tượng Rồng ở sân Rồng, là biểu tượng Rồng gắn liền với vua và uy quyền triều đình.



Rước Rồng thường là một hoạt động trong các Lễ hội lớn

Để tôn vinh uy quyền độc tôn về Rồng, nhà vua đã cấm người dân vẽ, khắc, chạm hình Rồng nơi nhà cửa, đồ dùng của thường dân. Nhưng sức mạnh của sự tôn kính, tin tưởng, ngưỡng vọng, mong ước về Rồng trong đời sống vật chất, tinh thần, mà người ta đã nảy ra tài trí, làm cho Rồng vượt cung đình, đến với nhiều gia đình, làng bản, xóm quê, thành phố... cũng cùng trong cảnh dân vất vả, có tình, có ý như người bình thường. Đó là sự vượt ra khỏi cương

thường, giáo lí, đạo lí, đến với đời thường, làm những việc bình thường, thông thường. Ví như hình tượng Rồng công trên lưng cô gái đẹp, bay vào đám mây xa ảo, mà vua chúa cũng phải thông cảm, nhượng bộ, như tấm bia thời Lê đã ghi rõ biểu tượng này.

Do vậy, Rồng không còn là xa lạ, linh thiêng, uy quyền mà Rồng đã hiện diện cả trong đời sống, trong ngôn ngữ, cả trong chữ nghĩa. Đã đến một thời, hình tượng con Rồng, không còn là nói về vua, chúa quyền thế sang trọng, giàu sang... , mà còn biểu hiện cả ở tầng lớp

bình dân, ở đời thường, ngay cả ở cửa miệng mọi người, khi nói những câu bao hàm nhiều ý nghĩa về Rồng: “Rồng vàng tắm nước ao tù”, “Rồng đến nhà tôm”...

Với ước vọng của con người, Rồng còn có nghĩa tượng trưng cho sự khoẻ mạnh, cao lớn, phi thường, qua các thành ngữ: “Phủ Đầu Rồng”, “Ăn như Rồng cuốn”. Trong tâm linh và tưởng tượng, Rồng cũng hiện ra, với hình ảnh người ta nghĩ ra có hình hài quái dị, phi lí, khác thường, qua hình tượng như các từ: Rồng đất, Rồng tre, con tôm rồng, ma cà rồng, cây xương rồng...

Không chỉ thế, Rồng còn có ở cung điện, dinh thự của vua chúa, tổng đốc, trên đình, chùa, trong đĩa, bát gốm, sứ ... với những hình ảnh, dáng vẻ theo từng cảnh trí, vật dùng, đồ dùng với sự mong ước, mỹ cảm của con người.

Rồng cũng có kết cấu khá tinh xảo, đầy ý nghĩa, được trang trí bằng vật liệu quý hiếm, thể hiện ở những vị trí trang trọng như: Long hàm thọ (Rồng ngậm chữ thọ), Lưỡng long triều nguyệt (hai Rồng châu mặt trời). Rồng còn hiện ra qua hình ảnh: Long ẩn (Rồng lúc ẩn, lúc hiện giữa sóng nước, trời mây), thấy ở cánh cổng Văn Miếu (Hà Nội). Hoặc Rồng được cách điệu thành “Vân hoá Long” - tức là mây được cách điệu thành Rồng, từ một vật như một cây trúc, một khúc tre, khúc gỗ, một cây mai, một chiếc lá, một đám mây, con cá như cá chép...

Tất cả đều mô phỏng hình tượng con Rồng chính thống và mong ước mỹ cảm, chính đáng... Đó là hiện tượng “hoá Long” như, trong số 82 bia Tiến sĩ đặt ở Văn Miếu (Hà Nội), có 55 đôi khắc Rồng trên trán bia, thì có 44 đôi có cách điệu Rồng là: vân hoá Rồng- mấy cách điệu thành hình con Rồng; hoặc “ngư Long hí thủy”- tức là rồng đang cùng cá gáy đùa rờn trong sóng nước biển khơi, giữa trời mây nước biếc... Đây là những tranh thờ, vẽ Rồng đặt nơi thờ cúng.

Rồng còn có mặt trên nhiều sản phẩm thực phẩm, chai lọ, nhãn mác..., nhất là đặt tên Rồng cho nhiều cửa hàng,

cửa hiệu hoặc mang tên Rồng trên bánh, kẹo, bánh đậu xanh “Rồng vàng” hoặc có tên ở trên giấy, mực như: giấy Thăng Long, mực Cửu Long hoặc nơi nhà hát, rạp chiếu bóng cũng mang tên Rồng: Rạp Châu Long, rạp Thăng Long...

Như thế, thấy Rồng gắn bó, hoà hợp một cách thân gần, biểu tượng phong phú, đa dạng trong đời sống vật chất, tinh thần của người Việt từ xưa đến nay. Rồng là con vật huyền thoại, nó đẹp và diệu kỳ không gì tả thế, so được, qua trí tưởng tượng của con người vô cùng phong phú. Vì vậy, năm Thìn (2012) là năm đẹp và nhiều may mắn./.





Danh nhân Việt Nam

TUỔI THÌN

Bùi Thị Vân Thanh (TH)

Theo quan niệm tín ngưỡng truyền thống, người tuổi Rồng (sinh năm Thìn) thường năng động, tài giỏi và thành đạt. Trong số các danh nhân góp phần làm rạng rỡ nền văn hiến Việt Nam, có nhiều vị tuổi Thìn...

*** LÝ TRƯỜNG:** Sinh năm Nhâm Thìn 1052, quê Bắc Ninh, quốc sư thời Lý. Uyên bác và đạo hạnh, mới 20 tuổi ông đã được chọn vào cung dạy hoàng tử. Ít lâu sau đi tu rồi trở thành người đứng đầu dòng thiền Quan Bích. Vua Nhân Tông rất trọng đãi, phong ông làm Nhập nội Đạo tràng, tôn xưng Trưởng lão, thường cùng đàm đạo việc đại sự và xin ý kiến cố vấn của ông. Lý Trường còn là một nhà thơ tài hoa với bút pháp độc đáo, ý tưởng sâu sắc mà thanh nhã.

*** MẠC ĐỈNH CHI:** Sinh năm Canh Thìn 1280, quê Hải Dương, danh sĩ thời Trần. Cực kỳ thông minh, chí khí lớn, ứng đối giỏi. Đỗ trạng nguyên năm 24 tuổi, làm quan trải 3 triều vua (Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông), thăng đến Tả bộc xạ Đại liêu ban. Thể hiện khả năng ngoại giao xuất sắc và linh động qua 2 lần đi sứ Trung Quốc, được các danh sĩ nước ngoài hết sức khâm phục. Người đương thời coi ông là gương mẫu về tài năng và tính liêm khiết.

*** LÊ VĂN LINH:** Sinh năm Bính Thìn 1376, quê Thanh Hóa, khai quốc công thần nhà Lê. Sát cánh cùng Lê Lợi khởi nghĩa chống giặc Minh rồi tận tụy phò tá 3 thế hệ vua Lê, làm đến chức Thiếu phó, trở thành trụ cột của vương triều này và là người dày công trong sự nghiệp giữ nước, mở nước, an dân. Ông được đặc biệt nể trọng bởi khí phách quân tử và tính cương trực.

*** VŨ DƯƠNG:** Sinh năm Nhâm Thìn 1472, quê Hải Dương, danh thần đời Lê Thánh Tông. Năm 21 tuổi đậu trạng nguyên, từ thi Hương đến thi Đình đều đỗ đầu, làm quan tới Thượng thư (Bộ trưởng) Bộ Công, từng đi sứ Trung Quốc nhiều lần. Ông là 1 trong 28 người giỏi thơ văn nhất được vua chọn vào Hội Tao đàn.

*** ĐÔNG TÔN TRẠCH:** Sinh năm Bính Thìn 1616, quê Hải Dương, danh thần đời Lê Chân Tông. Đa tài và nghị lực, đỗ đầu tiến sĩ năm 1646, giữ nhiều cương vị trong các bộ rồi thăng tới Tham tụng (tương đương Tể tướng). Tuy quyền cao chức trọng nhưng ông sống rất bình dân, nổi tiếng liêm chính và trong sạch.

*** NGUYỄN HUỲNH ĐỨC:** Sinh năm Mậu Thìn 1748, quê Long An, danh tướng đời Gia Long. Từ nhỏ đã có sức khỏe hơn người, ông sớm gia nhập quân đội và phò giúp nhà Nguyễn dựng nghiệp. Là võ tướng xuất sắc, chỉ huy thành công nhiều trận đánh lớn, đồng thời được giao giữ những chức vụ chủ chốt, từng cai quản toàn bộ miền Bắc (1810-1816) và toàn bộ miền Nam (1816-1819). Dũng cảm, xông xáo, giỏi việc trị an, uy danh lừng lẫy, ông được triều Nguyễn coi như một đại công thần và nhân dân khắp nơi kính phục.



*** HOÀNG KẾ VIÊM:** Sinh năm Canh Thìn 1820, quê Quảng Bình, đại danh thần, con rể vua Minh Mạng. Văn võ song toàn, can đảm và mưu lược, được cử giữ nhiều chức vụ trọng yếu. Là nhà quân sự lỗi lạc, đích thân cầm binh chinh phạt khắp nơi, dẹp tan các tập đoàn giặc cờ đen, cờ vàng, cờ trắng và chặn đứng đà xâm lược của quân Pháp. Chẳng những lập công lớn trong lĩnh vực trị an, mở mang kinh tế và cải cách hành chính thời Nguyễn, ông còn là nhà viết sử, nhà văn danh tiếng.

*** PHẠM PHÚ THỨ:** Sinh năm Canh Thìn 1820, quê Quảng Nam, danh sĩ, đại thần triều Nguyễn. Học giỏi toàn diện, năm 1842 đỗ đầu thi Hương, năm sau đỗ tiến sĩ, làm quan tới Thượng thư. Năm 1863, làm Phó sứ sang Pháp thương thuyết rồi đi thăm nhiều nước châu Âu (Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha...). Khi về, dâng lên triều Nguyễn một số chương trình cải cách cơ bản và nhiều sách về khoa học thực nghiệm, ngoại giao và thơ văn mà mình sáng tác, ghi nhận trên đường công cán. Là nhà khoa học xuất sắc, ông được coi là người đặt nền móng cho các ngành khoa học tự nhiên và khoa học ứng dụng Việt Nam.

*** TRƯƠNG ĐỊNH:** Sinh năm Canh Thìn 1820, quê Quảng Ngãi, anh hùng chống Pháp. Dòng dõi quan võ; do có công chiêu mộ dân nghèo khai hoang lập ấp nên được nhà Nguyễn phong chức Quản cơ, hàm Lục phẩm. Năm 1859, Pháp chiếm thành Gia Định, ông đem quân chặn giặc, thắng nhiều trận lớn. Sau khi ký hòa ước với Pháp (1862), triều Nguyễn buộc ông bãi binh nhưng ông cưỡng lệnh, tự tuyển lính kháng Pháp, xưng là Bình Tây Đại Nguyên soái. Được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng, nghĩa quân tung hoành khắp Nam Bộ. Qua nhiều lần dụ hàng và đàn áp không nổi, sáng 19/08/1864, giặc mở cuộc bao vây, tấn công rất quy mô. Chiến đấu đến cùng, bị bắn gãy xương sống, Trương Định rút gươm tự sát chứ không để địch bắt. Ông trở thành biểu tượng vĩ đại của lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm và khí tiết nam nhi.

*** BÙI DI:** Sinh năm Nhâm Thìn 1832, quê Hà Nam, danh sĩ đời Tự Đức. Đậu phó bảng năm 1865 (sau được Thành Thái đặc xét đỗ tiến sĩ), làm tới chức Thượng thư, hàm Hiệp biện Đại học sĩ và khi về hưu rồi vẫn còn được mời ra làm thầy dạy vua! Đi sứ Trung Quốc năm 1876, rất được quan lại nhà Thanh nể phục vì tài ứng đối và thi phú. Năm 1882, quân Pháp đánh chiếm Hà Nội, ông dâng sớ xin quyết chiến và làm Phó Kinh lược sứ Bắc Kỳ, chỉ huy nhiều trận đánh lớn. Nổi tiếng văn chương, ông để lại 6 bộ tác phẩm đồ sộ cùng hàng trăm bài thơ.

*** NGUYỄN QUANG BÍCH:** Sinh năm Nhâm Thìn 1832, quê Thái Bình, chí sĩ cận đại. Học giỏi, văn hay, năm 1861 thi đỗ và làm quan triều Nguyễn. Chủ trương chống Pháp triệt để, dốc sức hưởng ứng phong trào Cần vương của vua Hàm Nghi (1885), trở thành lãnh tụ kháng chiến Bắc Kỳ, được phong làm Thượng thư Bộ Lễ kiêm Tổng chỉ huy quân đội miền Bắc. Ông để lại hình ảnh đẹp về một vị quan rất mực thương dân, một nhà yêu nước bất khuất, một thi sĩ tài hoa và kiêu hùng.

*** PHAN ĐÌNH PHÙNG:** Sinh năm Giáp Thìn 1844, quê Hà Tĩnh, chí sĩ, anh hùng chống Pháp. Đỗ đình nguyên năm 1877, làm quan triều Tự Đức tới chức Ngự sử. Yêu nước và khảng khái, ông thẳng thắn lên án thái độ tiêu cực, hèn nhát của nhà Nguyễn rồi chiêu tập, lãnh đạo binh sĩ kiên quyết đánh Pháp. Trong suốt 10 năm (1885-1895), nghĩa quân Phan Đình Phùng hoạt động mạnh mẽ, lập nên những chiến thắng vang dội, làm giặc thất điên bát đảo, vất vả lắm mới trấn áp được.

*** NGUYỄN THƯỢNG HIỀN:** Sinh năm Mậu Thìn 1868, quê Hà Nội, danh sĩ, chí sĩ yêu nước. Học giỏi, chí lớn, năm 17 tuổi đỗ cử nhân, 24 tuổi đỗ hoàng giáp nhưng lại lui về ẩn dật, triều đình mời mãi mới ra làm quan chức sơ phẩm. Năm 1907, ông từ quan, sang Nhật hưởng ứng phong trào Đông du, từ đó sát cánh với Phan Bội Châu lo việc cứu nước. Năm 1915, sang Thái Lan liên lạc với công sứ nước Đức và Áo, bàn kế hoạch hợp tác đánh Pháp. Gặp nhiều rủi ro và thất bại, đau xót vào tu tại chùa Thường Tịch Quang (Trung Quốc) và mất ở đây năm 1925. Chẳng những là một nhà ái quốc nhiệt tình, khí tiết, ông còn là một nhà văn lớn với nhiều công trình giá trị về văn xuôi, ngôn ngữ học và hơn 600 bài thơ.

*** NGUYỄN LƯƠNG BẰNG:** Sinh năm Giáp Thìn 1904, quê Hải Dương, nhà cách mạng lão thành. Nồng nàn yêu nước, trải qua hơn nửa thế kỷ hoạt động cách mạng (1925-1979), ông đã cống hiến cả đời mình cho dân tộc. Trong bất kỳ hoàn cảnh và cương vị nào, đều hăng hái làm tròn nhiệm vụ, nêu gương sáng về đạo đức trung thành, tác phong cần cù, giản dị và nghị lực cao. Ông từng giữ nhiều chức vụ chính trị, ngoại giao quan trọng và làm tới Phó Chủ tịch nước Việt Nam.

*** TRẦN PHÚ:** Sinh năm Giáp Thìn 1904, quê Hà Tĩnh, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1922, tốt nghiệp thành chung, dạy học ở Vinh, tham gia lập hội Phục Việt. Năm 1926, sang Trung Quốc, được kết nạp vào Cộng sản đoàn rồi về nước gây dựng phong trào. Năm 1927, được cử sang học tại trường Đại học Phương Đông ở Moskva (Nga) và làm bí thư chi bộ trường. Tháng 10/1930, tại Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Đảng họp ở Hồng Kông, được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương (bao gồm cả Đảng Cộng sản Việt Nam). Do hoạt động cách mạng sâu rộng và vai trò quan trọng, ông bị giặc Pháp săn lùng ráo riết, bị bắt ngày 19/04/1931 và mất trong ngục ngày 06/09 năm đó.

*** ĐÀO DUY ANH:** Sinh năm Giáp Thìn 1904, quê Thanh Hóa, nhà sử học, nhà văn hóa danh tiếng. Tốt nghiệp thành chung năm 1923, sôi nổi tham gia hoạt động chính trị, dạy học, làm báo tại miền Trung và nghiên cứu các khoa học xã hội. Từ sau Cách mạng tháng Tám, làm giáo sư giảng dạy cho nhiều trường đại học ở Hà Nội. Là một học giả uyên bác, ông sáng tạo nhiều công trình rất giá trị về ngôn ngữ, văn chương, lịch sử..., đóng góp lớn cho nền văn hóa sử nước nhà.

*** THÁI VĂN LUNG:** Sinh năm Bính Thìn 1916, quê Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh), luật sư, chiến sĩ cách mạng. Tầm nhìn xa rộng, nồng nàn yêu nước và trung nghĩa. Học đại học luật và khoa học chính trị tại Pháp, tốt nghiệp hạng ưu, ông trở về Việt Nam tích cực hoạt động cách mạng. Tháng 03/1945, được Xứ ủy Nam Kỳ giao nhiệm vụ lãnh đạo phong trào thanh niên cứu quốc vùng Sài Gòn. Đầu năm 1946, làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Thủ Đức. Bị giặc bắt, dụ dỗ rồi tra tấn dã man, nhưng vẫn không hề lay chuyển, giữ vững khí tiết. Ông hy sinh trong tù khi mới 30 tuổi.

*** XUÂN DIỆU:** Sinh năm Bính Thìn 1916, quê Hà Tĩnh, nhà thơ nổi tiếng. Học qua nhiều trường, say mê văn chương từ bé, làm thơ viết văn đăng trên các báo ở Hà Nội, sớm sáng danh bởi bút pháp sôi nổi, tài hoa, nhiệt thành. Tham gia cách mạng, ông trải qua những chức vị quan trọng. Sự nghiệp văn thơ rất đồ sộ với hàng nghìn bài thơ, truyện ngắn, bút ký, tiểu luận... Ông được coi là nhà thơ tình yêu xuất sắc nhất trong nền thi ca hiện đại Việt Nam.

*** NGUYỄN VĂN TRỖI:** Sinh năm Canh Thìn 1940, quê Quảng Nam, anh hùng chống Mỹ. Làm thợ điện nhưng sớm giác ngộ cách mạng, tham gia tổ chức biệt động vũ trang thuộc Đại đội Quyết tử 65. Đầu năm 1964, ra căn cứ Rừng Thơm (Long An) học chính trị và nghệ thuật biệt động nội thành, từ đó tổ chức và chỉ huy nhiều trận đánh. Ngày 09/05/1964, anh bị bắt lúc đang gài mìn tại cầu Công Lý để tiêu diệt phái đoàn quân sự cấp cao của giặc Mỹ do Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara dẫn đầu. Không lung lạc được ý chí, chính quyền Sài Gòn đem anh ra xử bắn ngày 15/10/1964. Tinh thần yêu nước, lòng dũng cảm và cái chết bi hùng của anh gây xúc động mạnh mẽ cho nhân dân Việt Nam và thế giới bấy giờ.

Nông nghiệp năm 2024 hướng tới tăng trưởng xanh và bền vững

Hương Lan

Sau một năm vượt qua những thử thách về thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là biến động thị trường do suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản vẫn đạt được nhiều thành quả.

Hơn 53 tỷ USD thu về từ xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản trong năm 2023 đã ghi dấu những nỗ lực không mệt mỏi của bà con nông dân, của các nhà quản lý, nhà khoa học trong lĩnh vực này, từ đó để tạo tiền đề và động lực để ngành nông nghiệp tiếp tục vươn xa hơn, gặt hái được những mùa vàng trong năm 2024.

Niềm vui của những nông dân trồng lúa, của các nhà vườn trồng sầu riêng, rau quả trong năm 2023 đã cho thấy điểm sáng đáng mừng

nhất trong sản xuất và xuất khẩu nông sản khi xuất khẩu gạo và rau quả đạt mức kỷ lục.

Năm 2023, ngành nông nghiệp vẫn duy trì đà tăng trưởng cao, phát triển toàn diện; với mức tăng trưởng GDP toàn ngành đạt 3,83%, cao nhất trong nhiều năm gần đây. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản duy trì mức cao, trên 53 tỷ USD; xuất siêu đạt mức kỷ lục 12,07 tỷ USD, tăng 43,7%.



Nông nghiệp năm 2024 hướng tới tăng trưởng xanh và bền vững

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phùng Đức Tiến nhận định: Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, các cân đối lớn của nền kinh tế và góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

“Trong bối cảnh hết sức khó khăn, nhưng với sự chung sức đồng lòng của toàn xã hội, của các địa phương cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chúng ta đã về đích được rất nhiều mục tiêu quan trọng. Một năm nỗ lực phấn đấu để chúng ta về đích những mục tiêu rất ngoạn mục, được Chính phủ và Trung ương đánh giá rất cao, vẫn khẳng định là trụ đỡ của nền kinh tế, góp phần quan trọng vào nền kinh tế đất nước trong lúc khó khăn” - Thứ trưởng Phùng Đức Tiến nói.

Năm 2023 cả nước có khoảng 78% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 1.612 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 256 xã nông thôn mới kiểu mẫu và có 270 huyện, thị hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới. Số sản phẩm đạt chứng nhận OCOP ngày càng tăng, với 11.056 sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân và phát triển kinh tế nông thôn.

Năm 2024, dự báo nền kinh tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, như: giá vật tư nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp vẫn ở mức cao, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; mưa lũ diễn biến bất thường, nắng nóng gay gắt hơn, nguy cơ hạn hán, thiếu nước nặng nề do tác động của El Nino...; đặc biệt là tác động từ xung đột, bất ổn của thế giới khiến thị trường bấp bênh.

Ông Nguyễn Văn Việt, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, ngành nông nghiệp vẫn cố gắng vượt qua khó khăn, đặt ra những mục tiêu để phấn đấu thực hiện: “Bước sang năm 2024, chúng tôi thấy là ngành nông nghiệp vẫn còn 3 cái khó: thứ nhất đó là thị trường, thứ 2 là thời tiết, thứ 3 là khống chế được dịch bệnh. Về thị trường chúng tôi sẽ cố gắng, dịch bệnh chúng tôi cũng cố gắng khắc phục nhưng thời tiết vẫn là yếu tố khách quan. Về chỉ tiêu năm 2024, đề ra tốc độ tăng trưởng toàn ngành 3,0 - 3,5%; Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản khoảng 54 - 55 tỷ USD. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 80%”.



Số sản phẩm đạt chứng nhận OCOP ngày càng tăng, với 11.056 sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân và phát triển kinh tế nông thôn

Năm 2023 là năm ghi dấu ấn tượng của ngành lúa gạo khi xuất khẩu gạo nước ta đạt khoảng 8,2 triệu tấn với kim ngạch gần 4,8 tỷ USD, tăng 40% so với năm trước, ở mức cao nhất trong hàng chục năm qua. Ông Nguyễn Như Cường, Cục trưởng Cục Trồng trọt cho biết, dự báo năm 2024, tình hình thị trường lúa gạo nhu cầu vẫn ở mức cao, ngành trồng trọt tiếp tục chỉ đạo tăng cường sản xuất, đặc biệt là lúa chất lượng để đảm bảo xuất khẩu một cách bền vững.

“Một số tổ chức tài chính thế giới dự báo, tình hình lúa gạo vẫn ở mức độ cao trong năm 2024, 2025, nhưng sẽ khó cao như năm 2023 do nhu cầu tiêu thụ gạo tăng trong sản lượng thế giới không tăng nhiều. Sản xuất lúa gạo Việt Nam trong 2024 theo kế hoạch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với các địa phương gieo trồng khoảng 7,1 triệu ha hoặc có thể thấp hơn, trong đấy vẫn đảm bảo sản lượng 43 triệu tấn. Với như vậy thì chúng ta có thể đảm bảo hoàn toàn an ninh lương thực trong bất kỳ tình huống trong mọi hoàn cảnh. Và chúng ta vẫn đảm bảo xuất khẩu gạo như trong năm 2023” - ông Nguyễn Như Cường nói.

Trên đà xuất khẩu rau quả có bước tăng trưởng ngoạn mục, tăng 70% so với năm 2022, đạt gần 5,7 tỷ USD, việc tổ chức sản xuất đảm

bảo tiêu chuẩn chất lượng, kiểm dịch thực vật và tăng cường xúc tiến thương mại với các thị trường được ngành rau quả chú trọng. Tín hiệu vui đầu năm 2024 khi các mặt hàng như sầu riêng đông lạnh, dưa tươi, bơ, bưởi... sắp tới được cấp phép xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc kỳ vọng sẽ giúp ngành rau quả tăng thêm ít nhất 1 tỷ USD trong năm 2024.

Năm 2023 đánh dấu cột mốc quan trọng trong lĩnh vực lâm nghiệp khi chuyển nhượng thành công lượng giảm phát thải 10,3 triệu tấn các bon cho Quỹ Đối tác các bon trong lâm nghiệp thông qua Ngân hàng Thế giới (WB), thu về 51,5 triệu USD, tương đương 1.200 tỷ đồng. Cùng với đó, Việt Nam trở thành nước đầu tiên trên thế giới trồng lúa giảm phát thải khi triển khai Đề án 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL từ cuối năm 2023. Điều đó cho thấy, không chỉ thay đổi từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế, ngành nông nghiệp tiếp tục hướng tới sản xuất xanh và bền vững.

Đây là mục tiêu của ngành trong năm 2024 và những năm tiếp theo, nhằm hiện thực hoá Chiến lược phát triển và Nghị quyết Trung ương để xây dựng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

NÔNG NGHIỆP "CHÂN LẮM TAY BÙN" KHÓ THU HÚT THANH NIÊN

PGS.TS Đào Thế Anh

Phó Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam



Muốn thu hút thanh niên làm nông nghiệp phải áp dụng công nghệ hiện đại và có thu nhập, chứ chân lấm tay bùn như ngày xưa thì rất khó.

Nông dân văn minh không phải là bỏ hết giá trị truyền thống

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng "Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh" là mục tiêu mà ngành nông nghiệp Việt Nam đang hướng đến.

Hiểu về nông dân văn minh thì đây là khái niệm rất rộng, nhưng đầu tiên là nông dân phải hướng đến chuyên nghiệp hóa, coi nông nghiệp là một nghề như các nghề khác, vừa có nghĩa vụ, trách

nhiệm nhưng cũng có quyền lợi, đảm bảo thu nhập, có các chính sách xã hội như trợ cấp hưu trí, bảo hiểm...

Bên cạnh đó, nông dân cũng phải tôn trọng luật pháp, có trách nhiệm xã hội. Trách nhiệm ở đây là phải tự nhận thức được các yêu cầu của xã hội, chủ động sản xuất sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn chất lượng, dinh dưỡng, minh bạch thông tin, không gây ô nhiễm môi trường, thậm chí hiện nay còn phải đáp ứng những nhu cầu hiện đại của xã hội như phát thải KNK thấp, không phá rừng, không phá hủy môi trường...

Nông nghiệp là ngành có truyền thống lịch sử, dù chúng ta đang chuyển đổi sang chiến lược nông nghiệp sinh thái bền vững nhưng không phải là bỏ hết các giá trị truyền thống. Chẳng hạn như nghề trồng lúa nước của Việt Nam đã có cả ngàn đời nay rồi, tuy có sự biến đổi theo từng thời điểm lịch sử, trong giai đoạn tới phải phát triển bền vững hơn, giảm phát thải KNK, đây là những điều chỉnh. Tuy nhiên, việc kết hợp những giá trị truyền thống và bền vững là rất quan trọng, đây mới là nông dân văn minh, chứ không phải văn minh là bỏ hết giá trị truyền thống.

Làm nông nghiệp bây giờ không phải chỉ để cung cấp lương thực thực phẩm mà còn là bảo vệ môi trường, phát triển du lịch... Mà muốn thu hút du lịch thì phải có những giá trị truyền thống, bảo tồn được những di sản nông nghiệp.

Nông dân Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp được đánh giá cực kỳ năng động. Tuy nhiên điểm yếu là thiếu thông tin, thiếu kiến thức, thiếu thị trường, quy mô nhỏ, tinh thần hợp tác và tham gia hợp tác xã chưa tốt.



Phải có chính sách thu hút thế hệ thanh niên làm nông nghiệp. Hiện nay chúng ta chưa có chính sách này. Các nước châu Á trong khu vực đều có chiến lược này vì phải chuẩn bị nguồn nhân lực cho giai đoạn tới.

Quy mô nhỏ muốn tham gia vào thị trường, muốn hiện đại hóa nông nghiệp dứt khoát phải hợp tác. Với nông dân quy mô nhỏ ở Việt Nam, 100% phải tham gia hợp tác xã, nhưng hiện nay chưa đạt được yêu cầu này. Việc tham gia vào hợp tác xã sẽ giải quyết được nhiều vấn đề mà từng hộ nông dân đơn lẻ không làm được. Chẳng hạn, muốn chúng nhận chất lượng vùng sản xuất phải chứng nhận theo hợp tác xã, không thể chúng nhận đến từng hộ được. Muốn sử dụng máy nông nghiệp, cơ giới hóa, công nghệ, làm nông nghiệp phát thải thấp... cũng phải hợp tác với nhau. Cần phải nâng cao nhận thức về vấn đề này.

Nếu có thông tin đầy đủ, nhận thức đầy đủ, được tiếp cận với tín dụng, khuyến nông, đào tạo, nông dân Việt Nam hoàn toàn có thể làm được

những điều phi thường.

Nông dân không được đào tạo sẽ khó thích ứng với các điều kiện mới

Ngành nông nghiệp bị đánh giá thiếu nguồn lực lao động cũng đúng. Thứ nhất hiện nay chủ yếu là người già ở lại nông thôn làm nông nghiệp, số lượng thanh niên làm nông nghiệp ở nông thôn tương đối ít. Thanh niên có xu hướng đi ra thành phố tìm các công việc khác có thu nhập cao hơn và đỡ vất vả hơn.

Thứ hai, ở một số vùng, đặc biệt là ở miền Bắc, miền Trung và miền núi thì phụ nữ làm nông nghiệp là chủ yếu, nam giới đa phần chuyển sang những ngành, nghề khác.

Lực lượng lao động như vậy sẽ không thể đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành nông nghiệp trong giai đoạn tới. Cấp thiết phải đa dạng hình thức đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, hướng đến chuyên nghiệp hóa.

Nông nghiệp nước ta hiện trong giai đoạn bản lề, chuyển từ nền nông nghiệp mang tính thâm canh, lấy năng suất làm hàng đầu sang hướng chất lượng cao, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, áp dụng công nghệ, trong đó có chuyển đổi số. Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh và sâu hơn là chuyên nghiệp hóa. Đây là những yêu cầu đòi hỏi nhu cầu mới. Nhu cầu về mặt kiến thức lớn hơn, rộng hơn, nhiều hơn và phong phú hơn giai đoạn trước. Như

vậy, nếu người nông dân không được đào tạo, không được trang bị những kiến thức cơ bản thì sẽ rất khó khăn trong việc thích ứng với các điều kiện mới.

Phải đa dạng hình thức đào tạo

Hiện nay chúng ta có trên 10 triệu hộ nông dân, việc đào tạo vì thế không đơn giản. Trong thời gian tới, trước tiên cần tăng cường đào tạo thông qua hệ thống các hợp tác xã. Hiện nay chúng ta đang có chiến lược thúc đẩy hộ nông dân, khuyến khích họ tham gia vào hợp tác xã. Theo đó việc đầu tiên là phải đào tạo cán bộ hợp tác xã để họ đào tạo lại cho nông dân.

Thứ hai, các nội dung đào tạo phải phù hợp với yêu cầu thực tế. Hiện nay chúng ta vẫn có các viện, trường, các chương trình đào tạo nhưng nhìn chung bị lạc hậu so với thực tiễn. Chẳng hạn bây giờ nông dân muốn học chuyển đổi số thì ở đâu đào tạo. Cần có sự hợp tác với các doanh nghiệp, công ty tư nhân trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Thứ ba, các nhóm khuyến nông cộng đồng tuy nhiều nhưng cùng một lúc không thể giải quyết được hết các vấn đề. Phải đa dạng hình thức, cần tận dụng cơ hội của chuyển đổi số, công cụ số để tuyên truyền thông tin, phổ biến tiến bộ kỹ thuật, phương thức quản trị tốt... đến từng nhóm khuyến nông cộng đồng.

Thứ tư, đối với những kiến thức mới, hiện có những kênh

truyền thông rất tốt, ví dụ như Báo Nông nghiệp Việt Nam, ngoài báo điện tử cũng đã có cả truyền hình hay như kênh VTC16 chuyên về nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

Thứ năm, cần tích cực và huy động nguồn lực hợp tác quốc tế. Làm thế nào để thu hút các tiến bộ, công nghệ, khoa học kỹ thuật hay trên thế giới về áp dụng ở Việt Nam. Nhiều trung tâm quốc tế rất thích làm ở Việt Nam bởi nông dân nước ta rất năng động, áp dụng là có kết quả ngay. Đây là tín hiệu tốt, một bên có thông tin, kiến thức, nhu cầu chuyển giao, thậm chí có cả nguồn lực. Các viện, trường, đơn vị của Việt Nam có thể thu hút điều này.

Công nghệ có thể đến từ các công ty, doanh nghiệp tư nhân nữa. Bản thân nguồn lực nghiên cứu của Việt Nam hiện tương đối thấp nên không thể nghiên cứu được tất cả yếu tố mới, vì vậy hợp tác quốc tế, kể cả với khu vực tư nhân của nước ngoài cũng là giải pháp đáng quan tâm.

Cần chiến lược thu hút thanh niên làm nông nghiệp

Vẫn còn nhiều khó khăn trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp. Cần nhiều giải pháp để tháo gỡ. Trước hết phải thúc đẩy cải tổ và tăng cường hệ thống năng lực của các viện, trường. Đây là động lực đầu tiên, phải có người cung cấp kiến thức.

Trong hệ thống các viện, trường, đầu tư của nhà nước cho khoa học công nghệ đối với ngành nông nghiệp đang có xu

hướng giảm đi. Nên điều chỉnh lại chiến lược này, cần đảm bảo đầu tư của nhà nước đối với các viện, trường cho khoa học công nghệ đối với ngành nông nghiệp. Kinh nghiệm của các nước như Ấn Độ, Trung Quốc... trong quá trình đa dạng hóa ngành nông nghiệp cho thấy, nhà nước phải tăng cường đầu tư cho nông nghiệp.

Hiện nay nhu cầu về kiến thức, về mặt năng lực lớn hơn trước đây rất nhiều, số lượng lĩnh vực rộng hơn, có những lĩnh vực mới cần phải đầu tư cán bộ, phải có những người được đi học, được đào tạo, vì vậy nếu không có sự đầu tư từ nhà nước sẽ bị tụt hậu so với nước khác. Hậu quả chưa thể hiện ngay bây giờ bởi hiện chúng ta vẫn thấy nông nghiệp đang phát triển, nhưng 5 - 10 năm tới nếu không đảm bảo được sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất, không đảm bảo được mức độ tăng trưởng như hiện nay.

Bên cạnh đó cũng cần nhanh chóng gỡ rối những cản trở liên quan đến vấn đề tự chủ cho các viện, trường, đơn vị nghiên cứu... Hiện nay

còn nhiều cản trở về mặt hành chính như tài chính, sử dụng tài sản công, chuyển giao các kết quả nghiên cứu... chưa được "cởi trói".

Một điểm nữa là phải có chiến lược thu hút thế hệ thanh niên làm nông nghiệp. Hiện nay chúng ta chưa có chính sách này. Các nước châu Á trong khu vực đều có chiến lược này vì phải chuẩn bị nguồn nhân lực cho giai đoạn tới.

Những hướng mới để thu hút nông dân trẻ

Thế hệ thanh niên chưa mặn mà với nông nghiệp, số lượng sinh viên đăng ký vào các trường nông nghiệp ngày càng giảm đi, sinh viên giỏi ngày càng ít đi. Thanh niên bây giờ không phải làm nông nghiệp như kiểu cha ông ngày xưa là tự cung tự cấp. Muốn thanh niên làm nông nghiệp phải là doanh nghiệp nông nghiệp, phải là doanh nhân, có tư duy kinh tế nông nghiệp và có thu nhập. Muốn như vậy phải áp dụng công nghệ hiện đại, nông nghiệp "chân lấm tay bùn" như ngày xưa rất khó thu hút thanh niên.



Không phải không có giải pháp để khắc phục vấn đề này. Trước hết, cần có những giải pháp mang tính chính sách nhằm tạo điều kiện cho thanh niên tiếp cận đào tạo. Chúng ta đang định hướng nông dân chuyên nghiệp, 10 triệu hộ rất khó nhưng nông dân thế hệ mới có thể bắt đầu chuyên nghiệp hóa dần dần.

Ở các nước để đáp ứng được những yêu cầu về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm..., không phải ai cũng được làm nông dân, muốn làm nông dân phải được đào tạo. Ví dụ ở Pháp, nếu thất nghiệp về vùng nông thôn không phải cứ thế ra ruộng làm là thành nông dân, mà phải chuyển nghề, đi học một năm rưỡi các kiến thức cơ bản liên quan đến nông nghiệp bền vững, sau đó mới được cấp giấy phép để làm nông dân. Tóm lại họ coi nông nghiệp là một nghề, tương tự như các nghề khác.

Thế giới sau đại dịch Covid-19 đang nhìn lại toàn

bộ vấn đề liên quan đến thực phẩm, từ sản xuất, phân phối, tiêu dùng, họ đang đưa ra khái niệm hệ thống lương thực thực phẩm. Ở nước ta, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030. Về mặt chính sách, Việt Nam đã rất nhanh nhạy. Theo đó, nên thu hút thanh niên vào lĩnh vực thực phẩm, sản xuất kinh doanh thực phẩm cũng là định hướng mới. Muốn như vậy phải có đào tạo tối thiểu.

Thực tế hiện nay đã có một số thanh niên ở thành phố, ở các lĩnh vực khác, thậm chí đang làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin đã mạnh dạn về quê để mở trang trại nông nghiệp ứng dụng công nghệ số. Phải đào tạo cho thanh niên, phổ biến, ruyền bá những mô hình nông nghiệp sinh thái hay nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch. Đây là những hướng mới để thu hút

thanh niên làm nông nghiệp.

Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030 cũng đang thử nghiệm các hoạt động làm thế nào để thu hút được giới trẻ, thậm chí mở rộng đào tạo nông nghiệp sinh thái, tình yêu thiên nhiên vào các trường học, gắn với tiêu dùng.

Nông nghiệp thì phải có đầu ra, đầu ra liên quan đến nhận thức của người tiêu dùng, nên chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm có cả hoạt động đào tạo, giáo dục cho cả người tiêu dùng nhằm khuyến khích sử dụng những sản phẩm nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp bền vững, nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng... Có như vậy mới tạo được động lực cho ngành nông nghiệp, mới thúc đẩy nông dân sản xuất. Nhìn chung cần có nhiều giải pháp, nhưng phải đồng bộ từ sản xuất, chế biến cho đến tiêu dùng.

HỒNG THẨM (Ghi)

TÔN VINH NHỮNG GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG HOA ĐÀO NHẬT TÂN!

Tin: Quyết Tuấn, Ảnh: Gia Khánh

Nằm trong chuỗi hoạt động của Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP vùng miền xuân Giáp Thìn 2024, ngày 18/01/2024, Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội phối hợp cùng UBND quận Tây Hồ tổ chức Hội thi hoa Đào truyền thống quận Tây Hồ.

Tới dự buổi khai mạc Hội thi có: Phó Giám đốc Sở NN và PTNT thành phố Hà Nội Tạ Văn Tường; Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng điều phối xây dựng Nông thôn mới TP. Hà Nội Nguyễn Văn Chí; Phó Chủ tịch UBND quận Tây Hồ Nguyễn Thanh Tịnh, các thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo Hội thi, đại diện các Hiệp hội chuyên ngành và đông đảo các cơ quan báo chí đến tham dự và đưa tin.



Quang cảnh Hội thi

Phát biểu khai mạc lễ hội, Phó Giám đốc Sở NN và PTNT Tạ Văn Tường cho biết: Việc tổ chức lễ hội nhằm thúc đẩy phát triển các làng nghề truyền thống, gắn với phát triển du lịch trên địa bàn TP. Đây không chỉ là hoạt động “Kết nối tiềm năng - Gia tăng giá trị- Phát triển bền vững” những giá trị làng nghề truyền thống nói

chung, tôn vinh nét đẹp làng nghề “Đào Nhật Tân”, “Quất cảnh Tứ Liên” quận Tây Hồ gắn với giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP, đặc sản vùng miền mỗi dịp Tết đến Xuân về. Đây cũng là dịp để Nhân dân Thủ đô, du khách trong và ngoài nước thưởng ngoạn, mua sắm phục vụ Tết Nguyên Đán Giáp Thìn 2024.



Ông Tạ Văn Tường, PGD Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội

Theo Phó Giám đốc Sở NN và PTNT Hà Nội, Hoa đào Nhật Tân nổi tiếng với một truyền thuyết đẹp, sau khi tiêu diệt mấy chục vạn quân xâm lược nhà Thanh ở Thăng Long ngày mùng 5 Tết Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung đã sai lính phi ngựa thần tốc ngày đêm mang cành hoa đào Nhật Tân vào Phú Xuân để tặng Công chúa Ngọc Hân, thay thiệp báo tin mừng chiến thắng và cành hoa đào tươi thắm cũng là lời nhắn gửi tình cảm tới công chúa.

Ngày nay, Nhật Tân là nơi trồng hoa đào cảnh nổi tiếng của Hà Nội từ rất lâu đời. Lấy nghề trồng đào làm nghề chủ đạo nên làng đào Nhật Tân đã góp phần thay đổi một vùng quê, mang

lại thu nhập ổn định cho người dân trong làng. Hoa đào Nhật Tân đã trở thành thương hiệu tự hào của Thủ đô. Diện tích trồng đào Nhật Tân 78 ha, trong làng có khoảng 802 hộ dân gắn bó với nghề này và đào Nhật Tân hiện đã có sản phẩm OCOP 4 sao...“Thông qua lễ hội, tạo ra một sân chơi công bằng để khuyến khích các nghệ nhân trồng đào phát huy ý tưởng mới, cho ra những tác phẩm có tính sáng tạo, kỹ thuật, mỹ thuật, có tính ứng dụng cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước và hội nhập quốc tế...”, ông Tạ Văn Tường nhấn mạnh.

Theo Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng điều phối xây dựng Nông thôn mới TP. Hà Nội Nguyễn Văn Chí, tham dự Hội thi hoa Đào truyền thống quận Tây Hồ năm 2024 có 54 tác phẩm của 29 tác giả tại 2 phường Nhật Tân và Phú Thượng. Trong đó, phường Nhật Tân có 48 tác phẩm của 24 tác giả tham dự; phường Phú Thượng có 6 tác phẩm của 5 tác giả tham dự. Các tác phẩm mang đến hội thi là sản phẩm cây đào truyền thống có tuổi thọ từ 5- 10 năm được các hộ gia đình với nhiều năm kinh nghiệm trồng đào chăm, tỉa. Mỗi tác phẩm, sản phẩm dự thi đều chứa trong mình những câu chuyện riêng, thể hiện rõ nét văn hóa, đời sống, vật chất tinh thần của người Hà Nội.



BTC, BGK Hội thi



PGS.TS Đặng Văn Đông, Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Rau quả Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Giám khảo Hội thi hoa Đào truyền thống quận Tây Hồ năm 2024 cho biết công tác chấm thi được tiến hành một cách khoa học, khách quan công tâm. Ban giám khảo hội thi hội tụ các thành phần từ đại diện cơ quan quản lý nhà nước, các nhà khoa học, các chuyên gia nghệ nhân, đại diện các Hiệp hội chuyên ngành.



Các thành viên BGK đánh giá từng tác phẩm dựa trên các tiêu chí khắt khe của BTC Hội thi đề ra

GS.TSKH Trần Duy Quý, Chủ tịch Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Sinh Vật Cảnh thành phố Hà Nội đánh giá cao chất lượng các tác phẩm tham dự Hội thi năm nay. Theo đó, phần lớn tác phẩm mang đến Hội thi là các cây đào Bonsai, cây đào cổ thụ, cây đào Thất thốn truyền thống,... với nhiều kiểu dáng, được tạo tác chăm sóc công phu và có các thông điệp đầy ý nghĩa nhằm bảo tồn và phát triển giá trị lịch sử văn hóa nông nghiệp làng nghề "đào Nhật Tân".



Tại Hội thi hội tụ nhiều tác phẩm đào thế với đủ các tiêu chí "Cổ - Kỳ - Mỹ"

“Về tiêu chí chấm thi có 4 nhóm tiêu chí chung gồm: Dáng thế, tuổi thọ, nguồn gốc (Trực, Siêu, Hoàn, Huyền; Hệ thống rễ, thân, cành, rầm, chi, lá (Phô thân, khoe lá, lộ căn...); Hoa, nụ, quả, lộc, hương thơm (Hoa nụ sai, cánh to phân bố đều trên cây, hương thơm tự nhiên, không mùi hóa chất...); Chủ đề, ý nghĩa của tác phẩm: Tổng thể hài hòa, tôn trọng tự nhiên, có tính sáng tạo và thể hiện rõ chủ đề tư tưởng làm ra tác phẩm; Ý nghĩa chủ đề và điểm sáng tạo độc đáo tạo nên giá trị thẩm mỹ và kinh tế (Tôn vinh sự sáng tạo, kế thừa truyền thống và hiện đại...). Ngoài ra, quy chế cũng đã đề ra 13 tiêu chí riêng cho

cây Đào...”, PGS.TS Đặng Văn Đông chia sẻ.

Được biết, hàng năm, UBND phường Nhật Tân đều tổ chức hội thi hoa đào truyền thống tại địa bàn phường Nhật Tân. Tuy nhiên, năm nay TP. Hà Nội tổ chức hội thi hoa đào, quất cảnh truyền thống cấp TP trên địa bàn quận Tây Hồ với nhiều giải thưởng. Trong đó, có 1 giải Nhất, 2 giải Nhì, 5 giải Ba và 10 giải Khuyến khích. Các tác phẩm đạt giải được tôn vinh trưng bày trang trọng tại Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP xuân Giáp Thìn 2024 diễn ra từ ngày 26/01 - 01/02/2024 tại Không gian Văn hoá sáng tạo quận Tây Hồ.



Đón Xuân Về

A woman in traditional Thai dress, including a white conical hat and a dark blue long-sleeved top with silver circular ornaments, stands on a rocky outcrop. She is pointing her right index finger upwards towards the sky. The background is a dense forest of trees with white blossoms, likely cherry blossoms, in a misty or overcast setting. The ground is covered with moss and small green plants.

Mùa Xuân

Hồng Thái



Sắc Xuân Đất Việt 2024

Bài: Quyết Tuấn, Ảnh: Trường Giang - Thế Chiến - Văn Đồng

Thiết thực Chào mừng Kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2024), nằm trong chuỗi hoạt động của Lễ hội hoa đào, quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền xuân Giáp Thìn 2024, tối ngày 27/01/2024 tại Không gian Văn hóa Sáng tạo Tây Hồ, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội phối hợp với Viện Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển - Liên hiệp các hội KHKT Việt Nam long trọng tổ chức Chương trình nghệ thuật “Sắc Xuân Đất Việt - Mừng Đảng, Mừng Xuân, Mừng Đất nước Đổi mới”.

Đến dự với chương trình có NSND Vương Duy Biên, Phó chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Nguyên Thứ trưởng Bộ VH-TT-DL; Ông Nguyễn Văn Chí, Phó Chánh văn phòng Thường trực Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Hà Nội; PGS.TS Phạm Hùng Việt, Việt - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển; TS. Phạm Việt Long - Tổng Biên tập Tạp chí điện tử Văn hóa và Phát triển; Viện sĩ Đào Thế Anh, Phó Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và PTNT; GS.TSKH Trần Duy Quý, Chủ tịch Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam; Đại

diện Tổ chức Nông nghiệp Quốc tế - CIAT tại Việt Nam; Đại diện Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Úc; Đại diện gia đình cố Nhạc sĩ An Thuyên; Nhạc sĩ Ngọc Khuê; Nhạc sĩ Lê Minh; đồng đạo các văn nghệ sĩ đến từ các đoàn văn nghệ thuật trong và ngoài quân đội, các thế hệ học sinh, bạn bè, đồng nghiệp và người hâm mộ NSUT Hương Giang đến từ các địa phương trong cả nước. Cùng đồng đạo các tầng lớp nhân dân và du khách thập phương về dự Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền xuân Giáp Thìn 2024.





Đại diện BTC lưu niệm cùng NSUT Hương Giang cùng một số nghệ sĩ tham gia biểu diễn

Theo đó, Chương trình nghệ thuật đặc sắc được xây dựng dưới dạng sử thi với về chủ đề xuyên suốt "Sắc Xuân Đất Việt" nhằm giới thiệu những ca khúc trữ tình cách mạng đã đi cùng năm tháng, ngợi ca tình yêu quê hương đất nước, biết ơn Đảng quang vinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, tri ân mẹ Tổ Quốc, các anh hùng dân tộc, các bậc tiền nhân đã cống hiến hy sinh cho Sắc Xuân Đất Việt mãi trường tồn. Đây cũng chính là những bản tình ca được Thượng tá, NSUT Hương Giang, cùng các thế hệ nghệ sĩ đồng đội, học sinh các thế hệ tại Trường đại học Văn hóa nghệ thuật Quân đội trong suốt 30 năm qua đã biểu diễn phục vụ quân dân mọi miền Tổ Quốc. Từ vùng sâu vùng xa đến biên giới hay hải đảo xa, tiếng hát của những tâm hồn nghệ sĩ - chiến sĩ ấy đã góp phần lan tỏa niềm tự hào dân tộc và khát vọng

cống hiến trong giới trẻ và nhân dân trên bước đường thiên lý hôm nay.

Đồng hành với NSUT Hương Giang là các nghệ sĩ: Quán quân Sao Mai 2022 Trịnh Núi, Ca sĩ Mai Nguyễn Anh, Ca sĩ Hà Đức Tâm, Ca sĩ Hoàng Liên, Ca sĩ Thiên Hà, Ca sĩ Hà Phương, Ca sĩ Hoài Tú, Ca sĩ Ánh Nguyệt, Ca sĩ Bảo Trâm, Ca sĩ Vân Anh, các nghệ sĩ múa: Vi Oanh, Thế Anh, Diệp Anh, Vũ đoàn Ladies Light và Ban nhạc MP Band; Sản xuất âm nhạc: Nguyễn Thư, An Hiếu, Tạ Tuấn, Hoàng Anh, Bá Sang, Anh Dũng...; Đạo diễn âm nhạc: Hoàng Tuấn Linh; Makeup: Nhật Nguyễn; Trang phục: NTK Thạch Linh; MC: Bảo Dương - Thanh Liêm; Chương trình được Đạo diễn nghệ thuật và chỉ đạo thực hiện: Nhà báo Vương Xuân Nguyên.



Các ca sĩ: Vân Anh, Hoài Tố, Thiên Hà, Hoàng Liên, Bảo Châm, Ánh Nguyệt thể hiện nhạc phẩm "Mùa Xuân Đầu Tiên"

Mở đầu Chương trình nghệ thuật là ca khúc "Mùa Xuân Đầu Tiên", một sáng tác rất hay của cố Nhạc sĩ Văn Cao, do tập nữ là các thể hệ học trò thành danh của NSUT Hương Giang trình bày. Với những giọng hát tươi trẻ giàu nội lực như của các ca sĩ: Vân Anh, Hoài Tú, Thiên Hà, Hoàng Liên, Bảo Châm, Ánh Nguyệt đã thể hiện khá tốt tinh thần của tác phẩm: Mùa Xuân biểu tượng cho một vẻ đẹp thanh tân tươi trẻ, dạt dào sức sống mới không chỉ thiên nhiên rạo rực mà cả lòng người hân hoan, cây cối đâm chồi nảy lộc, lòng người phấn khởi, dựng xây đất nước, bảo vệ tổ quốc vững chắc, đưa lại những giá trị mới khơi dậy ý chí tự lực tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh. Mỗi một con người, một quốc gia, một dân tộc đều có những "Mùa Xuân Đầu Tiên" đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của bản thân. Mùa Xuân năm 1976 là "Mùa Xuân Đầu Tiên" huy hoàng nhất, rực rỡ nhất trong thời đại Hồ Chí Minh. Đất nước sau cuộc trường chinh vệ quốc vĩ đại đã giành được độc lập, tự do, giang sơn đã thống nhất về một mối. Cũng từ đây, Sắc Xuân Đất Việt, hội tụ linh khí non sông ngày một rực rỡ trường tồn.

Để có được những mùa xuân dân tộc phơi phới tươi đẹp đó, chúng ta không bao giờ được phép lãng quên sự hy sinh vô bờ bến của các vị tiền nhân, các anh hùng dân tộc, các gia đình thương binh liệt sĩ, người có công với cách mạng... Và hơn tất thảy mọi sự hy sinh, đó chính là sự hy sinh của những người mẹ Việt

Nam. Dáng hình họ đã tạc vào hình Đất nước. Với giọng Nữ cao (Soprano) trữ tình đầm thắm, cách hát tinh tế, ngay từ những giây phút đầu tiên xuất hiện trên sân khấu, NSUT Hương Giang đã thực sự thăng hoa cảm xúc đưa tác phẩm "Đất Nước" (Nhạc sỹ Phạm Minh Tuấn, phổ thơ Tạ Hữu Yên) chạm tới trái tim người nghe. NSUT Hương Giang trong ca khúc này đã sử dụng nhiều kỹ thuật hát Legato đậm chất trữ tình, nhưng không kèm phần da diết và hào sảng để đưa người nghe trở về với chiều sâu của tâm thức, cảm nhận rõ hơn tiếng đồng vọng của dân tộc từ quá khứ dội về, một quá khứ đau thương nhưng rất đỗi hào hùng của dân tộc.



NSUT Hương Giang thể hiện ca khúc "Đất Nước"

Điều đó luôn nhắc nhở chúng ta hôm nay phải biết quý trọng hòa bình, trân trọng những giá trị của sáng tạo và kiến thiết đất nước. Tuổi trẻ là mùa xuân của đất nước, là tương lai của dân tộc phải luôn thấm nhuần tư tưởng đó. Để mùa xuân của "Mùa xuân - tình yêu và người lính" luôn song hành với nhau. Một mùa xuân yên ương rạo rực chất thơ, căng tràn nhựa sống và chất chứa những khát vọng chân chính. Có tình yêu nào cao đẹp hơn khi tình yêu đối lứa quyện hòa trong tình yêu quê hương, đất nước! Để thể hiện tinh thần đó, NSUT Hương Giang và phần múa minh họa của hai nghệ sĩ múa: Vi Oanh và Thế Anh đã trình bày nhạc phẩm "Mùa Xuân Bên Cửa Sổ", một sáng tác của nhạc sĩ Xuân Hồng.



Hai nghệ sĩ múa: Vi Oanh và Thế Anh minh họa cho ca khúc "Mùa Xuân Bên Cửa Sổ"

Tiếp nối mạch nguồn cảm xúc về mùa xuân và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thiêng liêng trong mỗi trái tim của thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, ca sĩ Mai Nguyễn Anh đồng hành với NSUT Hương Giang trong đêm diễn qua nhạc phẩm "Về Đây Nghe Em" một sáng tác của Nhạc sĩ Trần Quang Lộc.



Ca sĩ Mai Nguyễn Anh thể hiện ca khúc "Về Đây Nghe Em"

Có một ca khúc rất hay viết về tình yêu đôi lứa, viết về công cuộc đổi mới, dựng xây quê hương đất nước đã được ẩn dụ qua tình yêu tuyệt đẹp và sự giao thoa giữa các dòng sông trên đất mẹ Việt Nam hiền hòa để cho những mùa xuân của quê hương Tổ Quốc luôn xum xuê, rợp bốn mùa hoa trái. Đó là nhạc phẩm "Dòng Sông Quê Anh, Dòng Sông Quê Em", một sáng tác của nhạc sĩ Đoàn Bổng. Với ca khúc này, bằng giọng ca dịu ngọt, NSUT Hương

Giang đã chiếm trọn trái tim khán giả khi truyền tải rõ hơn thông điệp về tình yêu và khát vọng xây dựng quê hương đất nước, ngợi ca tình hữu nghị tốt đẹp giữa Việt Nam và cộng đồng Quốc tế trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển toàn diện như hiện nay.



NSUT Hương Giang thể hiện ca khúc "Dòng sông quê anh, dòng sông quê em"

Khán giả trong chương trình nghệ thuật tại Không gian văn hóa sáng tạo Tây Hồ vô cùng ấn tượng bởi phần giao lưu với Nhạc sỹ Ngọc Khuê người có nhiều tác phẩm nổi tiếng viết về Hà Nội, nhất là tác phẩm "Mùa Xuân Làng Lúa Làng Hoa". Theo đó, nhạc sỹ Ngọc Khuê đã kể về những xúc cảm đầu tiên giúp ông cho ra đời tác phẩm "Mùa Xuân Làng Lúa Làng Hoa" ngay tại nơi đang diễn ra chương trình nghệ thuật. Ông bày tỏ sự hài lòng khi được nghe NSƯT Hương Giang thể hiện lại ca khúc này ngay tại nơi ca khúc ra đời, giữa tiết trời se lạnh, không khí mùa xuân và Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền hội tụ về Thủ đô. Ông bày tỏ sự ấn tượng về cách làm mới ca khúc này của NSƯT Hương Giang khi hết thúc bằng một câu Vocali ngân dài để ca khúc tiếp tục cất cao.



Nhạc sỹ Ngọc Khuê giao lưu với khán giả tại Chương trình nghệ thuật

Đồng hành với NSƯT Hương Giang tại Chương trình nghệ thuật, Quán quân Sao Mai 2022 Trịnh Núi đã thể hiện ca khúc "Một Năm Mới Bình An", một sáng tác của Sơn Tùng MTV thay cho lời chúc năm mới gửi đến khán giả. Với nhạc phẩm này, Ca sĩ Trịnh Núi đã tiếp nối chủ đề của đêm diễn: Một Năm Mới Bình An là lời chúc, lời ước vọng giản dị mà thiêng liêng cao quý đã gợi nhớ trong chúng ta lời dặn của ông cha đã gửi gắm trong Thiên cổ hùng văn Bình Ngô Đại Cáo: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân". Yên dân, Thiên hạ thái bình, quốc gia thịnh trị luôn là những mùa xuân đẹp nhất, trong trẻo nhất mà tất cả chúng ta đều hướng tới.



Quán quân Sao Mai 2022 Trịnh Núi thể hiện tại chương trình nghệ thuật

Tết đến Xuân về là thời khắc thiêng liêng giao hòa giữa thiên nhiên và con người. Ai cũng muốn trở về gần gũi hơn với quê hương và gia đình như trở về với chính tâm thức của chính mình để tìm lại hơi ấm chở che của gia đình mỗi khi lòng yếu đuối, cũng như để lan tỏa những thành công và giá trị cộng đồng. Với những người xa quê, Tết chưa có dịp đoàn viên, tri ân người thân gia đình, gặp gỡ bầu bạn, chia sẻ với cộng đồng là nỗi niềm khắc khoải, nhớ nhung thêm da diết băng khuâng. Đồng cảm với những suy tư đó, NSƯT Hương Giang làm cho khán phòng bỗng trở nên yên lặng khi trình bày ca khúc "Hai Quê" của Nhạc sỹ Đình Miên Vũ.



NSƯT Hương Giang xúc động khi thể hiện ca khúc Hai Quê

Mùa xuân, mùa của tình yêu và khát vọng. "Mùa Xuân Nho Nhỏ" (Nhạc: Trần Hoàn, Thơ: Thanh Hải) là biểu tượng cho những gì đẹp đẽ, tinh túy nhất của cuộc đời và khát vọng sống cao đẹp của mỗi con người, thể hiện ước nguyện giản dị của mỗi con người là được sống hết mình, được đóng góp một mùa xuân nhỏ của riêng mình cho sự phát triển của mùa xuân rộng lớn của thiên nhiên, đất nước và quê hương. Điều đặc biệt ấn tượng là ca khúc này được các thế hệ học trò của NSUT Hương Giang sử dụng phong cách hát "A cappella".



Tốp nam nữ trình bày ca khúc "Mùa Xuân Nho Nhỏ"

Trong sự nghiệp ca hát của mình, NSUT Hương Giang đã có 6 năm gắn bó mảnh đất phương Nam thiêng liêng của Tổ Quốc, khi chị là diễn viên của Đoàn nghệ thuật Quân khu 9. Và có lẽ đây cũng là cơ duyên giúp NSUT Hương Giang có thể hát được nhiều ca khúc mang âm hưởng dân ca Nam Bộ. Có lẽ vì vậy, không khí của mùa xuân, NSUT Hương Giang đã đưa khán giả trở về với những nét đẹp của phương Nam qua 02 nhạc phẩm: Đất Phương Nam (Nhạc: Lưu Nhất Vũ, Thơ: Lê Giang) và Đàn Sáo Hậu Giang (Sáng tác: Trần Long Ẩn).



NSUT Hương Giang thu hút người nghe với những ca khúc mang âm hưởng dân ca Nam Bộ

Tại đêm diễn, nam ca sĩ Mai Nguyễn Anh và Vũ đoàn Lades Night cũng đã để lại ấn tượng qua nhạc phẩm "Một Vòng Việt Nam", một sáng tác của Nhạc sỹ Đông Thiên Đức. Ca khúc ngợi ca tình yêu quê hương đất nước, sự đoàn kết sẻ chia, kết nối chung tay xây dựng một Việt Nam hùng cường thịnh vượng phát triển bền vững.



Ca sĩ Mai Nguyễn Anh và Vũ đoàn Lades Light

Trong hành trình 30 hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp của mình chị đã đạt nhiều giải thưởng tại các kỳ hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quân và toàn Quốc. Đặc biệt, tại Hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn Quốc năm 2009 với ca khúc "Ở Rừng Nhớ Anh", sáng tác An Thuyên, NSUT Hương Giang đã giành Huy chương Bạc. Và tại Hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn Quốc năm 2012, với ca khúc "Có Một Dòng Suối Trong Lành", một sáng tác của Nhạc sỹ An Thuyên, NSUT Hương Giang đã xuất sắc vượt qua nhiều nghệ sĩ tên tuổi trong toàn Quốc để giành Huy chương Vàng một cách rất thuyết phục.

Đây là hai tác phẩm mang phong cách thánh tình phòng trữ tình được Nhạc sỹ An Thuyên viết về chuyện tình đẹp thầm kín trong sáng đến thánh thiện của một cô gái nơi miền sơn cước. Cả hai tác phẩm được viết với những âm sắc trong trẻo, mở ra không gian âm nhạc trữ tình lãng mạn đầy tinh tế, nhưng đòi hỏi người biểu diễn phải hội đủ nhiều kỹ năng và kinh nghiệm xử lý một tác phẩm mang tính chất âm nhạc hàn lâm...Với hai ca khúc này, tại chương trình nghệ thuật "Sắc Xuân Đất Việt 2024", NSUT

Hương Giang đã tạo ra một "nốt lặng" lắng đọng trong tâm thức người nghe. Đặc biệt, với giới chuyên môn thì đây là hai ca khúc được đánh giá cao cả về giá trị nghệ thuật, phong cách biểu diễn chuyên nghiệp và cách thể hiện tinh tế đầy cảm xúc.



NSUT Hương Giang lắng người khi ngân những giai điệu du dương của ca khúc "Có Một Dòng Suối Trong Lành"

Ca sĩ trẻ Hà Đức Tâm The Voice đồng hành cùng NSUT Hương Giang trong Chương trình nghệ thuật "Sắc Xuân Đất Việt 2024" với ca khúc "Trái Tim Việt Nam" do chính mình sáng tác. Ca khúc thể hiện niềm tin tưởng lạc quan về một Việt Nam luôn biết yêu thương, đoàn kết, sẽ chia để vượt qua khó khăn. Một Việt Nam luôn hướng về phía trước với khát vọng chân chính.



Ca sĩ Hà Đức Tâm The Voice trình bày tại đêm diễn

Chương trình nghệ thuật "Sắc Xuân Đất Việt 2024" diễn ra sau hơn 2 giờ đồng hồ với những tiết mục đặc sắc, dẫn dắt người nghe bằng những cung bậc cảm xúc khác nhau được NSUT Hương Giang và những người bạn trình bày hội tụ các phong cách Nhạc nhẹ, Dân gian, Thính phòng đã được khép lại với không khí mùa xuân, lễ hội tương bừng với âm sắc Tây Bắc rộn rã của tiếng khèn, điệu xòe và lời hò hẹn cùng niềm tin hướng về tươi lai tươi sáng...qua nhạc phẩm "Tiếng Khèn Mùa Ban Nở" (Nhạc: Lê Minh, Thơ: Nguyễn Như) qua tiếng hát trong trẻo của NSUT Hương Giang.



NSUT Hương Giang không kìm được xúc động cuối đêm diễn

Khi đèn hiệu chương trình vừa kết thúc cũng là lúc NSUT Hương Giang thấm mệt, nhưng hiện trên khuôn mặt chị là những nụ cười tươi tràn đầy hạnh phúc. Chị không kìm được lòng xúc động khi nhìn xuống sân khấu quảng trường Không gian Văn hóa sáng tạo Trịnh Công Sơn, Tây Hồ vẫn đông đủ các đại biểu đại diện cho các Bộ, Ban ngành Trung ương và Hà Nội, đại diện nhiều tổ chức Quốc tế; Anh chị em ruột, người thân trong gia đình; Quý thầy cô, bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp, người hâm mộ; cùng đông đảo nhân dân Thủ đô và du khách về tham dự Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền năm 2024 đã ngồi theo dõi, cổ vũ cho tất cả tiết mục của chị và các thể hệ học trò suốt đêm diễn dưới thời tiết giá

rét bên Hồ Tây lộng gió. Với chị đây là niềm cổ vũ động viên to lớn giúp chị vững vàng trong suốt hành trình 30 năm hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp (1994 - 2024) và có thêm động lực để bước tiếp trong hành trình phía trước. Chị bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới BTC Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền xuân Giáp Thìn 2024, lãnh đạo Viện nghiên cứu Văn hóa và Phát triển, cùng toàn bộ Ê - kíp đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để đêm diễn được thành công tốt đẹp. Với chị, đêm diễn còn là lời tri ân chị muốn gửi gắm bao ân tình tới những người thân yêu trong gia đình, quý thầy cô, đồng chí, đồng nghiệp, các nghệ sĩ tiền bối và đông đảo người hâm mộ cả nước...!



Giáo sư Đào Duy Anh: TỪ CHÍ SĨ CÁCH MẠNG YÊU NƯỚC ĐẾN HỌC GIẢ LỖI LẠC

Vương Xuân Nguyên

Một trong những điểm chung của những Nho gia yêu nước là luôn phát huy truyền thống gia đình, tinh thần yêu nước nồng nàn và gắn bó mật thiết sự nghiệp của cá nhân, gia đình, dòng họ với vận mệnh dân tộc.

Những năm tháng vinh dự được gần gũi nhiều nhân sĩ trí thức, nhà khoa học, nhà hoạt động cách mạng đã giúp chúng tôi có điều kiện nghiên cứu tìm hiểu rõ hơn thân thế sự nghiệp cách mạng của họ. Những tư liệu cho thấy, nhiều nho gia vào Kinh thành Huế làm quan lập nghiệp và có những đóng góp to lớn cho cách mạng ngay ở giai đoạn đầu của Thế kỷ XX như gia đình cụ Phan Bội Châu, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, cụ Đào Duy Anh, họ Tạ ở Hoàng Sơn...



Học giả Đào Duy Anh (1904 - 1988)

Đọc "Nhớ nghĩ chiều hôm" của học giả Đào Duy Anh, chúng ta thấy cuộc đời và sự nghiệp của ông, cũng như nhiều Nho gia cùng thời là sự diễn biến của tinh thần yêu nước, yêu văn hóa dân tộc nồng nàn đến hoạt động nghiên cứu khoa học luôn trăn trở trước vận mệnh dân tộc và chăm lo tới đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Cuốn sách dày 600 trang gồm 30 mục phần hệ thống lại những nhóm đề tài lớn mà ông đã dành tâm huyết nghiên cứu qua các giai đoạn lịch sử: Từ sơ lược về cuộc đời sự nghiệp, những nghiên cứu trước cách mạng tháng Tám; Nghiên cứu Từ điển học, Sử học; Nghiên cứu các dòng trào lưu tư tưởng ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam; Chủ nghĩa Mác, tư tưởng của thời đại... Đến những vấn đề Dân tộc học, văn hóa học; Hồ Chí Minh với dân tộc, Trí thức Việt Nam với dân tộc và cách mạng; Thanh niên, tương lai của dân tộc; Vận mệnh và sứ mệnh của dân tộc... Cuốn sách được xuất bản vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của học giả Đào Duy Anh (1904 - 2004).

Từ tinh thần yêu nước đến học giả lỗi lạc

Học giả Đào Duy Anh (1904 - 1988) sinh tại Thanh Hóa, nguyên quán làng Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Tổ tiên họ Đào thế kỷ XV có Anh liệt tướng quân Đào Đình Lãng đã từ Khúc Thủy tìm vào

Lam Sơn theo phò Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh, giành lại độc lập Tổ quốc, được phong Thượng tướng khinh xa.

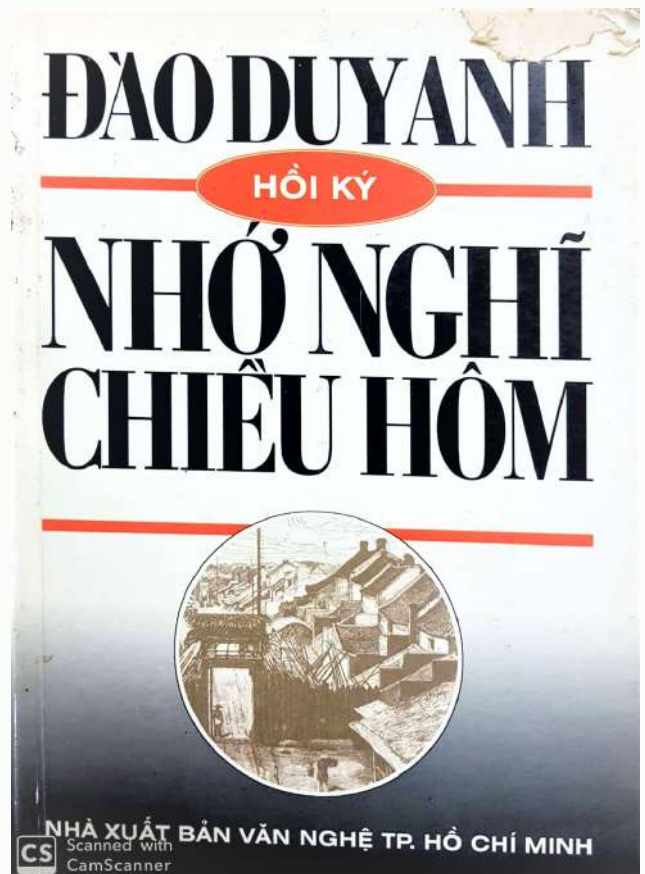
Năm 1923, tốt nghiệp Thành chung (cấp 3) tại Trường Quốc học Huế, Đào Duy Anh đã chọn nghề nhà giáo, dạy Trường Tiểu học Đồng Hới (Quảng Bình) chứ không chịu làm công chức cho chính quyền thực dân Pháp. Sau buổi tiếp xúc với chí sĩ Phan Bội Châu tại Đồng Hới, Đào Duy Anh đã từ chức giáo học để "thoát chốn ao tù", dấn thân vào hoạt động chính trị văn hoá "tìm nơi trời cao biển rộng" để có điều kiện "mở mang trí thức".

Năm 1926, khi bắt đầu viết báo chữ Pháp và thấy những bài viết của mình nói về thời sự trong nước đều được đăng tải trên tờ báo Echo Annamite của Nguyễn Phan Long ở Sài Gòn, Đào Duy Anh hào hứng làm báo.

Năm 1927, ông gia nhập tổ chức yêu nước có tên Việt Nam cách mạng Đảng. Cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng, ông ra báo Tiếng dân tờ báo Việt đầu tiên của xứ Trung Kỳ. Sau đó, ông trở thành Tổng Bí thư của tổ chức yêu nước Việt Nam Cách mạng Đảng khi tổ chức này đổi tên là Tân Việt Cách mạng Đảng năm ông mới 24 tuổi.

Năm 1928, học giả Đào Duy Anh sáng lập Quan Hải tùng thư với sự cộng tác của nhiều trí thức yêu nước như: Võ Liêm Sơn, Trần Đình Nam, Phan Đăng Lưu... để xuất bản những sách phổ cập về tư tưởng khoa học, tư tưởng duy vật lịch sử nhằm mở mang dân trí, ngấm truyền bá tinh thần yêu nước. Ông cũng dịch nhiều đầu sách để góp phần đấu tranh chính trị và văn hóa lúc bấy giờ nhằm bước đầu truyền bá những tri thức khoa học xã hội và những tư tưởng tiên tiến của thời đại.

Do đứng đầu tổ chức yêu nước, hoạt động cách mạng nên ông và người vợ chưa cưới, bà Trần Thị Như Mân, bị thực dân Pháp bắt giam từ năm 1929 đến năm 1930. Ra tù, ông bà cưới nhau, bà mở cửa hàng sách báo và một trường tư thục là Trường Nữ giáo cho học sinh nữ ở các tỉnh miền Trung vào học. Đào Duy Anh quay lại sự nghiệp dạy học ở trường này, rồi dạy thêm ở trường tư thục Thuận Hóa.



Cuốn hồi ký chú giải rõ những nghiên cứu của học giả Đào Duy Anh

Những công trình ông nghiên cứu biên soạn trước năm 1931 như: Lịch sử các học thuyết kinh tế, Tôn giáo là gì? Dân tộc học là gì?... Từ điển học là lĩnh vực ông quan tâm nghiên cứu đầu tiên. Ông đã hoàn thành và xuất bản hai bộ từ điển lớn "Hán - Việt từ điển" (1932) và "Pháp - Việt từ điển" (1936). Đây là những sách công cụ tra cứu rất cần thiết lúc bấy giờ. Đồng thời là cây cầu nối giữa hai lớp người, xóa bỏ "khoảng cách thế hệ" trước hết về mặt ngôn ngữ, tạo ra tiếng nói chung giữa lớp người già theo Nho học và lớp người trẻ theo Tây học.

Đứng trước những vấn đề của thực tiễn văn hóa dân tộc, cũng như nhiều trí thức khác, khát vọng của ông là gây dựng được một nền văn hóa riêng cho dân tộc mình, một nền văn hóa có bản sắc, có khả năng thâm thái tinh hoa của các dân tộc khác nhau và nhất là phải độc lập trong quá trình tiếp xúc, giao lưu với thế giới. Cả cuộc đời ông đã đeo đuổi, kiên trì và nhất quán cho sự nghiệp tinh thần đó với một niềm tin

mãnh liệt vào sức sống của dân tộc cũng như con đường mình đã lựa chọn, cần cù lao động khoa học và với một tấm lòng yêu văn hóa dân tộc tha thiết, bất chấp những sóng gió trong cuộc đời mà không dễ gì có thể vượt qua.

Học giả Đào Duy Anh là nhà sử học, từ điển học, nhà nghiên cứu văn hóa nổi tiếng của Việt Nam, tác giả của những công trình lịch sử, văn hóa có giá trị như: Hán - Việt từ điển (1932); Pháp - Việt từ điển (1936); Việt Nam văn hóa sử cương (1938); Khổng giáo phê bình tiểu luận (1938); Trung Hoa sử cương (1942); Khảo luận về Kim Vân Kiều (1943); Lịch sử Việt Nam (giáo trình đại học, 1956); Cổ sử Việt Nam (giáo trình đại học, 1956); Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957) gồm 4 tập: "Nguồn gốc dân tộc Việt Nam", "Văn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc", "Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt", "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến"; Văn đề hình thành của dân tộc Việt Nam (1957); Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX (2 tập, 1958); Đất nước Việt Nam qua các đời (1964); Từ điển Truyện Kiều (viết xong năm 1965, xuất bản năm 1974); Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến (1975)...

Ngoài ra, ông còn hiệu đính, biên dịch, chú giải: Lịch triều hiến chương loại chí (1961 - 1962); Đại Nam thực lục (1962 - 1977); Phủ biên tạp lục (1964); Đại Việt sử ký toàn thư (1967 - 1968); Đại Nam nhất thống chí (1969 - 1971); Bình thư yếu lược (1970); Gia Định thành thông chí; Nguyễn Trãi toàn tập (1969); Khóa hư lục (1974); Sở từ (1974); Truyện Hoa Tiên (1978); Thơ chữ Hán Nguyễn Du" (1988); Chú giải Kinh Thi, "Đạo Đức Kinh và học thuyết của Lão Tử"...

Qua những công trình trên có thể thấy, lĩnh vực sử học là lĩnh vực ông dành nhiều tâm sức xuyên suốt cuộc đời. Ở ông nổi bật đó chính là tinh thần tự học, tự nghiên cứu, là lòng hăng say tích lũy tri thức, không ngừng bổ sung cập nhật, là ý thức tìm tòi, khám phá trong học thuật.

Với tinh thần của một nhà nho yêu nước, tiếp xúc với những luồng tư tưởng canh tân và đứng trên lập trường của Chủ nghĩa Mác-xít, Học giả Đào Duy Anh coi lịch sử là phương tiện tốt nhất để thức tỉnh hồn nước, đặc biệt là để nhận diện

ở tầm học thuật vấn đề bức thiết khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền sử học thế giới và khu vực.

Người thầy của nhiều nhà khoa học uy tín

Sau Cách mạng Tháng Tám, học giả Đào Duy Anh không nhận đề nghị làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục trong Chính phủ mà chỉ nhận chức vụ Ủy viên Ủy ban Kiến thiết Quốc gia theo Sắc lệnh số 78 ngày 31/12/1945 cùng với các nhân sĩ trí thức khác để tập trung vào công việc nghiên cứu và hoạt động văn hóa. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12/1946), ông đảm nhận nhiều công tác văn hoá và giáo dục quan trọng ở Trung ương và Liên khu IV (Ủy viên Chi hội văn nghệ kháng chiến; Trưởng ban Văn - Sử - Địa thuộc Bộ Giáo dục; Giáo sư trường Dự bị đại học và Trường Sư phạm cao cấp Liên khu IV).

Từ năm 1955 - 1960, ông là Chủ nhiệm khoa Sử Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, sau đó làm chuyên viên Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. Ông có công lao to lớn trong việc đào tạo cán bộ nghiên cứu Sử học Việt Nam. Đây chính là giai đoạn học giả Đào Duy Anh có những công trình quan trọng về sử học, văn học, văn bản học. Nhiều người đã trở thành những nhà giáo, nhà khoa học giữ vai trò đầu ngành trong sự nghiệp phát triển nền sử học Việt Nam hiện đại, trong đó có "tứ trụ" của ngành Sử học ngày nay là GS Hà Văn Tấn, GS Trần Quốc Vượng, GS Phan Huy Lê và GS Đinh Xuân Lâm...



Vợ chồng Giáo sư Đào Duy Anh và các hậu bối là những nhà khoa học có uy tín

Trong những năm từ 1960 đến 1970, ông dịch, hiệu đính chú giải nhiều bộ sách lớn về văn hoá, sử học như: Lịch triều hiến chương loại chí lục của Lê Quý Đôn, Úc Trai thi tập, Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, Thơ chữ Hán của Nguyễn Du... Ngoài ra ông còn biên khảo chữ nôm - nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến, dịch Khoá hư lục của Trần Thái Tông...

Có thể nói, học giả Đào Duy Anh là một nhà từ điển học đặt cơ sở cho nền từ điển học hiện đại Việt Nam. Trên lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, văn học, tác phẩm "Việt Nam văn hóa sử cương" của Đào Duy Anh cùng với "Văn minh An Nam" (La Civilization Annamite, 1944) của Nguyễn Văn Huyền là những công trình khoa học đặt nền tảng cho sự hình thành nền văn hóa học hiện đại Việt Nam một cách khoa học.

Với giới nghiên cứu trong và ngoài nước, học giả Đào Duy Anh là một trong những người có công xây dựng nền khoa học xã hội - nhân văn hiện đại của Việt Nam. Nhiều công trình nghiên cứu của ông đã được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nga và trở thành những cẩm nang nghiên cứu về Việt Nam học đối với người nước ngoài. Trong đó, cuốn Cổ sử Việt Nam (1955), được Viện Phương Đông Liên Xô dịch in. Năm 1957, công trình đó được bổ sung thành Lịch sử cổ đại Việt Nam, được Viện Khoa học Trung Quốc dịch in năm 1959 tại Bắc Kinh.

Sáng mãi truyền thống vàng son

Cũng giống như gia đình cụ Phan, cụ Phó bảng, họ Tạ ở Hoành Sơn và nhiều nho gia yêu nước khác ở đầu thế kỷ XX, gia đình của cụ Đào là một gia đình giàu truyền thống cách mạng, yêu nước nồng nàn, trọng tri thức và tinh thần hiếu học. Vợ, các con, các cháu và các chất của học giả Đào Duy Anh cũng đều là những người thành đạt, có ảnh hưởng trong cộng đồng.



Học giả Đào Duy Anh và phu nhân

Bà Trần Thị Như Mân, phu nhân của học giả Đào Duy Anh vừa là người đồng chí cùng hoạt động cách mạng vừa là người trợ lý đặc biệt của học giả Đào Duy Anh. Bà sinh năm 1907, là cháu nội của cụ Trần Tiễn Thành, Thượng thư bộ Binh triều Tự Đức, Văn Minh điện đại học sĩ, phụ chính đại thần sau khi vua Tự Đức qua đời, là người đã bảo trợ các nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch, giới thiệu họ với nhà vua. Bà là con của Giải nguyên Trần Tiễn Hối, Tổng đốc Nghệ An. Năm 1925, khi đang làm giáo viên trường nữ trung học Đồng Khánh thì được tin cụ Phan Bội Châu bị Pháp bắt ở Thượng Hải, bị dẫn độ về nước, và bị tòa đề hình Hà Nội kết án tử hình, bà cùng với một số bạn đồng nghiệp cùng chí hướng đánh điện cho Toàn quyền Varenne xin ân xá cho cụ Phan. Sau đó, bà cùng mẫu thân của nhà báo Hải Triều, lập Nữ công học hội là tổ chức xã hội phụ nữ đầu tiên của nước ta ở Huế. Tại đây, cụ Phan Bội Châu, bấy

giờ bị Pháp an trí ở Huế, ủng hộ và đến nói chuyện về phong trào phụ nữ trên thế giới. Sau khi ra khỏi nhà tù thực dân vì tham gia những phong trào yêu nước, bà tham gia các hoạt động nghiên cứu cùng học giả Đào Duy Anh. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 với uy tín của mình, bà được mời làm hội trưởng Hội Phụ nữ Thừa Thiên Huế và trải qua nhiều vị trí công tác khác tại Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cho đến ngày nghỉ hưu.

Người em trai của học giả Đào Duy Anh là nhà hoạt động cách mạng tiền bối, nhà nghiên cứu Đào Duy Dếnh, tên thường gọi Đào Phan (1920 - 1996). Năm 1938, ông làm Trưởng ban cán sự Đảng tại TP Huế. Bị thực dân Pháp bắt giam, ông đã vượt ngục về công tác ở Thuận Hải. Năm 1940, ông làm Bí thư Thành ủy Hà Nội, khi vừa tròn 20 tuổi. Năm 1942, ông bị thực dân Pháp đày đi Côn Đảo. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông về đất liền và trở lại hoạt động ở Huế làm Đội trưởng Đội Tuyên truyền xung phong Việt Minh Trung Bộ, tập hợp những thanh niên trí thức đi đến tận những vùng rừng núi, những thôn xóm xa xôi hẻo lánh làm công tác tuyên truyền. Sau đó làm Trưởng ty Thông tin Thanh Hóa. Ông cũng đảm nhận chức vụ Phó Chủ tịch Liên đoàn Văn hóa Cứu quốc Thừa Thiên lâm thời. Năm 1947, ông làm Chủ nhiệm báo Quân du kích, tiền thân của báo Quân đội Nhân dân ngày nay. Năm 1950 ông được bổ nhiệm Phó Giám đốc Nhà xuất bản Vệ quốc quân. Sau đó ông chủ yếu làm công tác nghiên cứu. Quãng thời gian cuối đời, ông Đào Duy Dếnh hoàn thành ba công trình nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là: Hồ Chí Minh – Danh nhân văn hóa (315 trang); Hồ Chí Minh – Một nhân cách lớn (510 trang); Đạo Khổng trong văn Bác Hồ (375 trang). Đây là những tác phẩm có giá trị lớn phục vụ cho Hội thảo Danh nhân Văn hóa Hồ Chí Minh của tổ chức UNESCO.



Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn (1931 - 2011)

Người con trưởng của học giả Đào Duy Anh là Giáo sư, Viện sĩ, Anh hùng lao động Đào Thế Tuấn (1931-2011) là một nhà nghiên cứu đầu ngành về nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Ông là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu khoa học có giá trị, nhiều bài viết được các báo, tạp chí trong và ngoài nước xuất bản. Từ năm 6 tuổi, ông Đào Thế Tuấn đã gia nhập Hướng đạo sinh, rồi Thiếu sinh Lê Lai đi theo các huynh trưởng hướng đạo như các ông Hoàng Đạo Thúy, Tạ Quang Bửu... Tháng 5 năm 1950, ông Đào Thế Tuấn gia nhập quân đội, công tác ở Bộ Tổng tham mưu, lúc đầu thuộc Cục Tình báo, sau chuyển về ban bí thư của phó Tổng Tham mưu trưởng, chiến đấu ở bộ phận tham mưu tiền phương các chiến dịch Trần Hưng Đạo ở Trung Du và Hoàng Hoa Thám ở Đông Bắc. Năm 1953, Đào Thế Tuấn khi được nằm trong số 50 thanh niên cử đi Liên Xô học. Công trình đầu tay của ông về Nông nghiệp được Viện hàn lâm Nông nghiệp xuất bản bằng tiếng Nga. Ông là Tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam do Liên Xô đào tạo năm 1958. Cuối năm 1958, Tiến sĩ Đào Thế Tuấn về nước công tác trong ngành nông nghiệp và có nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng để thúc đẩy ngành nông nghiệp nước nhà. Tiến sĩ Đào Thế Tuấn được nhà nước phong học hàm giáo sư năm 1980 và năm 1985 được bầu làm

thành viên nước ngoài của Viện Hàn lâm Khoa học Nông nghiệp Liên Xô. Từ năm 1990, Giáo sư đảm đương vai trò phó chủ nhiệm Chương trình nghiên cứu về Phát triển nông thôn KX-08. Trên cương vị Chủ tịch Hiệp hội Khoa học Phát triển nông thôn Việt Nam, Giáo sư Đào Thế Tuấn vẫn miệt mài làm việc, tự mình biên soạn và xuất bản bản tin nhỏ Phát triển Nông thôn, đóng góp không ngừng nghỉ cho sự nghiệp khoa học.

Ghi nhận công lao to lớn của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn trong sự nghiệp khoa học và những đóng góp thiết thực cho sản xuất nông nghiệp, Đảng, Nhà nước và quốc tế trao tặng ông Huân chương Chiến thắng Hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ Hạng Nhất, Huân chương Lao động Hạng Hai, Huân chương Công trạng Nông nghiệp của Pháp. Năm 2000 được trao danh hiệu Anh hùng Lao động Xã hội Chủ nghĩa, năm 2005 được Giải thưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ra ông còn được thưởng các Huân chương Sĩ quan Công trạng Nông nghiệp, Sĩ quan Cảnh cộ Hàn lâm và Giải thưởng Rene Dumont. Nhưng đối với ông, vinh dự to lớn nhất là sự biết ơn của đông đảo nông dân Việt Nam, là tình cảm quý trọng của các lớp cán bộ, học sinh, đồng nghiệp.



Tác giả bài viết với những kỷ niệm làm báo cùng TS. Đào Thế Anh, cháu đích tôn của học giả Đào Duy Anh

Tiếp nối truyền thống vàng son của gia đình, cháu đích tôn của học giả Đào Duy Anh, con của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn là PGS, TS. Đào Thế Anh hiện là Phó Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Phó chủ tịch Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam. PGS, TS. Đào Thế Anh hiện là chuyên gia hàng đầu Việt Nam về hệ thống và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp. Ông vừa được Cộng hòa Pháp tặng thưởng Huân chương công trạng Nông nghiệp và được tôn vinh là một trong 53 nhà khoa học tiêu biểu vì nông dân Việt Nam.

Ngày 2/12/2020, tại Paris, Viện Hàn lâm Nông nghiệp Cộng Hoà Pháp đã tổ chức bầu thành viên Viện sĩ nước ngoài. Với số phiếu 147/148, PGS.TS Đào Thế Anh, Phó Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam - VAAS, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam - PHANO đã trở thành Viện sĩ viện hàn lâm khoa học Cộng hoà Pháp.

Những năm tháng cộng tác cùng PGS.TS Đào Thế Anh, người viết bài này vô cùng ngạc nhiên trước khả năng nghiên cứu và trình độ ngoại ngữ của cháu nội học giả Đào Duy Anh, cháu nội của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn và con của PGS. TS Đào Thế Anh là em Đào Thế Hoàng. Năm 2017, để góp ý một cách khách quan đối với bài viết đầu tay của Thế Hoàng, PGS. TS Đào Thế Anh chuyển bản thảo bài viết "Suy nghĩ về tác dụng của nghệ thuật trong đời sống" để nghị có ý kiến phản biện trước khi đăng tải trên một số tạp chí chuyên ngành. Tôi không tin đó là công trình nghiên cứu khảo nghiệm của một cậu học sinh lớp 11 nên đã để nghị được chấp vấn với tác giả bài viết. Sau quá trình tiếp xúc với Thế Hoàng, tôi hoàn toàn bị thuyết phục bởi khả năng nghiên cứu và phong kiến thức sâu rộng của em. Bài viết đã được đăng trên nhiều tạp chí trong sự ngỡ ngàng của nhiều cây bút gạo cội.

Đầu năm 2019, Đào Thế Hoàng (học sinh lớp 12, trường THPT Nguyễn Siêu – Hà Nội) đã chứng tỏ là hậu duệ đầy triển vọng của học giả Đào Duy Anh khi em liên tiếp nhận thư mời nhập học từ 06 trường Đại học danh giá của Mỹ là Albion College, Rochester Institute of

Technology, Ohio Wesleyan College, University of Maine, Augustana College và Whitworth University với tổng giá trị học bổng lên tới 618.400 USD (gần 14,5 tỷ đồng). Thế Hoàng là một trong số ít học sinh người Việt đạt điểm thành phần kỹ năng nghe 8.5 và kỹ năng đọc 9.0 của kỳ thi IELTS.



Đào Thế Hoàng, cháu nội của học giả Đào Duy Anh có tố chất nghiên cứu ngay từ nhỏ

Với những đóng góp của học giả Đào Duy Anh để lại cho muôn đời một khối “tài sản” tri thức khổng lồ và vô giá đã đưa ông thành một “tượng đài” cho hậu thế noi theo. Ngày 11/09/1976, ông được Chính phủ phong hàm Giáo sư theo Quyết định số 162/CP. Năm 2000, ông được Đảng và Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cao quý ghi nhận những nỗ lực đóng góp cho khoa học và cuộc đời, sự nghiệp hoạt động cách mạng âm thầm, bền bỉ. Ông được thế giới ghi tên vào bộ từ điển Larousse (Pháp) với tư cách là một Nhà bách khoa toàn thư của thời thế giới hiện đại. Năm 1995, một con phố tại khu tập thể Kim Liên (Đống Đa, Hà Nội) nơi ông sống những năm cuối đời được đặt tên là phố Đào Duy Anh.



NHÀ GIÁO ĐẠI HỌC SƯ PHẠM: HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH, KHOA HỌC LÀ LỄ SỐNG

Kiều Mai Sơn

"Đào Duy Anh là học giả lớn nhất Việt Nam thế kỷ XX và có uy tín quốc tế. Ông là người thực sự mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam theo quan điểm duy vật... Có thể nói không một người nào trong nước hay ngoài nước nghiên cứu văn hóa, xã hội, lịch sử Việt Nam mà lại không đọc những công trình của ông, thậm chí không dựa vào những kiến giải của ông để làm việc" (GS Phan Ngọc)



GS Đào Duy Anh (1904 - 1988)

PGS Phan Ngọc nhận định: "Đào Duy Anh là học giả lớn nhất Việt Nam thế kỷ XX và có uy tín quốc tế. Ông là người thực sự mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam theo quan điểm duy vật... Có thể nói không một người nào trong nước hay ngoài nước nghiên cứu văn hóa, xã hội, lịch sử Việt Nam mà lại không đọc những công trình của ông, thậm chí không dựa vào những kiến giải của ông để làm việc".

Đào Duy Anh sinh ngày 24/4/1904 tại Thanh Hóa. Nguyên quán làng Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Tổ tiên họ Đào thế kỉ XV có Anh liệt tướng quân Đào Đình Lãng đã từ Khúc Thủy tìm vào Lam Sơn theo phò Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh, giành lại độc lập Tổ quốc, được phong Thượng tướng khinh xa.

Tiếp nối truyền thống dòng họ, những người em ruột của Đào Duy Anh đều sớm tham gia cách mạng, có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giữ những chức vụ quan trọng trong Đảng và chính quyền. Đó là Đào Duy Kỳ, Bí thư Đoàn Thanh niên Dân chủ, Quyền Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, Phó Giám đốc trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc (nay là Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh), Vụ trưởng Vụ Bảo tồn Bảo tàng (nay là Cục Văn hóa Quấn chúng - Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch), Giám đốc khoa học Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Đó là Đào Duy Dzếnh (tức Đào Phan), nguyên Bí thư Thành ủy Huế, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ nhiệm Báo Quân du kích (tiền thân của Báo Quân đội nhân dân) kiêm Giám đốc Nhà xuất bản Quân du kích (nay là Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân). Đó là Đào Thị Đính, nguyên Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam...

Năm 1923, tốt nghiệp Thành chung (cấp 3) tại Trường Quốc học Huế, Đào Duy Anh đã chọn nghề nhà giáo thanh cao ra dạy Trường Tiểu học Đồng Hới (Quảng Bình) chứ không chịu làm công chức cho chính quyền thực dân Pháp. Thời gian đó, phong trào yêu nước sục sôi với tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái (1924), đòi "ân xá" cho Phan Bội Châu (1925) và để tang Phan Chu Trinh (1926) đã cuốn hút tâm trí người trí thức trẻ Đào Duy Anh.

Sau buổi tiếp xúc với chí sĩ Phan Bội Châu tại Đồng Hới, Đào Duy Anh đã từ chức giáo học để "thoát chốn ao tù", dấn thân vào hoạt động chính trị văn hoá "tìm nơi trời cao biển rộng" để có điều kiện "mở mang tri thức". Năm 1926, khi bắt đầu viết báo chữ Pháp và thấy những bài viết của mình nói về thời sự trong nước đều được đăng tải trên tờ báo *Echo Annamite* của Nguyễn Phan Long ở Sài Gòn, Đào Duy Anh hào hứng làm báo. Ông đã gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng - Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ tại Tourane (Đà Nẵng) và cùng cụ sáng lập Báo Tiếng Dân do cụ Huỳnh làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút, Đào Duy Anh làm trợ bút. Đồng thời ông tham gia tổ chức yêu nước Tân Việt và trở thành Tổng Bí thư của Đảng này khi mới 24 tuổi.

Đào Duy Anh còn sáng lập Quan Hải tùng thư với sự cộng tác của nhiều trí thức yêu nước như: Võ Liêm Sơn, Trần Đình Nam, Phan Đăng Lưu... để xuất bản những sách phổ cập về tư tưởng khoa học, tư tưởng duy vật lịch sử nhằm mở mang dân trí, ngấm truyền bá tinh thần yêu nước. Đào Duy Anh đã dịch nhiều đầu sách để góp phần đấu tranh chính trị và văn hóa lúc bấy giờ. Với bút danh Vệ Thạch, Đào Duy Anh tự ví mình như con chim Tinh vệ, nguyện suốt đời ngậm đá để lấp biển học mênh mông. Giữa lúc phong trào đang lên, thực dân Pháp bắt Đào Duy Anh bỏ ngục hơn một năm mới được tha. Đây là bước

ngoặt lớn trong đời ông. Ra tù, ông thôi hoạt động chính trị để chuyển sang hoạt động văn hóa "*là một nhà chính trị hệt (le polytique man qué) chuyển sang làm văn hóa, Đào Duy Anh đã mang theo nguyên vẹn cả khối tâm huyết về đất nước, cả tinh thần cách mạng sang địa hạt học thuật*".

Lĩnh vực văn hóa khoa học đầu tiên mà Đào Duy Anh quan tâm là Từ điển học. Ông đã hoàn thành và xuất bản hai bộ từ điển lớn "Hán - Việt từ điển" (1932) và "Pháp - Việt từ điển" (1936). Đây là những sách công cụ tra cứu rất cần thiết lúc bấy giờ. Đồng thời là cây cầu nối giữa hai lớp người, xóa bỏ "khoảng cách thế hệ" trước hết về mặt ngôn ngữ, tạo ra tiếng nói chung giữa lớp người già theo Nho học và lớp người trẻ theo Tây học. Năm 1974, cuốn Từ điển Truyện Kiều ra đời. Đây là một cuốn từ điển tác phẩm đầu tiên và có lẽ là duy nhất cho đến hiện nay ở Việt Nam. Không phải là người đầu tiên trong khoa từ điển học Việt Nam nhưng "Đào Duy Anh là một nhà từ điển học đặt cơ sở cho nền Từ điển học hiện đại Việt Nam".

Năm 1938, tác phẩm "Việt Nam văn hoá sử cương" của Đào Duy Anh cùng với "Văn minh An Nam" (la Civilization Annamite, 1944) của Nguyễn Văn Huyền đã đánh dấu và đặt nền tảng hình thành nền văn hóa học Việt Nam hiện đại trên tinh thần Khoa học - Dân tộc. Từ đây, Đào Duy Anh chuyển sang lĩnh vực văn hóa, văn học

với nhiều công trình nghiên cứu: Khổng giáo phê bình tiểu luận (1938), Trung Hoa sử cương (1942), Khảo luận về Kim Vân Kiều (1943)...

Năm 1942, khi Vũ Ngọc Phan cho xuất bản cuốn "Nhà văn Việt Nam hiện đại", trong mắt Vũ Ngọc Phan, Đào Duy Anh chỉ chiếm một vị trí rất nhỏ. Nhưng rồi con chim Tinh Vệ họ Đào ấy, theo thời gian, đã ném những hòn đá tảng xuống biển học. Chúng không bị chìm mất tăm mà tạo thành những cột mốc, nhiều cột mốc đầu tiên dẫn đường chỉ lối cho người đời sau nối bước giông bão ra khơi xa hơn mà không lầm đường lạc hướng.

Lĩnh vực khoa học mà Đào Duy Anh dốc nhiều tâm sức nhất là lịch sử và có sức hấp dẫn đặc biệt là Cổ sử Việt Nam. Đứng trên lập trường Mác-xít, Đào Duy Anh coi lịch sử là phương tiện tốt nhất để thức tỉnh hồn nước, đặc biệt là để nhận diện ở tầm học thuật vấn đề bức thiết khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền sử học thế giới và khu vực: "Phải chuyên tâm nghiên cứu lịch sử vì chỉ có hiểu biết đầy đủ lịch sử dân tộc thì mới có thể chất lọc ra đâu là những yếu tố ngoại lai... Sau khi ra tù (1930), tôi đã quyết định chuyên tâm nghiên cứu sử học".

Đào Duy Anh đã tự trang bị cho mình một cơ sở kiến thức rộng lớn Đông Tây kim cổ trong nhiều ngành liên quan về Khoa học xã hội như: Triết học, Dân tộc học, Xã hội học... đặc biệt về phương pháp luận

sử học và tư liệu lịch sử. Ông đã lần lộn đi vào thư viện Bảo Đại, thư viện của hội Đô thành hiếu cổ ở Huế (Société des Amis du Vieux Hue), Long Cương tàng thư - thư viện tư nhân lớn nhất cả nước của gia đình họ Cao Xuân ở Diễn Châu-Nghệ An, Viện Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Française d' Extrême Orient - EFEO) và rất nhiều tư gia khác ghi chép, thuê chép và tìm mua được rất nhiều sách quý để tự xây dựng cho riêng mình một tủ sách Hán Nôm phong phú gồm nhiều thư tịch Việt Nam và Trung Quốc.

Từ một người tốt nghiệp Thành chung, với ý chí tự học Đào Duy Anh đã trở thành nhà bách khoa của thế kỷ.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Đào Duy Anh lẽ ra có thể giữ một chức vụ lãnh đạo trong Chính phủ nhưng chỉ nhận nhiệm vụ kiêm tốn Ủy viên Ủy ban Kiến thiết Quốc gia theo Sắc lệnh số 78 ngày 31/12/1945, cùng với các nhân sĩ trí thức khác như: Phó bảng Đặng Văn Hướng, kĩ sư Lê Dung, kĩ sư Hoàng Văn Đức, kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện, kĩ sư Nghiêm Xuân Yêm... Một lần thất bại về chính trị, Vệ Thạch chỉ muốn đi vào hoạt động văn hóa. Đào Duy Anh lần lượt tham gia giảng dạy bộ môn lịch sử tại Ban Văn khoa Đại học Quốc gia Việt Nam tại Hà Nội (khai giảng ngày 15/11/1945), Ủy viên Ban vận động Đại hội Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946), Ủy viên Ban chấp hành Hội Văn hóa Cứu quốc Trung Bộ, Ủy viên Ban

chấp hành Hội Văn nghệ Liên khu IV (1947), Trưởng ban Sử - Địa thuộc Bộ Giáo dục (1950), giáo sư giảng dạy tại Trường Dự bị Đại học và Sư phạm Cao cấp Liên khu IV (1951-1954), Trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn Khoa Hà Nội (1954-1956), Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956-1958).

Thời gian làm chủ nhiệm bộ môn Cổ sử Việt Nam ông đã đào tạo được những thế hệ sử gia đầu tiên của nền đại học Việt Nam độc lập. Nhiều người đã trở thành những nhà giáo, nhà khoa học giữ vai trò đầu ngành trong sự nghiệp phát triển nền sử học Việt Nam hiện đại, trong đó có "tứ trụ" của ngành Sử học ngày nay là GS Hà Văn Tấn (được giao nhiệm vụ chủ trì bộ Dư địa chí của Nguyễn Trãi), GS Trần Quốc Vượng (được giao nhiệm vụ dịch và chủ trì cuốn Việt sử lược - khuyết danh, đời Trần thế kỉ XV), GS Phan Huy Lê (được giao nhiệm vụ viết cuốn Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ), GS Đinh Xuân Lâm...

Đồng thời với những tư liệu đã tích lũy được từ trước cùng những trăn trở suy nghĩ cộng với điều kiện mới có nhiều thông tin cập nhập và tham khảo các công trình khoa học nước ngoài, Đào Duy Anh đã hoàn chỉnh và cho xuất bản 2 bộ giáo trình: Lịch sử Việt Nam (1956) và Cổ sử Việt Nam (1956). Ngay sau đó, ông bổ sung viết lại thành "Lịch sử cổ đại Việt Nam" (1957) gồm 4 tập: Nguồn gốc dân tộc Việt Nam;

Vấn đề An Dương Vương và Nhà nước Âu Lạc; Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt; Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến. Tiếp theo là cuốn "Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam" (1957) và viết lại giáo trình: "Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX" (2 tập). Trong 2 năm, Đào Duy Anh đã hoàn thành và công bố dồn dập nhiều công trình khoa học, đã vấy bút làm mưa gió trên "mặt trận" khoa học lịch sử Việt Nam.

Thời công tác giảng dạy ở trường đại học, Đào Duy Anh chuyển sang Viện Sử học làm công tác hiệu đính. Con chim Tinh vệ họ Đào tiếp tục nhỏ từng giọt máu để ngậm đá lấp biển học mệnh mông. Những năm sau này, theo lời tâm sự, ông chỉ làm được vài cuốn sách "mỏng mỏng": Đất nước Việt Nam qua các đời (1964); Từ điển Truyện Kiều (hoàn thành 1965, xuất bản 1974); chữ Nôm (nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến - 1989)... Và chú giải, hiệu đính hàng vạn trang sách trong những bộ sử được dịch ra Tiếng Việt: Lịch triều Hiến chương loại chí, Đại Nam thực lục, Thánh Tông di thảo, Phủ biên

tạp lục, Đại Việt sử ký toàn thư, Nguyễn Trãi toàn tập, Đại Nam nhất thống chí, Binh thư yếu lược - phụ Hồ tướng khu cơ; Khoá hư lục (dịch), Sở từ (dịch), Truyện Hoa Tiên, Truyện Kiều... Kinh Thi (chưa xuất bản), Đạo đức kinh và Học thuyết của Lão Tử (chưa xuất bản).

Những thành công của nhà bách khoa Đào Duy Anh còn có sự góp sức của người vợ hiền đi bên cạnh ông suốt cuộc đời là bà Trần Thị Như Mân. Bà là cháu nội quan Phụ chánh đại thần Trần Tiễn Thành, con gái quan Tuần vũ Trần Tiễn Hối. Cô tiểu thư khuê các lá ngọc cành vàng ấy đã là trợ lý đắc lực trong sự nghiệp nghiên cứu khoa học và văn hóa của chồng mình. Có thể khẳng định chắc chắn một điều rằng Trần Thị Như Mân là đồng tác giả những tác phẩm của Đào Duy Anh. Bà còn là thân mẫu của hai nhà khoa học GS.VS nông nghiệp Đào Thế Tuấn và nhà sử học Đào Hùng. Trong Hồi ký Nhớ nghĩ chiều hôm, Đào Duy Anh viết: "Nói chung, trong tất cả các tác phẩm của tôi một phần lớn là nhờ có sự giúp đỡ hay cộng tác của vợ tôi...".

Ngày 1/4/1988, con chim Tinh vệ đã ngừng lấp đá biển học. Khi thời gian đã đeo gót đến gần cận kiệt sức lao động, Đào Duy Anh tự nhận thấy cuộc đời "có biết tôi cũng chỉ ở lịch sử dân tộc mà có buộc tội tôi cũng chỉ ở lịch sử dân tộc".

Nhận định về hai công trình "Lịch sử cổ đại Việt Nam" và "Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX" (được trao giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật - đợt 2, năm 2000), PGS Phan Ngọc - người kế tục sự nghiệp khoa học của Đào Duy Anh - nêu rõ: "Đào Duy Anh là học giả lớn nhất Việt Nam thế kỷ XX và có uy tín quốc tế. Ông là người thực sự mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam theo quan điểm duy vật. Cụm công trình tôi được xét đến chỉ là một bộ phận trong toàn bộ các công trình to lớn và có giá trị lâu dài của nhà học giả lỗi lạc. Có thể nói không một người nào trong nước hay ngoài nước nghiên cứu văn hóa, xã hội, lịch sử Việt Nam mà lại không đọc những công trình của ông, thậm chí không dựa vào những kiến giải của ông để làm việc"

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH NHÀ SỬ HỌC VÀ VĂN HÓA LỚN

Phan Huy Lê

[100 Years-VietNam National University, HaNoi]



Lần đầu tiên tôi được biết GS. Đào Duy Anh là năm 1952, sau khi tôi tốt nghiệp trường phổ thông Phan Đình Phùng (Hà Tĩnh) ra Thanh Hóa vào học trường Dự bị đại học. Trước đây tôi chỉ biết đến tên tuổi học giả họ Đào qua cuốn Pháp - Việt từ điển và Hán - Việt từ điển.

Tôi không bao giờ quên được những buổi giảng bài của thầy Đào về lịch sử Việt Nam vào ban đêm tại sân đình hay sân nhà tư nhân ở vùng Cầu Kè, chợ Đu (Thọ Xuân, Thanh Hóa). Để tránh máy bay địch, chúng tôi học ban đêm, mỗi người một bàn xếp nhỏ với chiếc đèn dầu hỏa tự chế bằng lọ mực với tấm bìa che chỉ đủ ánh sáng để ghi chép. Thầy Đào ngồi trên ghế cao, không cần đèn, chậm rãi giảng bài bằng trí nhớ của mình. Học trò nhìn lên không thấy mặt thầy mà chỉ nghe giọng thầy qua lời giảng đều đều nhưng khúc chiết, sâu sắc. Năm 1954, tôi ra Hà Nội để học tiếp năm thứ hai ban Sử - Địa, Trường Đại học Sư phạm. Năm 1956 sau khi tốt nghiệp, tôi được giữ lại làm trợ lý tại Bộ môn Cổ sử Việt Nam do GS.Đào Duy Anh làm Chủ nhiệm (lúc bấy giờ quen gọi là Tổ Cổ sử) với chức Tổ

trưởng. Tôi được vinh dự học với thầy và làm việc dưới sự hướng dẫn của thầy cho đến khi ông chuyển công tác sang Bộ Giáo dục (1958) rồi Viện Sử học (1960). Đó là chặng đường chập chững khi tôi bước vào nghề dạy Sử và viết Sử mà vai trò của người thầy hết sức quan trọng trong định hướng khoa học và hình thành phong cách cho cả cuộc đời khoa học.

GS.Đào Duy Anh sinh ngày 25/4/1904 tại Thanh Hóa và mất ngày 1/4/1988 tại Hà Nội. Họ Đào vốn gốc ở làng Khúc Thủy, tổng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội), từ đời ông

nội chuyển cư vào Thanh Hóa (xã Trung Chính, huyện Nông Cống). Sau khi tốt nghiệp Thành chung tại Trường Quốc học Huế (1923), ông không muốn làm công chức dưới chính quyền thực dân và đã chọn nghề dạy học thanh cao, ra dạy ở Trường Tiểu học Đồng Hới (Quảng Bình). Giữa lúc đó, phong trào yêu nước đang dấy lên sôi động với tiếng bom Sa Diện (Quảng Châu, Trung Quốc) của Phạm Hồng Thái năm 1924, phong trào đấu tranh đòi "ân xá" cho Phan Bội Châu năm 1925, đám tang Phan Chu Trinh năm 1926, những hoạt động báo chí, xuất bản tiến bộ tại các thành phố lớn, đã cuốn hút tâm trí

của người thanh niên trí thức Đào Duy Anh. Cuối năm 1925, ông có mặt trong buổi Hội Quảng Tri Đồng Hối đón tiếp Phan Bội Châu trên đường từ Hà Nội vào Huế. Năm 1926, ông từ chức giáo học, vào Đà Nẵng và có ý định vào Sài Gòn sống tại những trung tâm văn hóa, chính trị để "thoát chốn ao tù", "tìm nơi trời cao biển rộng" có điều kiện "mở mang trí thức" và tiếp xúc với những hoạt động yêu nước. Từ đó, ông dần thân vào các hoạt động chính trị, văn hóa.

Trên đường vào Đà Nẵng, ông ghé qua Huế thăm cụ Phan Bội Châu đang bị giam lỏng ở chùa Phổ Quang (sau này mới chuyển đến nhà trên dốc Bến Ngự), vào Quảng Nam gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng đang làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ. Ông giúp cụ Huỳnh sáng lập báo Tiếng dân, giữ chức Thư ký tòa soạn. Cuối mùa hè năm 1926, ông tham gia Việt Nam Cách mạng Đảng, sau đổi tên thành Tân Việt Cách mạng Đảng (7/1928) và ông trở thành Tổng Bí thư của đảng. Cũng trong năm 1928, ông sáng lập Quan hải tòng thư, với sự cộng tác của những trí thức cấp tiến như Võ Liêm Sơn, Trần Đình Nam, Phan Đăng Lưu... xuất bản những tập sách phổ cập để người đọc làm quen với tư tưởng khoa học và tư tưởng duy vật lịch sử. Trong thời gian tồn tại ngắn ngủi cho đến 7/1927, Nhà xuất bản này đã cho ra đời 13 ấn phẩm, trong đó Đào Duy Anh đã biên soạn hay phỏng dịch những cuốn Lịch sử các học thuyết kinh tế, Phụ nữ vận động, Lịch sử nhân loại, Tôn giáo là gì?, Xã hội là gì?, Dân tộc là gì?. Đó là những trước tác đầu tay của học giả họ Đào trong mục tiêu truyền bá chủ nghĩa Mác và tư tưởng khoa học tiến bộ, góp phần vào phong trào đấu tranh chính trị và văn hóa thời bấy giờ. Ông lấy biệt hiệu là Vệ Thạch ví mình như chim tinh vệ nguyệt suốt đời ngậm đá lấp biển học mênh mông bát ngát.

Tháng 7/1929, GS.Đào Duy Anh bị chính quyền thực dân bắt, cho đến đầu năm 1930 mới ra khỏi nhà tù. Từ đây, ông tự nhận thấy "không có đủ tài năng và dũng cảm để gánh vác cái công việc khó khăn và gian khổ mà cách mạng giao cho" và "chọn con đường hoạt động văn hóa mà góp phần phục hồi cái sinh khí của dân

tộc đang bị lu mờ dưới chế độ thống trị thực dân". Về mặt tư tưởng, ông cũng định hướng rõ ràng: "Tôi tự xác định cho mình là phải cố gắng làm sao đem cái ánh sáng của chủ nghĩa Mác để khai thác vốn văn hóa của dân tộc và chọn lấy những cái tốt đẹp mà góp phần vào cuộc cải tạo văn hóa nước nhà".

Lĩnh vực văn hóa khoa học đầu tiên mà GS. Đào Duy Anh quan tâm là Từ điển học. Ông đã hoàn thành và xuất bản hai bộ từ điển: Hán - Việt từ điển (1932), Pháp - Việt từ điển (1936). Đây không những là những sách công cụ rất cần thiết cho sự tra cứu, đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, khoa học lúc bấy giờ mà còn qua các từ, các khái niệm chính trị, tác giả có dụng ý đưa vào đó cách giải thích tiến bộ và khoa học theo quan điểm mác xít và trào lưu tư tưởng hiện đại. GS. Đào Duy Anh là một nhà từ điển học đặt cơ sở cho nền từ điển học hiện đại Việt Nam.

Từ năm 1938, ông chuyển sang lĩnh vực văn hóa, văn học. Những công trình nghiên cứu đã xuất bản là Việt Nam văn hóa sử cương (1938), Khổng giáo phê bình tiểu luận (1938), Trung Hoa sử cương (1942), Khảo luận về Kim Vân Kiều (1943). Tác phẩm "Việt Nam văn hóa sử cương" của GS. Đào Duy Anh cùng tác phẩm Văn minh An Nam (La Civilization Annamite, 1944) của GS. Nguyễn Văn Huyền là những công trình khoa học đặt nền tảng cho sự hình thành nền văn hóa học hiện đại Việt Nam trên tinh thần khoa học và dân tộc.

Lĩnh vực khoa học mà GS. Đào Duy Anh dốc nhiều tâm lực nhất là Sử học. Chí hướng khoa học này đã được ông xác định ngay sau khi ra tù năm 1930 và chuẩn bị rất công phu. Ông suy nghĩ "phải chuyên tâm nghiên cứu lịch sử vì chỉ có hiểu biết đầy đủ lịch sử dân tộc thì mới có thể chốt lọc ra đâu là những yếu tố truyền thống, đâu là những yếu tố ngoại lai" và "sau khi ra tù, tôi đã quyết định chuyên tâm nghiên cứu sử học". Ông cũng tự nhận thấy hành trang cần thiết để đi vào lĩnh vực khoa học này là một cơ sở kiến thức rộng về lịch sử thế giới, về Lịch sử đông tây và nhiều ngành liên quan về khoa học xã hội như Triết học, Kinh tế học, Dân tộc học, Xã hội học..., đặc biệt là về phương pháp

luận sử học và tư liệu lịch sử. Từ Thư viện Bảo Đại, Thư viện của Hội đô thành hiếu cổ (Société des Amis du Vieux Hue) ở Huế, Thư viện Long Cương của họ Cao ở Thịnh Mỹ (Diễn Châu, Nghệ An) và nhiều thư viện tư gia, ông đã thuê chép và tìm mua được nhiều sách quý, xây dựng cho mình một tủ sách Hán Nôm khá phong phú gồm nhiều thư tịch của Việt Nam và Trung Quốc. Ông dành nhiều thời gian đi về các thế gia, các dòng họ từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh vào đến Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định để thu thập các loại tư liệu lịch sử. Năm 1938, ông đã ra Hà Nội gặp Nguyễn Văn Tố và nhóm Tri Tân để chuẩn bị xuất bản bộ Tùng thư sử học và bộ Tùng thư văn học, nhưng công việc phải dừng lại vì Chiến tranh thế giới thứ II.

Về phương pháp luận sử học, ông tìm hiểu cuốn Sử học khái luận (Introduction aux Études Historiques) của Charles Seignobos thuộc trường phái của chủ nghĩa thực chứng (positivisme) và tham khảo kinh nghiệm nghiên cứu biểu thị qua các công trình khoa học có giá trị của các học giả Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, nhất là những tác phẩm viết theo quan điểm mác xít của học giả Trung Quốc như Quách Mạt Nhược, Lã Chấn Vũ... Ông đặc biệt coi trọng việc giám định sử liệu và về phương diện này, ông cố gắng vận dụng những thành tựu của phép huấn hử của các nhà kinh học đời Hán, phép khảo cứ đời Minh, Thanh kết hợp với phương pháp văn bản học hiện đại của phương Tây. Trên cơ sở đó, ông đã bắt đầu sự nghiệp sử học của mình bằng công việc dịch và chú giải Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn và nghiên cứu cổ sử Việt Nam từ thời tiền sử, nguồn gốc dân tộc đến văn hóa Đông Sơn, kháng chiến chống Tần, nước Âu Lạc...

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, GS. Đào Duy Anh được mời giảng dạy môn Lịch sử tại Đại học Văn khoa Hà Nội, cùng với các trường đại học và cao đẳng khác khai giảng ngày 15/11/1945. Ông là Ủy viên Ban vận động Đại hội văn hóa toàn quốc (1946). Trong kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động trong Chi hội văn nghệ Liên khu IV. Năm 1950, ông được mời ra Việt Bắc làm Trưởng Ban Sử - Địa thuộc Vụ Văn học Nghệ

thuật, Bộ Giáo dục. Năm 1952, về Thanh Hóa giảng dạy tại Trường Dự bị Đại học. Năm 1954, sau khi hòa bình lập lại, ông trở về Hà Nội giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa. Năm 1956, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập, ông được cử làm Chủ nhiệm Bộ môn Cổ sử Việt Nam, chăm lo công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thời gian công tác ở Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội cho đến năm 1958, chỉ có hơn 2 năm. Nhưng đây là thời gian GS. Đào Duy Anh tập trung tất cả tâm sức vào lĩnh vực Sử học và đạt nhiều hiệu quả cao nhất.

Với những tư liệu đã tích lũy từ nhiều năm cùng những suy ngẫm và một số bản thảo đã chuẩn bị trong những năm kháng chiến, nay có điều kiện để bổ sung, cập nhật thông tin và tham khảo những công trình khoa học liên quan của nước ngoài, ông đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu rất cơ bản về lịch sử Việt Nam, nhất là về lịch sử cổ đại và trung đại như vấn đề phân kỳ lịch sử, nguồn gốc dân tộc, vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, sự hình thành dân tộc Việt Nam... GS. Đào Duy Anh đã hoàn chỉnh bản soạn thảo cũ và cho xuất bản hai bộ giáo trình: Lịch sử Việt Nam (1956) và Cổ sử Việt Nam (1956). Ngay sau đó, ông bổ sung và viết lại thành Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957) gồm 4 tập: Nguồn gốc dân tộc Việt Nam, Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc, Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt, Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến. Trong những năm 1957 - 1958, ông cho xuất bản tiếp Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam (1957) và viết lại Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX (2 tập, 1958). Thật hiếm thấy một chuyên gia trong thời gian hai năm đã hoàn thành và công bố dồn dập nhiều công trình khoa học đến như thế. Trong thời gian hai năm này, GS. Đào Duy Anh còn ra sức xây dựng một sở sở tư liệu lâu dài cho Khoa Lịch sử và Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ông tìm mua những thư tịch quý của Trung Quốc, thuê người sao chép những bộ sử và tư liệu Hán Nôm của Việt Nam, thu thập những nguồn tư liệu nước ngoài viết về Việt Nam, có kế hoạch dịch những tư liệu cần thiết

cho sinh viên tham khảo. Bên cạnh Bộ môn Lịch sử cổ trung đại Việt Nam có một tổ phiên dịch gồm những nhà Hán học cao tuổi và một tổ Đồ bản. Cũng trong hai năm này, GS. Đào Duy Anh đã tham gia đào tạo được 3 khóa sinh viên của Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Tổng hợp Hà Nội (1954 - 1958), những thế hệ sử gia đầu tiên của nền đại học Việt Nam độc lập, trong đó nhiều người trở thành giáo sư, phó giáo sư và giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển nền Sử học hiện đại của đất nước.

Năm 1958, GS. Đào Duy Anh chuyển sang Bộ Giáo dục, rồi năm 1960 chuyển sang Viện Sử học. Từ đây, ông thôi công tác giảng dạy đại học và chuyên tâm vào một lĩnh vực phù hợp với điều kiện công tác mới mà vẫn không ngừng cống hiến cho nền học thuật của đất nước. Theo sự phân công của Viện sử học, ông đã hiệu đính và chú giải nhiều bộ sách quý đã dịch ra tiếng Việt như Lịch triều hiến chương loại chí, Đại Nam thực lục, Phủ biên tạp lục, Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Nam nhất thống chí, Bình thư yếu lược và Hồ trướng khu cơ, Gia Định thành thông chí, Nguyễn Trãi toàn tập. Cũng trong thời gian này và sau khi nghỉ hưu (1965), ông biên soạn một số công trình như Đất nước Việt Nam qua các đời (1964), Từ điển truyện Kiều (viết xong 1965, xuất bản 1974), Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến (1975), dịch và chú giải Khóa hư lục (1974), Sở từ (1974), Truyện Hoa Tiên (1978), Thơ chữ Hán Nguyễn Du (1988), Kinh Thi (chưa xuất bản), Đạo Đức kinh và học thuyết của Lão Tử (chưa xuất bản). Cuối đời, ông viết tập hồi ký Nhớ nghĩ chiều hôm (viết xong 1974, xuất bản 1989).

Trên chặng đường dài từ 1928 cho đến lúc đi vào cõi vĩnh hằng, GS. Đào Duy Anh đã để lại một di sản đồ sộ với nhiều trước tác trên nhiều lĩnh vực từ Từ điển, Ngôn ngữ, Văn hóa, Văn học đến Sử học, Khảo cổ học, Văn bản học, Dân tộc học, Địa lý học lịch sử. Ông là một học giả uyên bác với vốn tri thức mang tính bách khoa về khoa học xã hội - nhân văn, với tinh thần lao động khoa học không biết mệt mỏi biểu thị một niềm đam mê, một hoài bão lớn

và một nghị lực phi thường. Bao trùm lên tất cả, ông là một nhà sử học lớn, một nhà văn hóa lớn với những công trình nghiên cứu mang tính khai phá đặt nền tảng cho sự hình thành nền sử học và nền văn hóa học hiện đại Việt Nam. Năm 2000, GS. Đào Duy Anh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về 2 công trình Lịch sử cổ đại Việt Nam và Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX.

GS. Đào Duy Anh có mặt tại Trường Đại học Văn khoa từ khi thành lập (năm 1945), rồi sau đó, tại Trường Dự bị Đại học ở Thanh Hóa (từ năm 1952) và Trường Đại học Văn khoa, Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Tổng hợp Hà Nội (từ năm 1954 đến 1958). Ông là một trong những giáo sư có công xây dựng nền văn khoa tức nền khoa học xã hội - nhân văn, hiện đại của Nhà trường, của đất nước.

Viết đến dòng kết thúc này, trước mắt tôi lại hiện lên hình ảnh người thầy kính mến vào những năm cuối đời với mái đầu bạc phơ, chòm râu trắng, vầng trán cao và khuôn mặt thông tuệ, nhân hậu hằn in một cuộc đời lao động khoa học cần mẫn với biết bao gian truân. Dấu ấn và tấm gương GS. Đào Duy Anh mãi mãi để lại trong tâm trí các thế hệ học trò và giới sử học là tinh thần tự học, tự nghiên cứu, là lòng hăng say tích lũy tri thức và không ngừng bổ sung, cập nhật, là ý thức tìm tòi, khám phá trong học thuật. Nói đến sự nghiệp của ông không thể không nhắc đến bà Trần Thị Như Mân, người bạn đời và cũng là người thư ký tận tụy đã cộng tác và giúp đỡ ông rất đặc lực trong việc hoàn chỉnh các công trình khoa học.

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH CÂY ĐẠI THỤ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Thu Nhuận (tổng hợp)

Trong giới sử học khi nói đến Giáo sư, nhà sử học Đào Duy Anh thì ai cũng biết, ông là người có công rất lớn trong việc góp phần xây dựng nền sử học nước nhà. Ở ông nổi bật đó chính là tinh thần tự học, tự nghiên cứu, là lòng hăng say tích lũy tri thức, không ngừng bổ sung cập nhật, là ý thức tìm tòi, khám phá trong học thuật. Ông là người đã góp phần đào tạo ra một thế hệ những nhà sử học uyên bác, ông xứng đáng là cây đại thụ của nền sử học hiện đại nước nhà.

Giáo sư Đào Duy Anh sinh năm 1904 tại Thanh Hóa, mất năm 1988 tại Hà Nội. Năm 1923, ông tốt nghiệp Thành chung (cấp 3) tại Trường Quốc Học Huế, không chấp nhận làm công chức cho chính quyền thực dân, ông đã chọn làm nghề thầy giáo dạy Trường Tiểu học Đồng Hới (Quảng Bình). Giữa lúc đó, phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi với những phong trào như: Tiếng bom Sa Điện (tại Quảng Châu, Trung Quốc) của Phạm Hồng Thái năm 1924; phong trào đấu tranh đòi ân xá cho cụ Phan Bội Châu năm 1925; đám tang cụ Phan Chu Trinh năm 1926; cùng với những hoạt động báo chí, xuất bản tiến bộ đã thu hút sự quan tâm của ông. Năm 1926, ông từ chức giáo học, vào Đà Nẵng và có ý định vào Sài Gòn sống tại những trung tâm văn hóa, chính trị để “thoát chốn ao tù”, tìm đến “nơi trời cao biển rộng” để có điều kiện “mở mang trí thức” và tiếp xúc với những hoạt động yêu nước.

Trên đường Nam tiến, đến Đà Nẵng ông gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng, Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ. Hai người cùng nhau ra Huế và sáng lập tờ báo Tiếng Dân (Cơ quan ngôn luận đầu tiên, đại diện cho tiếng nói nhân dân miền Trung), Đào Duy Anh giữ chức thư ký tòa soạn. Cuối mùa hè năm 1926, ông tham gia Việt Nam Cách mạng Đảng, sau đổi tên thành Tân Việt Cách mạng Đảng (7/1928) và trở thành Tổng bí thư của Đảng. Cũng trong năm 1928 ông



Tượng GS. Đào Duy Anh

sáng lập ra “Quan hải tùng thư” (một cơ quan xuất bản của Tân Việt Cách mạng Đảng). Cùng với những nhà trí thức cấp tiến, Quan hải tùng thư đã cho xuất bản nhiều tác phẩm, trong đó có những tác phẩm có giá trị do Đào Duy Anh biên soạn và phỏng dịch như: “Lịch sử ra đời học thuyết kinh tế”, “Phụ nữ vận động”, “Lịch sử nhân loại”, “Tôn giáo là gì?”, “Xã hội là gì?”, “Dân tộc là gì?”.

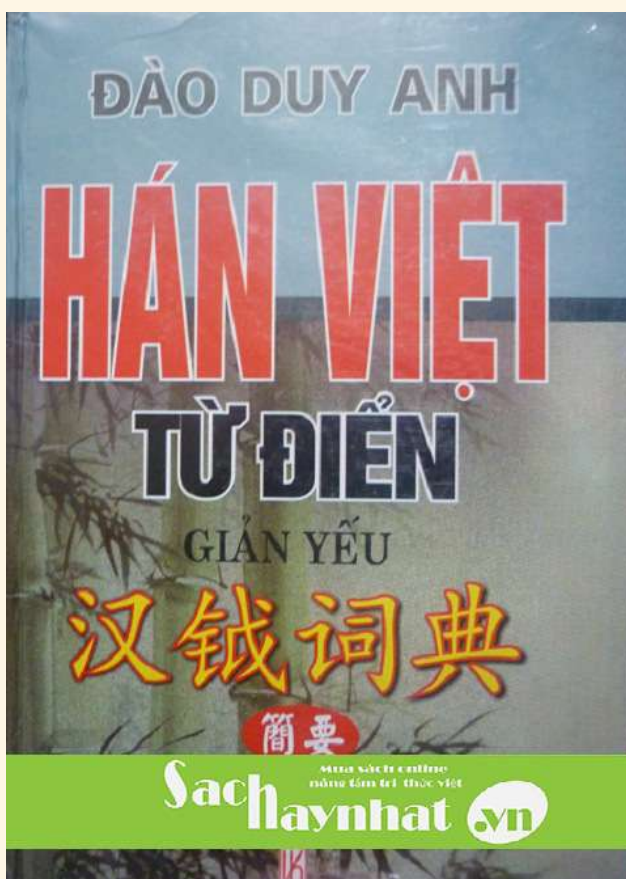


Cùng với chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, GS. Đào Duy Anh sáng lập tờ báo Tiếng Dân (Cơ quan ngôn luận đầu tiên, đại diện cho tiếng nói nhân dân miền Trung) năm 1926.

Tháng 7/1929, Đào Duy Anh bị chính quyền thực dân bắt, cho đến đầu năm 1930 ông mới được ra tù. Sau khi ra tù ông đã dừng hoạt động chính trị và chuyển sang hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, sự kiện này được xem như là một bước ngoặt lớn lao trong cuộc đời của Giáo sư Đào Duy Anh.

Lĩnh vực văn hóa khoa học đầu tiên Đào Duy Anh quan tâm là Từ điển học. Ông đã hoàn thành và xuất bản hai bộ từ điển là "Hán - Việt từ điển" (1932) và "Pháp - Việt từ điển" (1936). Đây là những công cụ tra cứu rất hữu ích thời bấy giờ, đồng thời còn là cầu nối, xóa bỏ khoảng cách thể hệ đặc biệt là về ngôn ngữ, tạo ra tiếng nói chung giữa lớp người già theo Nho học và người trẻ theo Tây học.

Từ năm 1938, ông chuyển sang lĩnh vực văn hóa, văn học. Những công trình nghiên cứu đã xuất bản là "Việt Nam văn hóa sử cương" (1938), "Khổng giáo phê bình tiểu luận" (1938), "Trung Hoa sử cương" (1942), "khảo luận về Kim Vân Kiều" (1943). Tác phẩm "Việt Nam văn hóa sử cương" của Đào Duy Anh cùng với tác phẩm "Văn minh An Nam" của Nguyễn Văn Huyền là những công trình khoa học đặt nền tảng cho sự hình thành nền văn hóa học hiện đại Việt Nam trên tinh thần khoa học và dân tộc.



Bộ "Hán - Việt từ điển" (40.000 từ)
do Giáo sư Đào Duy Anh biên soạn
lúc mới 28 tuổi năm 1932

Lĩnh vực khoa học mà Đào Duy Anh dốc nhiều tâm sức nhất đó là khoa học lịch sử, đặc biệt là Cổ sử Việt Nam, ông coi lịch sử là phương diện tốt nhất để thức tỉnh hồn nước, đặc biệt là để nhận diện ở tầm học thuật vấn đề bức thiết khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền sử học khu vực và thế giới.

Sau cách mạng tháng 8/1945, Giáo sư Đào Duy Anh được mời giảng dạy môn lịch sử tại Đại học Văn khoa Hà Nội, cùng với các trường đại học và cao đẳng khác. Năm 1946 ông là Ủy viên Ban vận động Đại hội văn hóa cứu quốc, trong kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động trong chi Hội văn nghệ Liên khu IV. Năm 1950, ông được mời ra Việt Bắc làm Trưởng Ban Sử - Địa thuộc Vụ Văn học Nghệ thuật, Bộ Giáo dục. Năm 1952, về Thanh Hóa giảng dạy tại Trường Dự bị Đại học. Sau khi hòa bình được lập lại, ông trở về Hà Nội giảng dạy tại trường Đại học Sư Phạm và Đại học Văn khoa. Năm 1956, khi trường đại học Tổng hợp được thành lập, ông được cử làm chủ nhiệm bộ môn Cổ sử Việt Nam.

Trong thời gian công tác ở khoa Lịch sử Trường Đại học Tổng hợp cho đến năm 1958, chỉ trong hơn 2 năm nhưng đây là thời gian Giáo sư Đào Duy Anh tập trung hết cả tâm lực vào lĩnh vực sử học và đạt được những hiệu quả cao nhất. Hai bộ giáo trình "Lịch sử Việt Nam" (1956) và "Cổ sử Việt Nam" (1956) đã được xuất bản. Ngay sau đó, ông lại bổ sung và viết thành "Lịch sử cổ đại Việt Nam" (1957) gồm 4 tập: "Nguồn gốc dân tộc Việt Nam", "Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc", "Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt", "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến". Trong những năm 1957 - 1958, ông cho xuất bản cuốn "Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam" và viết lại "Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX".

Năm 1958, Giáo sư Đào Duy Anh chuyển sang Bộ Giáo dục, đến năm 1960 chuyển sang công tác tại Viện Sử học. Trong khoảng thời gian này ông thôi công tác giảng dạy, mà chuyển sang công tác hiệu đính và chú giải nhiều bộ sách quý đã được dịch ra tiếng Việt như: "Lịch triều hiến chương loại chí", "Đại Nam thực lục", "Phủ Biên tạp lục", "Đại Việt sử ký toàn thư", "Đại Nam

nhất thống chí", "Bình thư yếu lược và Hổ trướng Khu cơ", "Gia Định thành thông chí", "Nguyễn Trãi toàn tập". Sau khi nghỉ hưu 1965, ông biên soạn một số công trình như "Đất nước Việt Nam qua các đời" (1964), "Từ điển truyện Kiều" (viết xong 1965, xuất bản 1974), "Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến" (1975), dịch và chú giải "Khóa hư lục" (1974), "Sở từ" (1974), "truyện Hoa Tiên" (1978), "Thơ chữ Hán Nguyễn Du" (1988).

Không chỉ dừng lại ở đó, Giáo sư Đào Duy Anh đã góp một phần to lớn vào việc đào tạo đội ngũ các nhà nghiên cứu sử học hiện nay. Giáo sư Hà Văn Tấn, một trong những học trò của Giáo sư Đào Duy Anh đã viết "Ông dạy chúng tôi bằng tấm gương lao động nghiêm túc của ông. Vì ông là một bác học, ông muốn chúng tôi cũng hiểu biết thật nhiều. Và do đó, ông buộc chúng tôi phải học thật nhiều. Ông là người đã khuyên chúng tôi học tiếng Nga và các cổ ngữ Phương Đông. Ông đã nói "không hiểu văn hóa Trung Quốc, văn hóa Ấn Độ, các anh không thể nào hiểu đầy đủ văn hóa Việt Nam". Ông thường đặt yêu cầu rất cao đối với các học trò của mình".



GS. Đào Duy Anh – Một tên tuổi lớn trong các nhà bách khoa toàn thư hiện đại" (theo đánh giá của Từ điển bách khoa Larousse, Pháp năm 1968)

Có thể nói, với những công trình nghiên cứu khoa học, với lòng say mê, nhiệt huyết của mình, Giáo sư Đào Duy Anh đã trở thành một “chiến sĩ” anh dũng trên mặt trận nghiên cứu khoa học xã

hội. Những đóng góp của ông cho hậu thế là một khối “tài sản” khổng lồ và vô giá. Ông chính là “tượng đài” cho lớp lớp thế hệ những nhà nghiên cứu khoa học xã hội noi theo.

Nguồn:

1. Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (chủ biên), “Từ điển nhân vật lịch sử”, nxb Giáo dục, 2005.
2. “Giáo sư Đào Duy Anh - nhà sử học và văn hóa lớn”, bài viết của Giáo sư Phan Huy Lê in trong cuốn “100 chân dung một thế kỷ Đại học Quốc gia” (<http://ussh.vnu.edu.vn/gs-dao-duy-anh-nha-su-hoc-va-van-hoa-lon/2763>).
3. “Trí thức Việt Nam xưa và nay”, nxb Văn hóa Thông tin, 2006

Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.



Tuần Tra Biên Giới

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH

"CON CHIM TINH VỆ" SUỐT ĐỜI VUN BIỂN HỌC

Hoàng Yến

Giáo sư Đào Duy Anh đã qua đời ngày 01.4.1988 tại Hà Nội. Ông là nhà văn hóa lớn, một học giả uyên bác với vốn tri thức bách khoa sâu rộng và là người thầy của những thế hệ sử gia đầu tiên được đào tạo sau Cách mạng tháng Tám. Những công trình nghiên cứu của ông đã khai phá và đặt nền móng cho sự hình thành nền sử học và nền văn hóa học hiện đại Việt Nam.

Theo Giáo sư Phan Ngọc: “Đào Duy Anh là học giả lớn nhất Việt Nam thế kỷ XX và là người có uy tín quốc tế. Ông đã mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam theo quan điểm duy vật. Có thể nói, không một người nào trong nước hay ngoài nước nghiên cứu văn hóa, xã hội, lịch sử Việt Nam mà không đọc những công trình của ông, thậm chí không dựa vào những kiến giải của ông để làm việc”.

Người trí thức trẻ tuổi giàu lòng yêu nước

Giáo sư Đào Duy Anh sinh ngày 25.5.1904, tại Thanh Hóa, trong một gia đình nho học. Năm 1923, sau khi tốt nghiệp trường Quốc học Huế, ông chọn nghề giáo và dạy học ở trường Tiểu học Đồng Hới (Quảng Bình), chứ không chịu làm công chức cho chính quyền thực dân Pháp.

Sau buổi tiếp xúc với chí sĩ Phan Bội Châu tại Đồng Hới, năm 1926, Đào Duy Anh dấn thân vào hoạt động chính trị văn hoá, “tìm nơi trời cao



GS. Đào Duy Anh lưu niệm cùng một số học trò thành danh

biển rộng” để có điều kiện “mở mang tri thức”. Ông có nhiều bài viết về thời sự trong nước đăng trên tờ báo Echo Annamite của Nguyễn Phan Long ở Sài Gòn. Sau khi gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng, lúc này là Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ ở Đà Nẵng, ông cùng cụ sáng lập Báo Tiếng Dân và giữ chức Thư ký tòa soạn. Cuối mùa hè năm 1926, ông tham gia tổ chức yêu nước Tân Việt và trở thành Tổng Bí thư của

đảng này khi mới 24 tuổi.

Cùng với chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, GS. Đào Duy Anh sáng lập tờ báo Tiếng Dân (Cơ quan ngôn luận đầu tiên, đại diện cho tiếng nói nhân dân miền Trung) năm 1926

Năm 1928, ông sáng lập Quan Hải tùng thư, với sự cộng tác của nhiều trí thức yêu nước như: Võ Liêm Sơn, Trần Đình Nam, Phan Đăng Lưu...

Bên cạnh đó, ông còn xuất bản sách phổ cập về tư tưởng khoa học, tư tưởng duy vật lịch sử, nhằm mở mang dân trí và ngấm truyền bá tinh thần yêu nước. Tuy thời gian tồn tại không dài nhưng nhà xuất bản đã cho ra đời 13 ấn phẩm, trong đó ông biên soạn hay phỏng dịch những cuốn, như: Lịch sử các học thuyết kinh tế, Phụ nữ vận động, Lịch sử nhân loại, Tôn giáo là gì?, Xã hội là gì?, Dân tộc là gì?... Đó là những trước tác đầu tay của ông nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác và tư tưởng khoa học tiến bộ, góp phần vào phong trào đấu tranh chính trị và văn hóa thời bấy giờ. Với bút danh Vệ Thạch, Đào Duy Anh tự ví mình như con chim Tinh Vệ, nguyện suốt đời ngậm đá để lấp biển học mệnh mông.

Nhà bách khoa của thế kỷ XX

Tháng 7.1929, giữa lúc phong trào yêu nước đang lên, Đào Duy Anh bị thực dân Pháp bắt giam. Năm 1930, sau khi được thả, ông chuyển sang hoạt động nghiên cứu văn hóa với định hướng rõ ràng: "Tôi tự xác định cho mình là phải cố gắng làm sao đem cái ánh sáng của chủ nghĩa Mác để khai thác vốn văn hóa của dân tộc và chọn lấy những cái tốt đẹp mà góp phần vào cuộc cải tạo văn hóa nước nhà". Đây là bước ngoặt lớn trong cuộc đời của ông.

Với niềm đam mê và nghị lực phi thường, Giáo sư Đào Duy Anh tìm tòi, nghiên cứu và tự trang bị cho mình vốn cơ

sở kiến thức rộng lớn Đông Tây kim cổ, bao gồm nhiều ngành khoa học xã hội. Lĩnh vực đầu tiên mà ông quan tâm là Từ điển học. Ông xuất bản hai bộ từ điển lớn, gồm: Hán-Việt từ điển vào năm 1932 và Pháp-Việt từ điển vào năm 1936. Hai bộ từ điển này không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, khoa học lúc bấy giờ mà còn qua các từ, các khái niệm chính trị, ông còn đưa vào đó cách giải thích tiến bộ và khoa

học theo quan điểm mác xít và trào lưu tư tưởng hiện đại. Đây là những công cụ tra cứu vô cùng hữu hiệu thời bấy giờ, đồng thời được coi là cầu nối giữa hai thế hệ, gồm lớp người già theo Nho học và lớp người trẻ theo Tây học. Năm 1974, Từ điển Truyện Kiều của ông ra đời và trở thành cuốn từ điển tác phẩm đầu tiên ở Việt Nam. Những tác phẩm này của ông đã đặt cơ sở cho từ điển học hiện đại Việt Nam.



GS. Đào Duy Anh

Từ năm 1938, Giáo sư Đào Duy Anh chuyển sang lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, văn học. Ông thực hiện trên 30 công trình về nghiên cứu và dịch thuật cổ văn được in thành khoảng hơn 60 tập sách nổi tiếng, như: *Việt Nam văn hóa sử cương*, *Khổng giáo phê bình tiểu luận* (1938); *Trung Hoa sử cương* (1942); *Khảo luận về Kim Vân Kiều* (1943)... Trong đó, tác phẩm *Việt Nam văn hoá sử cương* của Giáo sư Đào Duy Anh cùng với Văn minh An Nam (La Civilization Annamite, 1944) của Giáo sư Nguyễn Văn Huyền là những công trình khoa học đánh dấu và đặt nền tảng cho sự hình thành nền văn hóa học hiện đại Việt Nam một cách khoa học.

“Cây đại thụ” của nền sử học Việt Nam hiện đại

Có thể nói, lịch sử là lĩnh vực khoa học mà Giáo sư Đào Duy Anh dốc nhiều tâm sức nhất. Ông coi lịch sử là phương tiện tốt nhất để thức tỉnh tinh thần yêu nước, đồng thời khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền sử học thế giới và khu vực. Theo ông, “phải chuyên tâm nghiên cứu lịch sử vì chỉ có hiểu biết đầy đủ lịch sử dân tộc thì mới có thể chốt lại được là những yếu tố truyền thống, đâu là những yếu tố ngoại lai”. Ông cũng tự nhận thấy hành trang cần thiết để đi vào lĩnh vực khoa học này là một cơ sở kiến thức rộng về lịch sử thế giới, lịch sử đông tây và nhiều ngành liên quan về khoa học xã hội, như: Triết học, Kinh tế học, Dân tộc học, Xã hội học...

đặc biệt là về phương pháp luận sử học và tư liệu lịch sử.

Tại Thư viện Bảo Đại, Thư viện của Hội đồ thành hiếu cổ (Société des Amis du Vieux Hue) ở Huế, Thư viện Long Cương của họ Cao ở Thịnh Mỹ (Diễn Châu, Nghệ An) và nhiều thư viện tư gia, Giáo sư Đào Duy Anh thuê chép và tìm mua được nhiều sách quý. Ông xây dựng cho mình một tủ sách Hán Nôm khá phong phú, gồm nhiều thư tịch của Việt Nam và Trung Quốc. Ông cũng dành nhiều thời gian đi về các thế gia, các dòng họ từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh vào đến Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định để thu thập các loại tư liệu lịch sử. Năm 1938, ông ra Hà Nội gặp Nguyễn Văn Tố và nhóm Tri Tân để chuẩn bị xuất bản bộ “Tùng thư sử học” và bộ “Tùng thư văn học”, nhưng công việc này buộc phải dừng lại vì Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Giáo sư Đào Duy Anh bắt đầu sự nghiệp sử học của mình bằng công việc dịch và chú giải *Phủ biên tạp lục* của nhà bác học Lê Quý Đôn và nghiên cứu cổ sử Việt Nam từ thời tiền sử, nguồn gốc dân tộc đến văn hóa Đông Sơn, kháng chiến chống Tần, nước Âu Lạc...

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Giáo sư Đào Duy Anh được mời giảng dạy môn Lịch sử tại trường Đại học Văn khoa Hà Nội, cùng với các trường đại học và cao đẳng khác. Ông còn là Ủy viên Ban vận động Đại hội văn hóa toàn quốc năm 1946.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Giáo sư hoạt động trong Chi hội văn nghệ Liên khu IV. Đến năm 1950, ông được mời ra Việt Bắc làm Trưởng Ban Sử-Địa thuộc Vụ Văn học nghệ thuật, Bộ Giáo dục. Năm 1954, sau khi hòa bình lập lại, ông trở về Hà Nội giảng dạy tại trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa.

Năm 1956, sau khi Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập, Giáo sư Đào Duy Anh được cử làm Chủ nhiệm Bộ môn Cổ sử Việt Nam, chăm lo công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy chỉ công tác ở khoa Lịch sử, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội hơn 2 năm, nhưng đây là thời gian ông tập trung tất cả tâm sức vào lĩnh vực Sử học và đạt hiệu quả cao nhất. Cũng trong hai năm này, Giáo sư đã tham gia đào tạo được 3 khóa sinh viên của khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Tổng hợp Hà Nội (1954-1958). Đây là những thế hệ sử gia đầu tiên của nền đại học Việt Nam độc lập, trong đó nhiều người trở thành giáo sư, phó giáo sư và giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển nền sử học hiện đại của đất nước.

Bên cạnh đó, ông còn xây dựng một cơ sở tư liệu lâu dài cho khoa Lịch sử và Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ông tìm mua những thư tịch quý, thuê người sao chép những bộ sử và tư liệu Hán Nôm của Việt Nam, thu thập những nguồn tư liệu nước ngoài viết về Việt Nam, dịch những tư liệu cần

thiết cho sinh viên tham khảo.

Với những tư liệu tích lũy từ nhiều năm cùng những suy ngẫm và một số bản thảo chuẩn bị trong những năm kháng chiến, ông đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu rất cơ bản về lịch sử Việt Nam, nhất là về lịch sử cổ đại và trung đại, như: vấn đề phân kỳ lịch sử, nguồn gốc dân tộc, vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, sự hình thành dân tộc Việt Nam... Giáo sư đã hoàn chỉnh bản soạn thảo cũ và cho xuất bản hai bộ giáo trình nổi tiếng là: Lịch sử Việt Nam và Cổ sử Việt Nam (giáo trình đại học). Một năm sau, ông bổ sung và viết lại thành tác phẩm Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957), gồm 4 tập: Nguồn gốc dân tộc Việt Nam, Vấn đề An Dương Vương và Nhà nước Âu Lạc, Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt, Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến, đồng thời cho ra mắt cuốn Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam (1957), Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX (2 tập, 1958),

Đất nước Việt Nam qua các đời (1964), Chữ nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến (1975)...

Năm 1958, Giáo sư Đào Duy Anh chuyển sang Bộ Giáo dục và chuyển sang Viện Sử học vào năm 1960. Giáo sư đã hiệu đính, biên dịch, chú giải nhiều bộ sách quý, như: Lịch triều Hiến chương loại chí, Đại Nam thực lục, Phủ biên tạp lục, Đại Việt sử ký toàn thư, Bình thư yếu lược và Hồ trướng khu cơ, Gia Định thành thông chí, Nguyễn Trãi toàn tập, Đại Nam nhất thống chí, Truyện Hoa Tiên, Truyện Kiều, Đất nước Việt Nam qua các đời, Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến, Thơ chữ Hán Nguyễn Du... Ông còn viết tập hồi ký Nhớ nghĩ chiều hôm (viết xong 1974, xuất bản 1989).

Với những đóng góp to lớn cho lĩnh vực lịch sử nước nhà, năm 2000, Giáo sư Đào Duy Anh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật, với hai tác phẩm là Lịch sử cổ đại Việt Nam và Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến

thế kỷ XIX. Tên của ông được ghi vào bộ từ điển Larousse của Pháp với tư cách là một nhà bách khoa toàn thư thời hiện đại.

Ngày 01.4.1988, Giáo sư Đào Duy Anh qua đời tại Hà Nội, để lại một di sản khổng lồ và vô giá trên nhiều lĩnh vực, từ từ điển, ngôn ngữ, văn hóa, văn học đến sử học, khảo cổ học, văn bản học, dân tộc học, địa lý học lịch sử. Với tinh thần lao động khoa học không mệt mỏi, niềm đam mê và một nghị lực phi thường, Giáo sư đã trở thành "tượng đài" cho lớp lớp thế hệ những nhà nghiên cứu khoa học xã hội noi theo.

Có thể nói, cuộc đời và sự nghiệp của Giáo sư Đào Duy Anh là hành trình đi từ tinh thần yêu nước, yêu văn hóa dân tộc đến hoạt động khoa học. Ông đã dành cả cuộc đời để kiên trì theo đuổi và nhất quán cho sự nghiệp tinh thần đó, với một niềm tin mãnh liệt vào sức sống của dân tộc cũng như con đường mình đã lựa chọn.

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH NHÀ KHOA HỌC ƯỚM MẦM TÀI NĂNG CHO CÁC THẾ HỆ ĐỜI SAU

TS Lê Thành Ý



GS Đào Duy Anh và phu nhân

Từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tháng 9 năm 1945) đến nay, hiếm có gia tộc nào có thành công với 2 giải thưởng khoa học Hồ Chí Minh liên tiếp trao cho cả 2 thế hệ cha con và tên tuổi của họ lại được gắn với những con phố đẹp và sầm uất của Thủ đô Hà Nội. Cùng với những giải thưởng khoa học cao quý được trao, Đào Duy Anh còn có công lao to lớn trong đào tạo các nhà khoa học lịch sử và hậu duệ của ông đã được Viện Nghiên cứu Nông nghiệp pháp công nhận là Viện sĩ Hàn lâm ở lứa tuổi 45. Nhân kỷ niệm 120

năm ngày sinh của nhà khoa học lỗi lạc này (25 tháng 4 năm 1904), bài viết ghi lại đôi nét về cuộc đời cách mạng và hoạt động khoa học đào tạo của ông.

Cuộc đời và sự nghiệp

Đào Duy Anh, chữ Hán viết là: 陶維英 sinh ngày 25 tháng 4 năm 1904 và mất ngày 01 tháng 4 năm 1988. Ông là lãnh tụ cách mạng tiền bối; nhà sử học, địa lý, từ điển, ngôn ngữ học và là nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng; được xem là người mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội ở Việt Nam.

Sinh ra tại tỉnh Thanh Hóa, nhưng dòng họ Đào quê ông vốn ở làng Khúc Thủy, huyện

Thanh Oai, thành phố Hà Nội, đến đời ông nội mới chuyển cư vào sống ở đất Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Là con trưởng trong một gia đình đông con, cha mất sớm. ông phải tự kiếm sống và giúp mẹ nuôi dạy các em còn nhỏ, Nhiều người em trai của ông sau này đều đã trở thành những hoạt động chính trị, nhà báo, nhà sử học nổi tiếng như Đào Duy Kỳ, Đào Phan (Wikipedia 2023).

Sau khi đỗ Thành chung tại Quốc học Huế; năm 1923, Ông vào dạy học ở Trường Tiểu học Đồng Hới, nơi đại tướng Võ Nguyên Giáp từng là học trò. Chịu ảnh hưởng của các trào lưu yêu nước đang dấy lên ngày ấy như phong trào đấu tranh đòi "ân xá" cho cụ Phan Bội Châu năm 1925, và đám tang cụ Phan Chu Trinh vào năm 1926. Cuối năm 1925, ông tham gia Hội Quảng Tri Đồng Hới đón cụ Phan Bội Châu trên đường từ Hà Nội vào Huế. Năm 1926, ông từ chức giáo học, vào Đà Nẵng và có ý định đến Sài Gòn. Trên đường vào Đà Nẵng, ông gặp cụ Phan Bội Châu

đang bị giam lỏng ở chùa Phổ Quang, và đến Quảng Nam gặp Huỳnh Thúc Kháng là Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ. Ông đã giúp cụ Huỳnh sáng lập báo Tiếng Dân. Với vai trò

Thư ký tòa soạn, ông đã thét Tiếng dân trong nhiều cuộc đấu tranh tại kinh thành Huế. Cũng trong năm 1926, Đào Duy Anh tham gia Việt Nam Cách mạng Đảng sau đổi thành Tân

Việt Cách mạng Đảng, là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và trở thành Tổng Bí thư của Đảng,



Đồng nghiệp mừng thọ GS. Đào Duy Anh năm 1984

Trên cương vị Tổng Bí thư Đảng Tân Việt, năm 1928, ông lập NXB Quan hải tùng thư, có sự cộng tác của những trí thức nổi tiếng như Võ Liêm Sơn, Trần Đình Nam, Phan Đăng Lưu... Với bút danh Vệ Thạch (Chim Tinh vệ), ông đã cho xuất bản hàng loạt sách phổ cập để người đọc làm quen với tư tưởng khoa học và duy vật lịch sử như Lịch sử các học thuyết kinh tế, Lịch sử nhân loại, Phụ nữ vận động, Tôn giáo Xã hội và Dân tộc Đó là những trước

tác đầu tay của học giả trong mục tiêu truyền bá chủ nghĩa Mác và tư tưởng khoa học tiến bộ, góp phần vào phong trào đấu tranh chính trị và văn hóa thời bấy giờ. Ông lấy biệt hiệu là Vệ Thạch ví mình như chim tinh vệ nguyện suốt đời ngậm đá lấp biển học mênh mông bát ngát.

Tháng 7/1929, Đào Duy Anh bị chính quyền thực dân bắt, giam cho đến đầu năm 1930 mới được ra tù. Ra tù, ông dừng hoạt động chính trị và

chuyển sang lĩnh vực văn hóa, được xem là bước ngoặt lớn trong cuộc đời. Ông đã giành hầu hết thời gian chuyên tâm nghiên cứu văn hóa, bắt đầu từ Từ điển rồi đến văn hóa, văn học và lịch sử. Lĩnh vực nghiên cứu ông dốc nhiều tâm sức nhất đó là khoa học lịch sử, đặc biệt là Cổ sử Việt Nam, coi đây là phương tiện tốt nhất để thức tỉnh hồn nước, đặc biệt là nhận diện ở tầm học thuật và khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền sử học khu vực và thế giới

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông được mời giảng dạy Lịch sử tại Đại học Văn khoa Hà Nội. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động trong Chi hội văn nghệ Liên khu IV và là Ủy viên Ban vận động Đại hội văn hóa toàn quốc từ năm 1946. Năm 1950, được mời ra Việt Bắc làm Trưởng ban Sử-Địa thuộc Vụ Văn học Nghệ thuật, Bộ Giáo dục. Năm 1952, trở về Thanh Hóa giảng dạy tại trường Dự bị Đại học. Sau đó giảng dạy ở Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa Hà Nội. Năm 1956, ông được cử làm Chủ nhiệm Bộ môn Cổ sử Việt Nam tại Đại học Tổng hợp. Từ năm 1955 đến 1960, ông là Chủ nhiệm khoa Sử Trường Đại học Sư phạm và Đại học Tổng hợp, sau đó chuyển về Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam với nhiều công lao to lớn trong đào tạo nhiều lớp cán bộ nghiên cứu Sử học nước nhà.

Từ 1960 đến 1970, ông đã dịch, hiệu đính và chú giải nhiều bộ sách lớn về văn hoá, sử học như: Lịch triều hiến chương loại chí tập lục của Lê Quý Đôn, Ước Trai thi tập, Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, Thơ chữ Hán của Nguyễn Du... Ngoài ra ông còn biên khảo chữ nôm về nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến và dịch Khoá Thư lục của Trần Thái Tông.

Ngày 01 tháng 4 năm 1988, ông qua đời tại Hà Nội, thọ 84 tuổi. Cho đến cuối đời, Đào Duy Anh đã thực hiện trên 30 công trình về nghiên cứu và dịch thuật cổ văn được in thành hơn 60 tập sách bắt đầu

từ năm 1927. Với những công trình tiêu biểu là: Hán-Việt từ điển (1932); Pháp Việt từ điển (1936); Việt-Nam văn hóa sử cương (1938); Khổng giáo phê bình tiểu luận (1938); Trung Hoa sử cương (1942); Thảo luận về Kim Vân Kiều (1943); Lịch sử Việt Nam (1956); Cổ sử Việt Nam (1956); Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957) gồm 4 tập: Nguồn gốc dân tộc Việt Nam, Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc, Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt, Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến; Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam (1957); Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX (2 tập, 1958); Đất nước Việt Nam qua các đời (1964); Từ điển Truyện Kiều (viết xong năm 1965 và xuất bản năm 1974); Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến (1975).

Cùng với biên soạn ông đã hiệu đính, biên dịch và chú giải nhiều công trình nghiên cứu như Lịch triều hiến chương loại chí (1961-1962); Đại Nam thực lục (1962 - 1977); Phủ biên tạp lục (1964); Đại Việt sử ký toàn thư (1967 - 1968); Đại Nam nhất thống chí (1969 - 1971); Bình thư yếu lược (1970); Gia Định thành thông chí; Nguyễn Trãi toàn tập (1969); Khóa hư lục (1974); Sở từ (1974); Truyện Hoa Tiên (1978); Thơ chữ Hán Nguyễn Du (1988) và Hồi ký Nhớ nghĩ chiều hôm xuất bản năm 1989. Ngoài ra, ông còn biên dịch và chú giải cả Kinh Thi, Đạo Đức Kinh và học thuyết của Lão Tử.

Là một trong số ít người Việt

Nam được ghi tên trong bộ từ điển Larousse với tư cách là một nhà bách khoa toàn thư. Tên của ông đã được đặt cho các con đường tại quận Phú Nhuận (TP Hồ Chí Minh), quận Đống Đa (TP Hà Nội), thành phố Huế, thành phố Thanh Hóa, thành phố Hạ Long, Móng cái, Lai châu...

Là một trong những người có công xây dựng nền khoa học xã hội-nhân văn hiện đại, Đào Duy Anh đã đóng góp nhiều công sức trong lĩnh vực nghiên cứu. Ông là Người đặt cơ sở cho nền từ điển học hiện đại. Trên lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, văn học, tác phẩm Việt Nam văn hóa sử cương của ông cùng với Văn minh An Nam (La Civilization Annamite, 1944) của Nguyễn Văn Huyền đã trở thành những công trình nền móng để hình thành nền văn hóa Việt Nam. Trong sử học, với những tư liệu tích lũy nhiều năm và tham khảo những công trình khoa học nước ngoài, ông đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu rất cơ bản về lịch sử Việt Nam, nhất là lịch sử cổ đại và trung đại như vấn đề phân kỳ lịch sử, nguồn gốc dân tộc, vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến và sự hình thành các dân tộc. Năm 2000, ông được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học, Đối với Đại học Sư phạm Hà Nội, ông là một trong số người có công đầu với tư cách là giáo sư sử học. Hầu hết những người dạy sử ở Đại học Sư phạm và ĐHQG Hà Nội hiện nay đều là học trò cũ của giáo sư. Trong giới

sử học, khi nói đến Đào Duy Anh ai cũng biết, ông là người có công to lớn trong xây dựng nền sử học. Ở ông nổi bật đó chính là tinh thần tự học, tự nghiên cứu, là lòng hăng say tích lũy tri thức, không ngừng bổ sung, cập nhật và ý thức tìm tòi, khám phá trong học thuật. Ông đã góp phần đào tạo thế hệ những nhà sử học uyên bác, xứng đáng là cây đại thụ của nền sử học hiện đại nước nhà.

Tình cảm của học trò và những thế hệ đời sau đối với Giáo sư Đào Duy Anh

Giáo sư Hà Văn Tấn, một trong những học trò nổi tiếng của ông cho biết “Giáo sư dạy chúng tôi bằng tấm gương lao động nghiêm túc. Là một bác học, ông muốn chúng tôi phải hiểu biết thật nhiều. Do vậy, ông buộc chúng tôi phải học. Ông là người khuyên chúng tôi phải học tiếng Nga và các cổ ngữ Phương Đông. Ông nói, không hiểu văn hóa Trung Quốc, văn hóa Ấn Độ, các anh không thể nào hiểu đầy đủ văn hóa Việt Nam”. Có thể nói, những công trình nghiên cứu khoa học với lòng say mê, nhiệt huyết của mình, Giáo sư Đào Duy Anh đã trở thành một “chiến sĩ” anh dũng trên mặt trận nghiên cứu khoa học xã hội. Những đóng góp của ông cho hậu thế là một khối “tài sản” khổng lồ. Ông chính là “tượng đài” để các thế hệ những nhà nghiên cứu khoa học xã hội noi theo (Bảo tàng lịch sử Quốc gia 2019).

Trao đổi cùng chúng tôi trước lúc về cõi vĩnh hằng,

Giáo sư Viện sỹ, Anh hùng Lao động Nông nghiệp thờ kỳ Đổi Mới, là con trai trưởng của ông cho biết, GS Đào Duy Anh mồ côi cha từ nhỏ đã phải sớm đi làm phụ giúp mẹ nuôi các em ăn học. Từ nhỏ ông đã tiếp thu được thói quen nghiên cứu, tính trung thực mẫu mực và sức làm việc không mệt mỏi của một người giàu trí tuệ và nghị lực, Mặc dù bận rộn với trăm công nghìn việc, song cha ông vẫn không quên nhiệm vụ giáo dục con cái qua những công việc hàng ngày. Do các trường học chỉ dạy bằng tiếng Anh và tiếng Pháp nên đã phải dạy thêm tiếng Việt và chữ Hán tại nhà. Cùng với giáo dục gia đình, cha ông còn khuyến khích con cháu sớm tham gia những hoạt động xã hội như tham quan, du lịch nên từ nhỏ các con ông đã biết may vá, làm từ thiện và tạo được thói quen nghiêm túc trong học hỏi, nghiên cứu, Tấm gương làm việc của người cha và giáo dục gia đình đã giúp nhà khoa học rèn luyện trong quân ngũ và vượt qua những khó khăn ban đầu khi một chữ Nga chưa hề biết để chỉ sau 5 năm học đã hoàn thành xuất sắc chương trình đại học và bảo vệ thành công luận án Phó Tiến sĩ nông học của người Việt đầu tiên tại Liên bang Xô Viết (Lê Thành Ý, 2006);

Trên chiếu văn ở ngõ Văn Chương, Hà Nội, nhà báo Sơn Tùng đã nhiều lần xúc động chia sẻ những ký ức về Thầy Đào Duy Anh. Ông bồi hồi kể lại về 2 bộ từ điển Hán-Việt và

Pháp-Việt in năm 1932 và 1936 là 2 cuốn sách nhập môn đạo học Thầy Đào của ông, đặc biệt Việt Nam văn hóa sử cương là cuốn khai tâm mở chí cho ông đi vào văn hóa sử dân tộc, Thầy Đào từng viết Hai tiếng văn hóa là chỉ chung tất cả các phương diện minh họa của loài người nên có thể nói rằng văn hóa là sinh hoạt, Chính khách đương thời từng ca ngợi Đào duy Anh là bậc thiên nhân ,học một biết đến nghìn lần,lại có cái đức đặc khổ trung khổ, phương vi nhân thượng nhân (Nuốt được cái khổ trong cái khổ mới làn được hơn người). Cụ Nghè Mai, cháu của Tiên Điền Nguyễn Du từng nói, Đào Duy Anh chỉ có một mảnh bằng Thành Chung thời bảo hộ vậy mà khi ra khỏi nhà tù đế quốc Pháp đã làm nên bộ Từ điển Hán Việt, Từ điển Pháp-Việt; viết Việt nam văn hóa sử cương;Khổng giáo phê bình tiểu luận, Trung hoa sử cương....Như ta đây, khi đã là ông Nghè rồi Duy Anh mới ra đời,vậy ta chỉ là người vô dụng mà thôi!

Trước lúc lên đường vào chiến trường Nam Bộ, nhà văn, Sơn tùng có cơ may gặp lại Thầy Đào và không quên mang theo bộ sách Lịch sử và Nguồn gốc dân tộc Việt của Thầy. Tại miền Đông Nam bộ, nhà văn đã vô cùng xúc động khi nghe Giáo sư Lê Thiết với giọng Sài gòn ấm áp nói ra, thiếu Hán học là thiệt thòi rất lớn, tôi phải ăn mày chữ từ bộ Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh (Sơn Tùng, 2005).

Những năm cuối đời, vào năm 1983, khi cuốn Búp Sen

Xanh của Sơn Tùng gặp nạn, Thầy Đào không nói gì tới nạn mà chỉ chia sẻ bằng việc tin cần gửi tặng tác giả hai bộ sách quý Nguồn gốc dân tộc, Lịch sử Việt Nam và bản thảo hồi ký Nhớ nghĩ chiều hôm đã giao cho con cái và những người thân trong gia đình lưu giữ với lời đề tặng "Thân ái ký tặng bạn quý Sơn Tùng với niềm tin chúng ta sẽ còn sống mãi" mà nhà văn đã luôn trân trọng trong cả cuộc đời.

Giáo sư Phan Huy Lê, một trong tứ trụ của nền sử học hiện đại Việt Nam từng chia sẻ "Lần đầu tiên tôi được biết GS. Đào Duy Anh vào năm 1952. Sau khi tốt nghiệp phổ thông Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh, tôi ra Thanh Hóa học Dự bị đại học. Tôi không bao giờ quên được những buổi giảng bài của Thầy Đào về lịch sử Việt Nam vào ban đêm tại sân đình hay sân nhà tư nhân ở vùng Cầu Kè, chợ Đu Thọ Xuân, Thanh Hóa. Để tránh máy bay địch, chúng tôi học ban đêm, mỗi người mang theo một bàn xếp nhỏ với chiếc đèn dầu tự chế có tấm bìa che chỉ đủ ánh sáng ghi chép. Thầy Đào ngồi trên ghế cao, chậm rãi giảng bài bằng trí nhớ của mình. Học trò nhìn lên không thấy Thầy mà chỉ nghe qua lời giảng đều đều nhưng khúc chiết và sâu sắc. Năm 1954, tôi ra Hà Nội để học tiếp năm thứ hai ban Sử - Địa, Trường Đại học Sư phạm. Năm 1956 sau khi tốt nghiệp, tôi được làm trợ lý tại Bộ môn Cổ sử Việt Nam do GS. làm Chủ nhiệm. Tôi được vinh dự học và làm việc dưới sự hướng dẫn

của Thầy đến khi Thầy chuyển sang Bộ Giáo dục rồi Viện Sử học. Đó là chặng đường chập chững khi tôi bước vào nghề viết Sử mà vai trò của Thầy hết sức quan trọng trong định hướng khoa học và hình thành phong cách cho cả cuộc đời nghiên cứu khoa học của tôi (Phan Huy Lê, 2021).

Ông ghi nhận, lĩnh vực khoa học mà GS. Đào Duy Anh dốc nhiều tâm lực nghiên cứu đó là Sử học. Chí hướng khoa học này được xác định ngay sau khi ra tù năm 1930 và được chuẩn bị rất công phu. GS. suy nghĩ "phải chuyên tâm nghiên cứu lịch sử vì chỉ có hiểu biết đầy đủ lịch sử dân tộc mới có thể chốt lọc ra đâu là những yếu tố truyền thống, đâu là những yếu tố ngoại lai". Ông nhận thấy, hành trang cần thiết đi vào lĩnh vực khoa học là cơ sở kiến thức rộng về lịch sử thế giới, về Lịch sử Đông Tây và những ngành khoa học liên quan về xã hội như Triết học, Kinh tế, Dân tộc và Xã hội học..., đặc biệt là về phương pháp luận sử học và tư liệu lịch sử. GS. đã thuê chép và tìm mua được nhiều sách quý, xây dựng cho mình một tủ sách Hán Nôm phong phú gồm nhiều thư tịch của Việt Nam và Trung Quốc. Ông đã dành nhiều thời gian đi về các thế gia, các dòng họ từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh vào đến Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định để thu thập các loại tư liệu lịch sử. Năm 1938, ông đã ra Hà Nội gặp Nguyễn Văn Tố và nhóm Tri Tân để chuẩn bị xuất bản bộ Tùng thư sử học và bộ Tùng thư văn học,

Về phương pháp luận sử học, ông tìm hiểu cuốn Sử học khái luận thuộc trường phái của chủ nghĩa thực chứng và tham khảo kinh nghiệm nghiên cứu, biểu thị qua các công trình khoa học có giá trị của các học giả Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, nhất là những tác phẩm viết theo quan điểm mác xít của học giả Trung Quốc; GS. đã vận dụng thành tựu của phép huấn hử của các nhà kinh học đời Hán, phép khảo cứu đời Minh, Thanh kết hợp với phương pháp văn bản học hiện đại của phương Tây. Trên cơ sở đó, bắt đầu sự nghiệp sử học của mình bằng công việc dịch và chú giải Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn và nghiên cứu cổ sử Việt Nam từ thời tiền sử, nguồn gốc dân tộc đến văn hóa Đông Sơn, kháng chiến chống Tần, và nhà nước Âu Lạc...

GS. Đào Duy Anh tham gia đào tạo các khóa sinh viên của Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Tổng hợp Hà Nội, những thế hệ sử gia đầu tiên của nền đại học Việt Nam độc lập, nhiều người đã giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển nền Sử học hiện đại của đất nước trước khi chuyển Viện Sử học. Ông thôi công tác giảng dạy để chuyên tâm vào một lĩnh vực phù hợp với điều kiện công tác mới và đã không ngừng cống hiến cho nền học thuật của đất nước với nhiều tác phẩm để đời cho các thế hệ mai sau.

Thay cho lời kết

Đào Duy Anh là nhà sử học,

địa lý, từ điển học, ngôn ngữ học, nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng của Việt Nam. Ông được xem là người mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội Việt Nam

Với trình độ học vấn Thành Chung, bằng tấm gương lao động và tự học, tự nghiên cứu

nghiêm túc suốt cả cuộc đời, ông đã trở thành nhà khoa học lỗi lạc, người đặt cơ sở cho nền từ điển học hiện đại Việt Nam. Là một trong những người xây dựng nền khoa học xã hội nhân văn hiện đại, Đào Duy Anh đã có nhiều đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu của một trong những học giả lớn của thế kỷ

XX. Ông không chỉ để lại cho đất nước sự nghiệp khoa học nhân văn đồ sộ và đa dạng mà còn đào tạo, xây dựng những thế hệ nghiên cứu với nhiều đóng góp trong xây dựng đất nước. Bài viết hy vọng là một nén tâm hương thành kính tưởng nhớ 45 năm ngày mất và 120 năm sinh của ông./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Wikipedia (2023) Đào Duy Anh

https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0o_Duy_Anh truy cập 31.12.2023

Bảo tàng Lịch sử Quốc gia 2019 Giáo sư Đào Duy Anh - Cây đại thụ của nền sử học Việt Nam hiện đại

Sơn Tùng (2005) Ký ức về Thầy Đào Duy Anh Chiếu văn ngõ Văn Chương 2005

Phan Huy Lê (2021) Giáo sư Đào Duy Anh, nhà sử học và văn hóa lớn

Kỷ yếu kỷ niệm 100 năm thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội 12.2021

Lê Thành Ý (2006) Cả cuộc đời gắn bó với sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn

Báo Giáo dục và Thời đại số Xuân Mậu Tuất 2006



Mùa hoa cải vùng cao

ĐÁNH GIÁ THỂ HỆ CON LAI ĐA GIAO TRONG QUÁ TRÌNH CHỌN LỌC MẪU GIỐNG ĐAN SÂM (*SALVIA MILTIORRHIZA BUNGE*) DI THỰC TẠI TAM ĐẢO, VĨNH PHÚC

Hoàng Thuý Nga¹, Trần Danh Việt¹, Trịnh Văn Vượng¹, Nguyễn Văn Tâm¹,
Nguyễn Thị Hương¹, Nhữ Thu Nga², Trịnh Minh Vũ^{1*}

¹Trung tâm Nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội

²Trung tâm nghiên cứu nguồn gen và giống dược liệu quốc gia

*trinhminhv93@gmail.com

Tóm tắt:

Chọn lọc đa giao (tạo giống tổng hợp) là một dạng chọn lọc half-sib, hoàn toàn phù hợp để chọn lọc trên cây Đan sâm trồng tại Việt Nam, thu được hạt nhưng số lượng ít mà có thể nhân vô tính. Trong quá trình chọn lọc thì việc đánh giá thể hệ con lai đa giao là vô cùng quan trọng. Kết quả đánh giá 18 tổ hợp con lai đa giao Đan sâm đã chọn ra được 5 tổ hợp lai có đặc điểm hình thái gần giống nhau, cho năng suất đạt 2,30 -2,34 tấn khô/ha, hàm lượng hoạt chất Tanshinon IIA đạt 0,79-0,81% và hàm lượng Acid Salvianolic B đạt 4,89-5,76% (cao hơn nhiều so với ĐĐVN V 2017) sẽ được nhân vô tính, trồng và thu hạt gieo tổng hợp giai đoạn sau.

Từ khóa: Đan sâm, chọn lọc, đa giao

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây Đan sâm (*Salvia miltiorrhiza Bunge*) hay còn gọi huyết sâm, xích sâm là một cây thuốc quý, bộ phận sử dụng là thân rễ (Viện Dược liệu, 2022). Nghiên cứu y học hiện đại cho thấy Đan sâm đặc biệt tốt cho tim mạch, làm giãn mạch và tăng lưu động mạch vành, cải thiện vi tuần hoàn, phòng chống tích cực tình trạng thiếu máu, làm chậm việc hình thành các mảng xơ vữa động mạch. Đan sâm phân bố chủ yếu ở vùng ôn đới ẩm và cận nhiệt đới, là cây ưa ẩm, thích hợp trồng trên đất phù sa, nhiều mùn (Viện Dược liệu, 2022). Đan sâm đã được di thực vào Việt Nam khoảng những năm 1960, tuy nhiên những năm gần đây mới được quan tâm nhân trồng phát triển tại một số vùng như SaPa, Bắc Hà, Mộc Châu, Tam Đảo và ở Lâm Đồng (Đỗ Huy Bích, 2004). Theo báo cáo tại Hội nghị Dược liệu toàn quốc 2003 về phát triển dược liệu bền vững trong thế kỷ 21, thì trên thị trường dược liệu Việt Nam, Đan sâm phải nhập khẩu 80-85% từ Trung Quốc (Bộ Y tế, 2016). Chính vì vậy, việc chọn lọc giống Đan sâm tốt phục vụ nhu cầu dược liệu Đan sâm trong

nước là cần thiết. Từ năm 2019, nhóm nghiên cứu đã bắt đầu quá trình chọn lọc giống đan sâm bằng phương pháp chọn lọc đa giao. Một trong những bước quan trọng trong quá trình chọn lọc đó chính là đánh giá thể hệ con lai đa giao trong quá trình chọn lọc mẫu giống Đan sâm đã được thực hiện tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Vật liệu nghiên cứu là hạt 18 tổ hợp con lai đa giao Đan sâm (kí hiệu lần lượt là: ĐSL-1, ĐSL-2, ĐSL-3, ĐSL-4, ĐSL-5, ĐSL-6, ĐSL-7, ĐSL-8, ĐSL-9, ĐSL-10, ĐSL-11, ĐSL-12, ĐSL-13, ĐSL-14, ĐSL-15, ĐSL-16, ĐSL-17, ĐSL-18).

Từ quần thể khởi đầu: đã chọn được 60 dòng. Cây chọn lọc được nhân vô tính trồng cách ly, mỗi dòng vô tính được bao quanh bởi 4 dòng khác tạo điều kiện thụ phấn chéo ngẫu nhiên giữa tất cả các dòng, thu hạt đa giao theo từng dòng vô tính, nhưng chỉ thu được hạt lai đa giao của 18 tổ hợp con lai đa giao làm vật liệu nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Bố trí thí nghiệm:

Thí nghiệm được bố trí tuần tự theo kiểu tập đoàn không nhắc lại trên tổng diện tích thí nghiệm là 360m² (chưa kể hàng bảo vệ). (Nguyễn Thị Lan và Phạm Tiến Dũng, 2005)

Trồng 18 tổ hợp con lai đa giao vào 18 ô thí nghiệm khác nhau, mỗi ô thí nghiệm 20m².

Địa điểm: Tam Đảo, Vĩnh Phúc

Thời gian nghiên cứu: 11/2021-12/2022

- Đánh giá sinh trưởng, phát triển của các tổ hợp con lai đa giao

- Đánh giá thành phần sâu bệnh hại của các tổ hợp con lai đa giao

- Đánh giá yếu tố cấu thành năng suất và năng suất các tổ hợp con lai đa giao

- Đánh giá chất lượng dược liệu của các tổ hợp con lai đa giao

- Các biện pháp kỹ thuật chung: Thời vụ: Gieo 15/11, trồng 5/3; khoảng cách trồng: 40x40 cm; phân bón: 20 tấn phân hữu cơ + 200kg N + 100kg P₂O₅ + 80kg K₂O (Tương đương 20 tấn phân hữu cơ + 434 kg đạm ure + 625 kg phân lân + 134 kg Kali Clorua.).

- Các chỉ tiêu theo dõi

Các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển:

Tỷ lệ nảy mầm của các tổ hợp con lai đa giao.

Thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng của cây: Thời gian từ gieo đến mọc (ngày); Thời gian từ gieo đến khi ra lá thật thứ nhất (ngày); Thời gian từ gieo đến khi bắt đầu ra nụ (ngày); Thời gian từ gieo đến bắt đầu nở hoa (ngày); Thời gian từ gieo đến đậu quả (ngày); Thời gian từ gieo đến quả chín (ngày); Thời gian gieo đến thu hoạch dược liệu (ngày).

Các chỉ tiêu sinh trưởng: Chiều cao cây khi thu hoạch dược liệu (cm); Số nhánh/cây (nhánh); Đường kính tán (cm).

Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất: Số rễ chính/khóm (rễ); Chiều dài

rễ chính (cm); Đường kính rễ chính (cm); Khối lượng rễ khô/cây (g); Tỷ lệ rễ tươi/khô; Năng suất thực thu (tấn khô/ha).

Phương pháp đánh giá sâu bệnh hại: theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng” QCVN 01-38:2010/BNNT.

Đánh giá chất lượng dược liệu: Định lượng (%) Tanshinon IIA và Acid salvanolic B trong mẫu dược liệu thu hoạch của 18 tổ hợp con lai đa giao Đan sâm đang đánh giá bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) như mô tả bởi Dược điển Việt Nam V.

- Phương pháp xử lý số liệu

Kết quả thí nghiệm được tập hợp và xử lý theo chương trình IRRISTAT 5.0 và Microsoft Excel.

Chọn một số tổ hợp con lai đa giao tốt nhất: sử dụng phần mềm Selection Index của Nguyễn Đình Hiền (1996).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá tỷ lệ nảy mầm và thời gian sinh trưởng, phát triển của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc

Thời gian sinh trưởng là một chỉ tiêu quan trọng trong công tác chọn tạo giống, được tính từ khi trồng đến khi thu hoạch. Theo dõi các chỉ tiêu này giúp sắp xếp các tổ hợp con lai đa giao vào các nhóm có thời gian sinh trưởng phù hợp từ đó xác định thời vụ trồng khác nhau.

Kết quả nghiên cứu được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ nảy mầm và thời gian sinh trưởng phát triển của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc

Ký hiệu các tổ hợp con lai đa giao	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Thời gian từ gieo đến... (ngày)							
		Mọc	Ra lá thật	Phân nhánh	Ra nụ	Ra hoa	Đậu quả	Quả chín	Thu hoạch được liệu
ĐSL-1	85,7	9	18	120	180	203	215	225	312
ĐSL-2	85,0	10	19	122	183	205	217	226	312
ĐSL-3	63,3	9	19	121	183	203	215	224	312
ĐSL-4	86,0	10	19	120	181	203	216	225	312
ĐSL-5	55,0	11	19	120	180	203	215	225	312
ĐSL-6	67,7	9	18	120	180	202	215	226	312
ĐSL-7	86,3	10	19	123	183	205	217	225	312
ĐSL-8	80,3	11	19	121	181	203	216	226	312
ĐSL-9	77,0	9	18	121	181	203	216	225	312
ĐSL-10	78,7	9	18	120	180	202	215	225	312
ĐSL-11	67,3	10	19	120	180	202	216	224	312
ĐSL-12	85,3	11	19	123	182	205	217	226	312
ĐSL-13	86,0	11	19	123	183	205	217	226	312
ĐSL-14	85,7	11	19	123	183	205	217	226	312
ĐSL-15	88,0	10	19	120	180	202	216	225	312
ĐSL-16	68,7	11	19	122	182	203	215	224	312
ĐSL-17	86,7	9	18	120	182	203	216	226	312
ĐSL-18	82,0	10	19	122	180	202	215	225	312

Kết quả bảng 1 cho thấy, tỷ lệ nảy mầm của các tổ hợp con lai đa giao khác nhau, dao động 55,0-88,0 %, cao nhất là ở tổ hợp con lai đa giao ĐSL-15 và thấp nhất là ĐSL-5. Các giai đoạn từ gieo đến mọc, ra lá thật, phân nhánh, ra nụ, ra hoa, kết quả, quả chín và thu hoạch đều cho thấy tổ hợp con lai đa giao là như nhau, tổng thời gian sinh trưởng của cây từ gieo đến thu hoạch được liệu là 312 ngày.

3.2. Đánh giá các chỉ tiêu sinh trưởng khi thu hoạch được liệu của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc

Các chỉ tiêu khi được đo được vào giai đoạn thu hoạch có thể coi là các chỉ số sinh trưởng, phát triển cuối cùng của cây trồng. Kết quả nghiên cứu các chỉ tiêu sinh trưởng khi thu hoạch được liệu của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Các chỉ tiêu sinh trưởng khi thu hoạch được liệu của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc

Ký hiệu các tổ hợp con lai đa giao	Các chỉ tiêu theo dõi		
	Chiều cao cây (cm)	Số nhánh/cây (nhánh)	Đường kính tán (cm)
ĐSL-1	45,17 ± 1,78	6,90 ± 1,11	49,57 ± 2,67
ĐSL-2	46,05 ± 1,25	8,02 ± 1,21	51,00 ± 2,27
ĐSL-3	43,13 ± 1,54	7,09 ± 1,13	48,99 ± 2,06
ĐSL-4	45,00 ± 1,26	7,19 ± 1,24	49,77 ± 2,13
ĐSL-5	46,07 ± 1,84	7,00 ± 1,01	50,09 ± 2,04
ĐSL-6	46,00 ± 1,34	7,99 ± 1,00	51,07 ± 2,10
ĐSL-7	45,08 ± 1,21	8,12 ± 1,20	52,01 ± 2,25
ĐSL-8	42,12 ± 1,73	6,90 ± 1,11	49,07 ± 2,23
ĐSL-9	44,05 ± 1,27	7,02 ± 1,21	50,89 ± 2,54
ĐSL-10	45,10 ± 1,45	7,13 ± 1,24	49,09 ± 2,12
ĐSL-11	45,20 ± 1,29	8,17 ± 1,34	48,56 ± 2,32
ĐSL-12	46,08 ± 1,84	8,00 ± 1,23	51,09 ± 2,31
ĐSL-13	46,01 ± 1,23	7,98 ± 1,09	52,56 ± 2,19
ĐSL-14	45,93 ± 1,27	6,98 ± 1,81	49,53 ± 2,16
ĐSL-15	45,76 ± 1,18	7,00 ± 1,45	48,03 ± 2,22
ĐSL-16	44,83 ± 1,25	6,02 ± 1,11	49,17 ± 2,22
ĐSL-17	45,89 ± 1,73	6,56 ± 1,03	48,12 ± 2,11
ĐSL-18	45,03 ± 1,37	8,08 ± 1,20	51,12 ± 2,34

Các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển khi thu hoạch được liệu của các tổ hợp con lai đa giao có sự khác nhau đáng kể ở một số tổ hợp con lai. Chiều cao cây của các tổ hợp khi thu hoạch dao động 42,12- 46,08 cm cao nhất ở ĐSL-12 và thấp nhất ở ĐSL-8. Số nhánh/cây dao động ở các tổ hợp con lai trong khoảng 6,02-8,17 nhánh, cao nhất ở ĐSL-11 và thấp nhất ở ĐSL-16.

Đường kính tán dao động khoảng 48,03-52,56 cm. Cao nhất ở tổ hợp con lai đa giao ĐSL-

13 và thấp nhất ở tổ hợp con lai đa giao ĐSL-15.

3.3. Đánh giá sâu bệnh hại của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc

Theo dõi sâu bệnh hại để biết được mức độ nhiễm bệnh và có thể đưa ra được biện pháp phòng trừ kịp thời, có hiệu quả cho cây trồng. Kết quả đánh giá sâu bệnh hại của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3. Tình hình sâu bệnh hại của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc

STT	Ký hiệu các tổ hợp con lai đa giao	Đối tượng gây hại					
		Sâu khoang	Sâu róm nâu	Sâu cuốn lá đầu nâu	Thối rễ	Thối gốc	Héo rũ
1	ĐSL-1	-	-	+	+	+	+
2	ĐSL-2	-	-	+	+	-	+
3	ĐSL-3	-	-	+	+	+	+
4	ĐSL-4	-	-	-	+	-	+
5	ĐSL-5	-	-	+	+	+	+
6	ĐSL-6	-	-	+	+	+	+
7	ĐSL-7	-	-	+	+	-	+
8	ĐSL-8	-	-	+	+	+	+
9	ĐSL-9	-	-	+	+	+	+
10	ĐSL-10	-	-	+	+	-	+
11	ĐSL-11	-	-	+	+	+	+
12	ĐSL-12	-	-	-	+	-	+
13	ĐSL-13	-	-	-	+	-	+
14	ĐSL-14	-	-	-	+	-	+
15	ĐSL-15	-	-	+	+	+	+
16	ĐSL-16	-	-	-	+	-	+
17	ĐSL-17	-	-	+	+	-	+
18	ĐSL-18	-	-	+	+	+	+

Kết quả đánh giá sâu hại trên các tổ hợp con lai đa giao nhận thấy trên các tổ hợp con lai đa giao đan sâm xuất hiện 4 loài sâu gây hại gồm: sâu cuốn lá đầu nâu ở một số tổ hợp con lai nhưng ở mức độ bị nhẹ, không đáng kể, một số tổ hợp còn không bị như ĐSL-4, ĐSL-12, ĐSL-13, ĐSL-14, ĐSL-16.

Bệnh hại xuất hiện ba loại bệnh chính là bệnh thối rễ, thối gốc và héo rũ.

Thối rễ, và héo rũ xuất hiện ở tất cả các tổ hợp con lai đa giao đang đánh giá, nhưng cũng chỉ ở mức hại nhẹ. Thối gốc xuất hiện ở một số tổ hợp con lai đa giao như ĐSL-1, ĐSL-3, ĐSL-5, ĐSL-6, ĐSL-8, ĐSL-9, ĐSL-11, ĐSL-15 và ĐSL-18, nhiễm ở mức độ nhẹ. Chưa cần phải dùng thuốc bảo vệ thực vật để trừ sâu bệnh hại.

3.4. Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất và chất lượng dược liệu của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc

Năng suất là chỉ tiêu tổng hợp đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển trong quá trình sống của cây trồng. Năng suất là chỉ tiêu được quan tâm trong chọn tạo giống vì nó quyết định giá trị kinh tế của cây trồng.

Đối với cây dược liệu thì ngoài năng suất, chất lượng dược liệu cũng rất được quan tâm. Kết quả nghiên cứu các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất và chất lượng dược liệu của các tổ hợp con lai đa giao Đan sâm chọn lọc được trình bày trong bảng 4.

Bảng 4. Các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất và chất lượng dược liệu của 18 tổ hợp con lai đa giao đán sâm

STT	Các tổ hợp con lai đa giao	Số rễ/khóm (rễ)	Chiều dài rễ chính (cm)	Đường kính rễ chính (cm)	Khối lượng cá thể (g khô/cây)	Tỷ lệ DL tươi/khô	Năng suất thực thu (tấn khô/ha)	Hàm lượng hoạt chất Tanshinon IIA (%)	Hàm lượng hoạt chất Acid salvianolic B (%)
1	ĐSL-1	7,81	28,12	1,22	48,12	4,32	2,01	0,50	3,75
2	ĐSL-2	8,26	30,13	1,43	55,01	4,21	2,34	0,91	5,76
3	ĐSL-3	6,98	27,25	1,19	49,01	4,40	1,98	0,63	3,56
4	ĐSL-4	6,72	28,78	1,20	49,56	4,37	1,94	0,58	3,57
5	ĐSL-5	7,01	27,63	1,21	49,72	4,29	2,05	0,62	4,01
6	ĐSL-6	6,79	28,19	1,21	48,90	4,22	2,07	0,65	3,19
7	ĐSL-7	8,12	31,01	1,45	54,32	4,33	2,30	0,87	4,89
8	ĐSL-8	6,56	26,92	1,30	49,25	4,41	1,95	0,67	3,78
9	ĐSL-9	7,20	26,75	1,17	48,76	4,30	2,09	0,36	3,52
10	ĐSL-10	6,87	28,01	1,23	49,93	4,39	2,10	0,59	3,61
11	ĐSL-11	6,72	27,36	1,25	48,27	4,28	2,08	0,60	4,05
12	ĐSL-12	8,56	31,23	1,39	54,76	4,23	2,33	0,81	5,01
13	ĐSL-13	8,23	30,06	1,40	53,19	4,34	2,31	0,83	5,35
14	ĐSL-14	8,64	32,03	1,37	53,21	4,31	2,29	0,79	4,91
15	ĐSL-15	7,14	28,79	1,29	48,09	4,27	2,13	0,55	3,01
16	ĐSL-16	6,98	30,02	1,26	50,11	4,31	2,02	0,43	4,00
17	ĐSL-17	7,22	27,12	1,28	50,03	4,38	2,15	0,64	3,72
18	ĐSL-18	6,35	28,11	1,19	49,98	4,35	2,04	0,51	3,21

Kết quả bảng 4 cho thấy, năng suất giữa các tổ hợp con lai đa giao có sự khác biệt rõ rệt, cao nhất là ở tổ hợp con lai đa giao **ĐSL-2** đạt 2,34 tấn khô/ha, sau đó đến ĐSL-12 đạt 2,33 tấn khô/ha, **ĐSL-13** đạt 2,31 tấn khô/ha. Năng suất thực thu thấp nhất là ở tổ hợp con lai đa giao ĐSL-1, chỉ đạt 2,01 tấn khô/ha.

Hàm lượng hoạt chất Tanshinon IIA và Acid salvianolic B của các tổ hợp con lai đa giao đều cao hơn so với dược điển Việt Nam quy định rất nhiều, có sự khác nhau giữa một số tổ hợp, cao

nhất là tổ hợp con lai đa giao ĐSL-2.

3.5. Kết quả chọn các tổ hợp con lai đa giao tốt nhất từ 18 tổ hợp con lai đã đánh giá

Qua quá trình đánh giá, sử dụng phần mềm xử lý chỉ số chọn lọc của Nguyễn Đình Hiền (1996) selection index trên 8 chỉ tiêu về các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất và chất lượng dược liệu để chạy chỉ số chọn lọc. Mục tiêu chọn ra 4-10 dòng tốt nhất để làm nguồn vật liệu cho tạo giống tổng hợp Đan sâm chọn lọc sau này. Kết quả chọn lọc được thể hiện ở bảng 5:

Bảng 5. Kết quả chọn các tổ hợp con lai đa giao tốt nhất từ 18 tổ hợp con lai đa giao đã đánh giá

TT	Các tổ hợp con lai đa giao	Chỉ số chọn lọc	Số rễ/ khóm (rễ)	Chiều dài rễ chính (cm)	Đường kính rễ chính (cm)	Khối lượng cá thể (g khô/ cây)	Tỷ lệ DL tươi/ khô	Năng suất thực thu (tấn khô/ ha)	Hàm lượng hoạt chất Tanshinon IIA (%)	Hàm lượng hoạt chất Acid salvianolic B (%)
1	ĐSL-14	9,24	8,64	32,03	1,37	53,21	4,31	2,29	0,79	4,91
2	ĐSL-7	9,33	8,12	31,01	1,45	54,32	4,33	2,30	0,87	4,89
3	ĐSL-12	10,02	8,56	31,23	1,39	54,76	4,23	2,33	0,81	5,01
4	ĐSL-2	10,48	8,26	30,13	1,43	55,01	4,21	2,34	0,91	5,76
5	ĐSL-13	10,77	8,23	30,06	1,40	53,19	4,34	2,31	0,83	5,35

* Tóm tắt phần chọn

BIEN	TBINH	PHAN CHON	HIEU	CHUAN HOA
R	7,34	8,41	1,06	0,31
CDR	28,75	30,89	2,14	0,21
ĐKR	1,28	1,41	0,13	0,27
KLCT	50,51	54,10	3,53	0,24
NSTT	2,12	2,31	0,19	0,32
HLHCT	0,64	0,84	0,20	0,42
HLHCA	4,05	5,18	1,13	0,11
TLTK	4,32	4,28	-0,03	0,74

Qua kết quả tóm tắt phần chọn lọc thì độ chuẩn hóa càng lớn thì hiệu quả chọn lọc càng cao dao động từ 0,11 đến 0,74. Kết quả chọn ra được 5 tổ hợp con lai đa giao đơn sẫm là ĐSL-14, ĐSL-7, ĐSL-12, ĐSL-2, ĐSL-13 phù hợp với các chỉ tiêu ưu tiên đưa ra.

4. KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá các tổ hợp con lai đa giao trong quá trình chọn lọc mẫu giống đơn sẫm

(*Salvia Miltiorrhiza Bunge*) di thực tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc cho thấy:

Thời gian sinh trưởng của các tổ hợp con lai đa giao có thời gian sinh trưởng không khác nhau nhiều, có thời gian từ gieo đến thu hoạch được liệu là 312 ngày.

Các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển khi thu hoạch được liệu của các tổ hợp con lai đa giao có sự khác nhau đáng kể. Chiều cao cây của các

tổ hợp khi thu hoạch dao động 42,12- 46,08 cm. Số nhánh/cây dao động ở các tổ hợp con lai trong khoảng 6,02-8,17 nhánh. Và đường kính tán dao động khoảng 48,03-52,56 cm.

Dựa vào các chỉ tiêu về yếu tố cấu thành năng suất, năng suất và chất lượng dược liệu, qua phần mềm chọn lọc đã chọn ra được 5 tổ hợp con lai đa giao đàn sâm là ĐSL-14, ĐSL-7, ĐSL-12, ĐSL-2, ĐSL-13 phù hợp với các chỉ tiêu ưu tiên đưa ra. 5 tổ hợp con lai đa giao tốt nhất

ĐSL-14, ĐSL-7, ĐSL-12, ĐSL-2, ĐSL-13 có năng suất đạt từ 2,29-2,34 tấn khô/ha, hàm lượng hoạt chất Tanshinon IIA đạt 0,79- 0,91%, Acid salvianolic B đạt 4,89-5,76%, đều cao hơn so với dược điển Việt Nam quy định rất nhiều (Dược điển quy định Tanshinon IIA đạt trên 0,2%, Acid salvianolic B đạt trên 3%). Đây là các tổ hợp con lai đa giao có năng suất và hàm lượng hoạt chất Tanshinon IIA cao là nguồn vật liệu cho việc tạo giống đàn sâm tổng hợp giai đoạn sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2016). Tài liệu Hội nghị “Tăng cường kiểm soát nguồn gốc và chất lượng dược liệu”
2. Đỗ Huy Bích (2004). Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 1, tr.733, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
3. Viện Dược liệu (2022). Quy trình kỹ thuật nhân giống trồng và sơ chế một số cây dược liệu theo GACP-WHO. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật và Nhà xuất bản Nông nghiệp. Tr 29-40.

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA KHOẢNG CÁCH TRỒNG ĐẾN SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN VÀ NĂNG SUẤT HẠT BẠCH CHỈ

Trần Danh Việt, Nguyễn Văn Khiêm, Trần Thị Kim Dung*, Nguyễn Văn Dũng
Trung tâm Nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội- Viện Dược liệu
*kimdungmtahua@gmail.com

Tóm tắt:

Nghiên cứu ảnh hưởng của 4 mức khoảng cách trồng 1,5m x 0,9m, 1,5m x 1,2m, 1,5m x 1,5, 1,5m x 1,8m đến sinh trưởng phát triển và năng suất hạt bạch chỉ tại huyện Thanh Trì Hà Nội được thực hiện từ năm 2018 – 2019. Kết quả đã xác định được khoảng cách trồng 1,5m x 1,2m (tương ứng mật độ 5555 cây/ha) là phù hợp nhất để cây sinh trưởng tốt, cho năng suất hạt cao 512,36 kg/ha và tỷ lệ hạt nảy mầm cao 89%.

Từ khóa: Cây bạch chỉ, khoảng cách trồng, năng suất hạt

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây bạch chỉ (*Angelica dahurica* (Fisch. ex Hoffm.) Benth. & Hook.f. ex Franch. & Sav.) là một trong số các loài thảo dược quý, hiếm, được sử dụng trong y học cổ truyền từ lâu đời ở Việt Nam và nhiều nước khác ở châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Triều Tiên. Trong rễ bạch chỉ có thành phần chính là tinh dầu có các chất như: angelicin, angelicol, oxypeucedanin, imperatorin, isoimperatorin, phelloterin, xanthotoxin, marmezin, scopetin. Bạch chỉ có tác dụng kháng khuẩn: ức chế trực khuẩn ly, thương hàn, vi khuẩn G+; tác dụng giảm đau đầu do cảm cúm, đau đầu sau đẻ, đau lợi răng, đau thần kinh mặt, tác dụng chống viêm, tác dụng hưng phấn trung khu thần kinh (Viện Dược liệu, 2006), (Võ Văn Chi, 2012).

Bạch chỉ được di thực vào Việt Nam từ năm 1960, Cây được trồng ở các trại thuốc Sa Pa, Tam Đảo và Hà Nội. Cây sinh trưởng khá tốt, đã ra hoa, cho thu hạt và cho thu dược liệu (Trần Hùng, 1971), Nguyễn Văn Thuận (1995), (Viện Dược liệu, 2006). Tuy nhiên trải qua nhiều năm giống dần thoái hóa và giảm năng suất cũng như chất lượng dược liệu. Do vậy với mong muốn khôi phục lại giống bạch chỉ đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt, từ năm 2012 qua dự án DA17 Viện Dược liệu đã nhập lại giống bạch chỉ

từ Trung Quốc và triển khai các nghiên cứu từ nhân giống đến các biện pháp kỹ thuật trồng trọt. Để chủ động nguồn giống bạch chỉ đảm bảo chất lượng tốt, nhiệm vụ đã tiến hành nội dung **“Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến sinh trưởng phát triển và năng suất hạt bạch chỉ”**.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Cây Bạch chỉ (*Angelica dahurica* (Fisch. ex Hoffm.) Benth. & Hook.f. ex Franch. & Sav.)

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

2.2.1. Bố trí thí nghiệm:

Bố trí 4 công thức khoảng cách trồng:

CT 1: Khoảng cách 1,5m x 0,9m (tương ứng mật độ 7400 cây/ha) – (Đối chứng)

CT 2: Khoảng cách 1,5m x 1,2m (tương ứng mật độ 5555 cây/ha)

CT 3: Khoảng cách 1,5m x 1,5 (tương ứng mật độ 4444 cây/ha)

CT 4: Khoảng cách 1,5m x 1,8m (tương đương mật độ 3703 cây/ha)

- Bố trí thí nghiệm: Thí nghiệm được bố trí

theo khối ngẫu nhiên đầy đủ (RCB), một nhân tố với 4 công thức, 4 lần nhắc lại. Diện tích mỗi ô thí nghiệm là 30 m². Tổng diện tích thí nghiệm là $4 \times 3 \times 30 \text{ m}^2 = 360 \text{ m}^2$ (không kể hàng bảo vệ).

- Các biện pháp kỹ thuật khác:

+ Lựa chọn củ giống: Củ được lấy từ cây trồng 1 năm, chọn củ một hoặc ít phân nhánh, chiều dài củ 15 - 20cm, đường kính củ 3 - 4cm, củ không bị sâu bệnh.

+ Thời vụ trồng củ giống vào 15/11; Phân bón: 10 tấn phân hữu cơ + 150 kg N + 80kg P₂O₅ + 100kg K₂O.

+ Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019.

+ Địa điểm nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội (xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội)

2.2.2. Các chỉ tiêu theo dõi:

- Các chỉ tiêu về sinh trưởng, phát triển

+ Thời gian từ trồng củ giống đến ra nụ (ngày): Tính từ khi trồng đến khi 50% số cây ra nụ.

+ Thời gian từ trồng củ giống đến ra hoa (ngày): Tính từ khi trồng đến khi 50% số cây ra hoa.

+ Thời gian từ trồng củ giống đến đậu quả (ngày): Tính từ khi trồng đến khi 50% số cây đậu quả.

+ Thời gian từ trồng củ giống đến quả chín (ngày): Tính từ khi trồng đến khi 50% số cây có quả chín.

+ Chiều cao cây khi thu hạt (cm): Đo từ vị trí sát mặt đất đến đỉnh vượt lá hoặc chùm hoa cao nhất

+ Đường kính thân khi thu hạt (cm): Đo đường kính thân chính cách gốc 20 cm

- Các chỉ tiêu cấu thành năng suất và năng suất hạt

+ Số tán cấp 1/cây (tán): Đếm toàn bộ số tán cấp 1 trên cây

+ Số tán cấp 2/cây (tán): Đếm toàn bộ số tán cấp 2 trên cây

+ Khối lượng hạt/tán cấp 1 và cấp 2 (g): Cân khối lượng toàn bộ hạt trên tán cấp 1, cấp 2

+ Khối lượng 1000 hạt thu ở tán cấp 1 và cấp 2 (g)

+ Năng suất cá thể tán cấp 1 và cấp 2 (g/cây): Cân khối lượng hạt cấp 1 và cấp 2 thu được của một cây.

+ Tổng khối lượng hạt/cây (g/cây): Tổng khối lượng hạt cấp 1 và hạt cấp 2 trên 1 cây

+ Năng suất thực thu hạt cấp 1 và cấp 2 (kg/ha): Cân khối lượng hạt cấp 1 và cấp 2 thực tế thu được trên diện tích 1 ha.

+ Tổng năng suất thực thu hạt/ha (kg/ha): Cân khối lượng hạt thực tế thu được trên diện tích 1 ha

- Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống thu hoạch

+ Thời gian bắt đầu mọc mầm (ngày): Tính từ khi gieo đến khi có hạt nảy mầm.

+ Thời gian kết thúc mọc mầm (ngày): Tính từ khi gieo đến khi không còn hạt nảy mầm.

+ Tỷ lệ nảy mầm (%): Số hạt nảy mầm/tổng số hạt gieo x 100

+ Tỷ lệ cây mầm bình thường (%)

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu:

Số liệu của các thí nghiệm được phân tích bằng phần mềm Excel và xử lý thống kê theo chương trình IRRISTAT 5.0.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến thời gian sinh trưởng của cây bạch chỉ thu hạt giống

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở bảng 1

Bảng 1. Ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến thời gian sinh trưởng, phát triển của cây bạch chỉ giống

Công thức	Thời gian từ trồng đến.....(ngày)			
	Ra nụ	Ra hoa	Đậu quả	Quả chín
CT1	159 ± 6	177 ± 5	201 ± 9	223 ± 4
CT2	162 ± 7	175 ± 4	202 ± 8	220 ± 6
CT3	160 ± 5	174 ± 6	201 ± 6	221 ± 4
CT4	160 ± 6	175 ± 6	200 ± 6	223 ± 5

Ghi chú:

Công thức 1: Khoảng cách 1,5m x 0,9m, tương đương mật độ 7400 cây/ha

Công thức 2: Khoảng cách 1,5m x 1,2m (đc), tương đương mật độ 5555 cây/ha

Công thức 3: Khoảng cách 1,5m x 1,5m, tương đương mật độ 4444 cây/ha

Công thức 4: Khoảng cách 1,5m x 1,8m, tương đương mật độ 3703 cây/ha

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian sinh trưởng ở mỗi giai đoạn từ ra nụ, ra hoa, đậu

quả và quả chín, giữa các công thức sai khác không đáng kể, giai đoạn ra nụ chênh lệch khoảng 3 ngày, giai đoạn ra hoa, đậu quả là 2 ngày, giai đoạn quả chín là 3 ngày. Như vậy, với các khoảng cách trồng khác nhau không ảnh hưởng nhiều đến thời gian sinh trưởng, phát triển của cây bạch chỉ trồng lấy hạt

3.2. Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến các chỉ tiêu sinh trưởng khi thu hoạch hạt giống bạch chỉ

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở bảng 2

Bảng 2. Ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến các chỉ tiêu sinh trưởng khi thu hoạch hạt giống bạch chỉ

Công thức	Chỉ tiêu theo dõi	
	Chiều cao cây (cm)	Đường kính thân (cm)
CT1	203,06 ± 11,36	4,86 ± 0,12
CT2	213,50 ± 10,23	5,25 ± 0,27
CT3	209,40 ± 13,01	5,43 ± 0,30
CT4	212,13 ± 08,29	5,32 ± 0,10

Ghi chú:

Công thức 1: Khoảng cách 1,5m x 0,9m, tương đương mật độ 7400 cây/ha

Công thức 2: Khoảng cách 1,5m x 1,2m (đc), tương đương mật độ 5555 cây/ha

Công thức 3: Khoảng cách 1,5m x 1,5m, tương đương mật độ 4444 cây/ha

Công thức 4: Khoảng cách 1,5m x 1,8m, tương đương mật độ 3703 cây/ha

Kết quả theo dõi chiều cao cây và đường kính thân cây khi thu hoạch hạt cho thấy các công thức trồng thưa CT2, CT3 và CT4 không

chênh lệch nhiều về chiều cao (209,40 cm – 213,50 cm) và đường kính thân (5,25 cm – 5,43 cm), cả 3 công thức trên đều đạt cao hơn so với CT1 về chiều cao (203,06 cm) và đường kính thân (4,86 cm). Như vậy các mức khoảng cách trồng 1,5m x 1,2m, 1,5m x 1,5m, 1,5m x 1,8m đều phù hợp cho cây bạch chỉ sinh trưởng phát triển tốt.

3.3. Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến các yếu tố cấu thành năng suất hạt giống bạch chỉ

Kết quả nghiên cứu được tổng hợp vào bảng 3

Bảng 3. Ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến các yếu tố cấu thành năng suất hạt giống bạch chỉ

Công thức	Chỉ tiêu theo dõi					
	Số tán/cây		Khối lượng hạt/tán (g)		KL 1000 hạt (g)	
	Tán cấp 1	Tán cấp 2	Tán cấp 1	Tán cấp 2	Tán cấp 1	Tán cấp 2
CT1	14,40 ± 1,21	23,47 ± 1,94	2,43 ± 0,03	2,01 ± 0,31	3,30 ± 0,11	3,05 ± 0,14
CT2	15,80 ± 1,04	34,20 ± 1,70	2,36 ± 0,11	2,11 ± 0,27	3,33 ± 0,06	3,11 ± 0,09
CT3	15,93 ± 1,18	39,40 ± 2,01	2,66 ± 0,24	2,07 ± 0,39	3,40 ± 0,04	3,16 ± 0,11
CT4	16,60 ± 0,98	39,78 ± 2,14	2,83 ± 0,19	2,12 ± 0,24	3,43 ± 0,03	3,14 ± 0,08

Ghi chú:

Công thức 1: Khoảng cách 1,5m x 0,9m, tương đương mật độ 7400 cây/ha

Công thức 2: Khoảng cách 1,5m x 1,2m (đc), tương đương mật độ 5555 cây/ha

Công thức 3: Khoảng cách 1,5m x 1,5m, tương đương mật độ 4444 cây/ha

Công thức 4: Khoảng cách 1,5m x 1,8m, tương đương mật độ 3703 cây/ha

Từ kết quả theo dõi ở bảng 3 cho thấy:

Ở các khoảng cách trồng thưa CT2, CT3, CT4 đạt nhiều số tán hơn CT1 cả cấp 1 và cấp 2, sự khác biệt số tán cấp 1 giữa 3 công thức này không đáng kể (15,8 - 16,6 tán), về số tán cấp 2

ở CT3 và CT4 đạt tương đương nhau (39,40 và 39,78 tán) và đạt cao hơn đôi chút so với CT2 (34,20 tán). Về khối lượng hạt trên tán, đối với tán cấp 2 giữa các công thức chênh lệch không đáng kể đạt từ 2,01 g - 2,12 g, nhưng ở tán cấp 1 khối lượng hạt tăng dần từ các công thức trồng dày (1,5m x 0,9m) đến công thức trồng thưa (1,5m x 1,8m) từ 2,43 g - 2,83 g. Về khối lượng 1000 hạt giữa các công thức không chênh lệch nhiều, chỉ khác nhau về khối lượng 1000 hạt của tán cấp 1 cao hơn đôi chút so với tán cấp 2.

Như vậy ở hai công thức trồng thưa 1,5m x 1,5m và 1,5m x 1,8m cho các kết quả về số tán/cây và khối lượng hạt/tán cao hơn so với hai công thức trồng dày 1,5m x 0,9m, 1,5m x 1,2m.



Hình 1+2. Cây bạch chỉ giai đoạn quả chín và hạt giống

3.4. Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến năng suất hạt giống bạch chỉ

Kết quả nghiên cứu được tổng hợp vào bảng 4.

Bảng 4. Ảnh hưởng của khoảng cách trồng đến năng suất hạt giống bạch chỉ

Công thức	Năng suất cá thể (g/cây)			Năng suất thực thu (kg/ha)		
	Tán cấp 1	Tán cấp 2	Tổng KL hạt/cây	Tán cấp 1	Tán cấp 2	Tổng NS hạt/ha
CT1	34,99	47,17	82,16	135,6	292,13	427,73
CT2	37,28	72,16	109,44	197,25	315,11	512,36
CT3	42,37	81,55	123,92	168,88	296,00	464,88
CT4	46,97	84,33	131,30	157,39	208,36	365,75
CV (%)	12,2	12,1	10,7	8,5	9,1	9,8
LSD _{0,05}	7,08	14,81	13,83	21,52	26,07	39,67

Ghi chú:

Công thức 1: Khoảng cách 1,5m x 0,9m, tương đương mật độ 7400 cây/ha

Công thức 2: Khoảng cách 1,5m x 1,2m (đc), tương đương mật độ 5555 cây/ha

Công thức 3: Khoảng cách 1,5m x 1,5m, tương đương mật độ 4444 cây/ha

Công thức 4: Khoảng cách 1,5m x 1,8m, tương đương mật độ 3703 cây/ha

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Năng suất hạt cá thể ở công thức CT1 là thấp nhất, chỉ đạt 82,16 (g/cây), công thức CT4 (1,5m x 1,8m) có số tán/cây nhiều và khối lượng hạt/tán cao nên đạt năng suất cá thể cao nhất là 131,30 (g/cây). Nhưng về năng suất thực thu,

ở công thức CT2 (1,5m x 1,2m) mặc dù năng suất cá thể chỉ đạt 109,44 g nhưng với mật độ trồng dày hơn đã cho năng suất hạt cao nhất là 512,36 kg/ha. Kết quả xử lý thống kê cho thấy công thức CT2 có sự sai khác có ý nghĩa so với

các công thức khác.

3.5. Đánh giá các chỉ tiêu chất lượng hạt giống bạch chỉ thu hoạch

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở bảng 5

Bảng 5. Chỉ tiêu chất lượng hạt giống bạch chỉ thu hoạch

Công thức	Thời gian bắt đầu mọc mầm (ngày)	Thời gian kết thúc mọc mầm (ngày)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Tỷ lệ cây mầm bình thường (%)
CT1	16 ± 0	21 ± 2	87,13 ± 3,11	91,12 ± 0,14
CT2	16 ± 1	22 ± 1	89,03 ± 2,09	93,03 ± 0,56
CT3	16 ± 1	22 ± 1	87,00 ± 2,37	92,10 ± 0,47
CT4	17 ± 0	23 ± 1	88,33 ± 3,04	94,89 ± 0,33

Ghi chú:

Công thức 1: Khoảng cách 1,5m x 0,9m, tương đương mật độ 7400cây/ha

Công thức 2: Khoảng cách 1,5m x 1,2m (đc), tương đương mật độ 5555 cây/ha

Công thức 3: Khoảng cách 1,5m x 1,5m, tương đương mật độ 4444 cây/ha

Công thức 4: Khoảng cách 1,5m x 1,8m, tương đương mật độ 3703 cây/ha

Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ tiêu chất lượng hạt giống thu hoạch ở các công thức khoảng cách khác nhau không chênh lệch

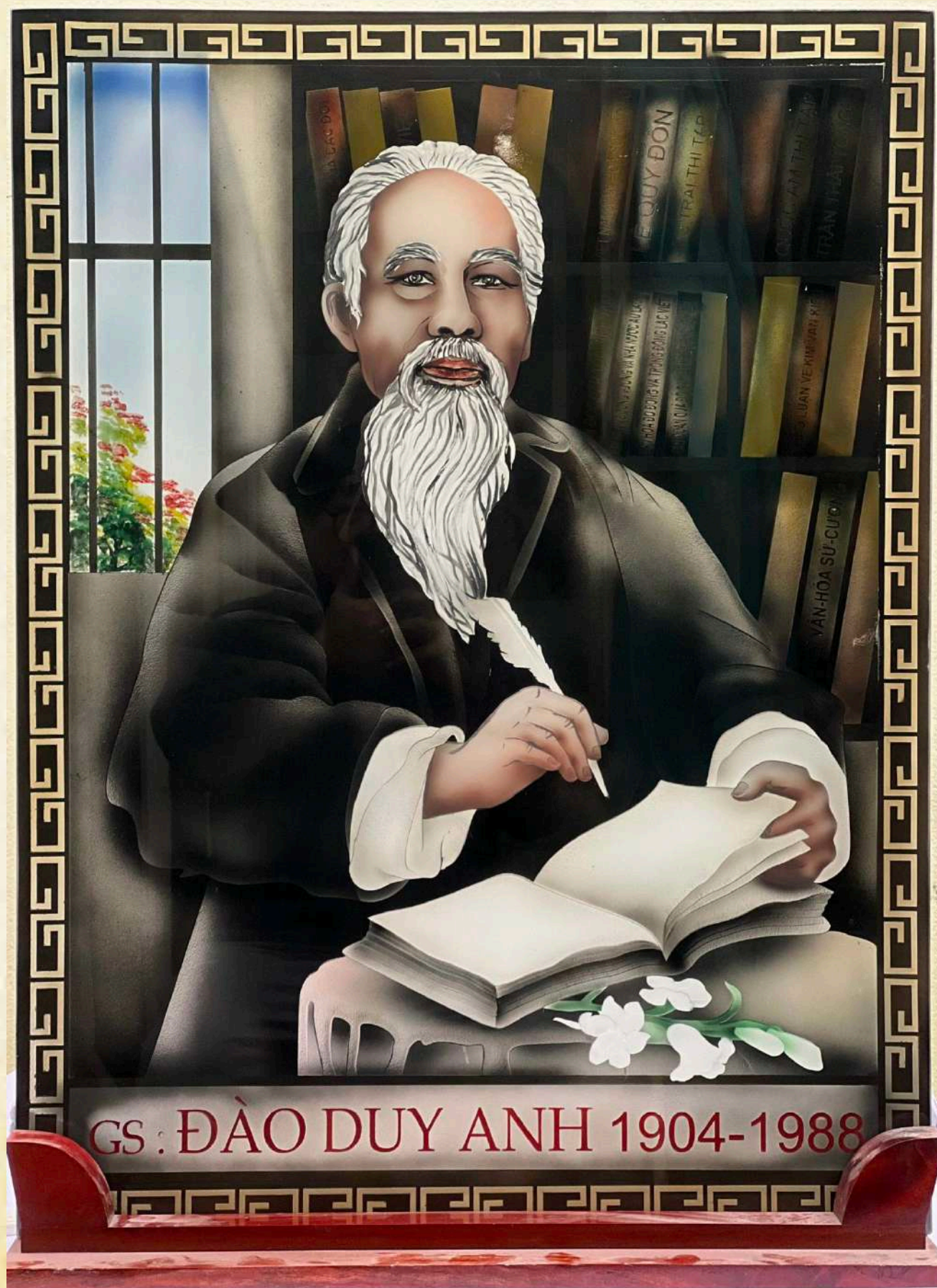
nhiều, về thời gian mọc mầm (16 – 17 ngày), thời gian kết thúc mọc mầm (21 – 23 ngày), tỷ lệ nảy mầm (87,00 – 89,03 %), tỷ lệ cây mầm bình thường đều trên 90% (91,12 – 94,89 %). Như vậy với các khoảng cách khác nhau không ảnh hưởng nhiều đến chỉ tiêu chất lượng hạt giống bạch chỉ.

4. KẾT LUẬN

Mật độ khoảng cách trồng 1,5 m x 1,2 m tương ứng với mật độ trồng 5555 cây/ha là phù hợp nhất để cây sinh trưởng tốt, cho năng suất hạt cao 512,36 kg/ha và tỷ lệ hạt nảy mầm cao 89%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Hùng (1971), “Kết quả di thực một số cây thuốc”, Kỷ yếu công trình nghiên cứu 1961-1971, Viện Dược liệu.
2. Nguyễn Văn Thuận (1995), “Tiêu chuẩn giống cho đương quy, bạch chỉ, ngưư tất, bạc hà”, Báo cáo đề tài KY02-05
3. Viện Dược liệu (2006), Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
4. Võ Văn Chi (2012), Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb Y học.



Tác phẩm chân dung GS. Đào Duy Anh của NNƯT Phạm Hồng Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

NGHE AN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 32 Phan Đăng Lưu, P. Trường Thi, TP Vinh - Nghệ An
Tel: 02383739739

Nhân dịp đón mừng Xuân mới Giáp Thìn - 2024, thay mặt lãnh đạo Công ty CP Cấp nước Nghệ An, thay mặt ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi tới quý khách hàng gần xa và toàn thể bà con nhân dân trong đang sử dụng nước sạch của công ty trong những năm qua lời chúc mừng đầu năm mới 2024:

An khang - Thịnh vượng và tràn đầy Hạnh phúc!.

Tổng giám đốc: Hoàng Văn Hải

Chúc Mừng Năm Mới

Mừng Xuân
GIÁP THÌN 2024



ĐỜI BINH NGHIỆP CỦA TÔI



Thanh La

Thời trẻ, tôi học tại Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, học khoa tiếng Nga 4 năm. Sau khi tốt nghiệp tôi được điều động về Quân đoàn I bộ Quốc phòng. Khi về Quận đoàn I tôi được điều đến Sư đoàn Bộ binh Cơ giới 308, đóng quân tại Xuân Mai, tỉnh Hòa Bình. Cuộc đời vào bộ đội, nhiệm vụ chính là đi phiên dịch cho các cố vấn quân sự Liên Xô, chủ yếu là người Nga, gắn bó với tôi gần 3 năm trời.

Thời bây giờ, đang chiến tranh biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc. Hơn 600.000 quân Trung Quốc tràn sang 6 tỉnh biên giới Việt Nam. Trong khi đó, các tỉnh biên giới phần lớn là quân địa phương của ta chống chọi với đội quân xâm lược hùng mạnh nhưng sức chiến đấu, ý chí chiến đấu kém. Sau khi về Sư Bộ binh Cơ giới 308, tôi được Đại tá Vân – người Quảng Nam đưa tôi về khách sạn Kim Liên để đón các cố vấn quân sự Nga, gồm 3 đại tá về cố vấn cho Sư đoàn 308. Thời đó, tôi mới ra trường, kiến thức tiếng Nga còn ít ỏi nên khi tiếp xúc với các cố vấn quân sự Liên Xô tôi thường nói các ông cố vấn nói chậm, nói ngắn gọn dễ hiểu để có thể dịch cho cán bộ Việt Nam rõ nghĩa, ý đồ của

các cố vấn quân sự Nga. Ngay những ngày đầu về Sư 308, lãnh đạo Sư đoàn cùng cố vấn quân sự Liên Xô đi khảo sát địa bàn các tỉnh Biên Giới, nhất là Lạng Sơn, Hà Giang.

Nói chung, Lãnh đạo Sư đoàn lúc bấy giờ gồm sư trưởng Tân, chính ủy Như, sư phó Vân đã tạo điều kiện cho tôi được ở gần các cố vấn Quân sự Nga để giúp họ trong công tác, trong sinh hoạt và truyền đạt những ý kiến về quân sự, chính thuật của họ. Ngài ra, ông cố vấn quân sự, phục vụ cho họ có một tiểu đội thông tin liên lạc người Nga.

Thời bấy giờ, trong Quân đội thường được chia ăn uống làm 3 phần, cơm đại táo là dành cho chiến sĩ, sĩ quan cấp úy. Cơm trung táo dành cho các sĩ quan chỉ huy cấp từ thiếu tá trở lên, cơm tiểu táo dành cho cán bộ chỉ huy cấp thượng tá trở lên.... Mặc dù tôi thuộc loại ăn cơm đại táo nhưng các lãnh đạo sư đoàn thường gọi sang cơm tiểu táo để nắm tình hình về phía cố vấn quân sự Nga. Tôi cũng thường sang ngồi ăn cơm đại táo, vì ở đây có các bạn là nữ nghĩa vụ rất xinh đẹp, ăn nói dễ nghe. Tôi còn nhớ những câu thơ tôi làm từ năm 1978 -1979 như:

“ Cơm đại táo đạn bom gần mặc bay

Chuyện cơm tập thể hôm nay

Ngày mai đó bài ca hay tặng đời.

Biết không em chuyện đời người

Từ gian khổ, mới luyện tôi sức mình....”

Do sư Bộ binh Cơ giới có trung đoàn tăng thiết giáp, trung đoàn pháo binh, trung đoàn vận tải, tiểu đoàn thông tin liên lạc nên mình tôi không cần đáng nổi, phải xin các phiên dịch tiếng Nga đi theo các lớp học về cơ giới, tăng thiết giáp, pháo binh. Vì đây là các loại vũ khí mới của Nga cần phải được đào tạo, thao tác tốt trên các loại súng, pháo, xe máy, các thông tin liên lạc....

Hồi đó, tôi như là con cưng của Sư đoàn, được đồng chí Sư trưởng Tân rất mến mộ, đưa tôi về thăm nhà ở Bắc Giang. Đồng thời, có ý gả đứa con gái cưng cho tôi... Do tôi nhút nhác và còn trẻ chưa biết yêu nên tình yêu không thành. Đây là kỷ niệm nhớ đời của tôi với quan đội không bao giờ quên.

Sau khi hết nghĩa vụ, tôi làm đơn tha thiết xin ra khỏi Quân đội vì có 2 anh đã vào Nam. Một anh đi bộ đội hy sinh chưa tìm thấy mộ. Được ra khỏi

lính, tôi xin về làm việc ở Tổng Công ty Cao su Việt Nam, nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Duyên số thế nào tôi cũng gắn với quân đội, là chỉ huy Phó quân sự Tập đoàn

Công nghiệp Cao su Việt Nam. Quyết định do Đại tướng Đỗ Bá Tỵ ký. Trong gần 10 năm là Phó ban Thanh tra Bảo vệ Quân sự. Tôi đã đi tiếp xúc, làm việc với hầu hết ban chỉ huy quân

sự các tỉnh có cao su ở miền Đông, Tây Nguyên, Miền Trung và Miền Tây Bắc, làm việc với Bộ Quốc phòng, các quân khu như Quân Khu 7, Quân khu V, Quân khu IV, Quân khu II.



Đặc biệt, được chụp chung hình với Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng. Tổng tham mưu Trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam Phan Văn Giang (sau đó đến giờ vẫn là Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng)

vào năm 2016. Đây là bức ảnh đẹp, kỷ niệm cuộc đời gắn bó với binh nghiệp của tôi.

Thời ở Bộ đội và phục vụ ở Cao su là những kỷ niệm, kinh nghiệm, biết những điều hay

mới lạ về cuộc đời để tôi vững vàng sống với cuộc đời, có ý chí rèn luyện, nể nếp, kỷ luật bài bản và ý chí phấn đấu cao với những năm tháng còn lại của cuộc đời./.

Xuân Bình Long

Lại mùa xuân nữa tới
Cao su lá đỏ vàng,
Chợt trong tôi bừng tỉnh
Nhớ đất miền Bazan.

Thuở xưa đây hoang vắng
Sốt rét rừng triền miên,
Chiến tranh khốc liệt
Phổ xá bao hoang tàn.

Bao năm rồi giải phóng
Cao su nhân thành rừng,
Vườn mọi nhà tươi tốt
Cà phê, tiêu bạt ngàn.

Đã bao lần tôi đến
Tâm tình cùng Bình Long,
Nơi ngày xưa bạn ngã
Giờ Cao su điệp trùng

Sóc Xiêm xưa lầy lội
Giờ thành hồ cá bơi,
Du khách về thăm viếng
Lòng xốn xang bồi hồi.

Ơi Lợi Hưng, Trà Thanh
Xa Trạch hay Xa Cam,
Nông trường chưa giàu lắm
Mà lòng người rất xuân.

Bình Long ơi Bình Long
Để lòng tôi xúc cảm,
Để xuân về tôi nhớ
Vùng đất giàu xa xăm.



Nhớ Dầu Tiếng

Xuân này không về Dầu Tiếng
Để lòng nói như băng khoảng
Nhớ đường bụi mù đất xám
Đưa về vùng đất màu xanh.

Nhớ bạn một thời đánh Mỹ
Giờ đây bám trụ nông trường
Nhớ má già nuôi tới lớn
Giờ đây đã mất, hay còn.

Rồi bao người thân tôi nữa
Lâu rồi không dịp về thăm,
Tôi biết là mình mắc lỗi
Làm người sao nữ phụ ơn.

Trong tôi chảy bùng nỗi nhớ
Là về Dầu Tiếng thần thương,
Đất người ngày đêm hối hả
Dựng xây cuộc sống vẹn toàn.

Cao su một vùng Dầu Tiếng
Tương lên tựa lưới giăng trời,
Vườn nhà, mọi đồng tươi tốt
Nhờ công sức chính con người.

Xuân này không về Dầu Tiếng
Mượn thơ nói họ đòi lời,
Dầu Tiếng xa rồi nhớ mãi Đất,
Người nặng nợ trong tôi

TẢN MẠN VỀ MỘT THƯƠNG HIỆU MỘT DOANH NHÂN TÂM - TÀI - TRÍ - DŨNG

Trần Công Bình

Sau gần 5 năm, trở lại thăm Cổ phần S Furniture và doanh nhân Huỳnh Thanh Vạn chúng tôi thêm một lần nữa ngạc nhiên về sự trưởng thành của một thương hiệu, một doanh nhân Tâm - Tài - Trí - Dũng.

Sinh ra từ mảnh đất Mỹ Tho-Tiền Giang cậu bé Huỳnh Thanh Vạn đã sớm bộc lộ năng khiếu trong lĩnh vực kinh doanh. Đất nghèo sinh nhân kiệt, từ thuở còn thơ cậu bé Huỳnh Thanh Vạn đã mang trong mình khao khát cháy bỏng. Bằng mọi giá phải kiếm tiền...kiếm tiền để thoát nghèo. Kiếm tiền để có thêm điều kiện giúp đỡ người thân, bạn bè khi họ gặp khó khăn, khốn khó...

Ngay từ thuở hàn vi, triết lý kiếm tiền vì người thân, bạn bè xung quanh đã trở thành động lực của nh. Khát vọng đó đã trở thành bệ phóng để cho cậu bé nghèo ở miền quê Mỹ Tho. Anh làm đủ thứ từ buôn bán nước sâm, bán trái cây dạo, bán trà đá, thu lượm ni long giấy vụn, đến bán cây cảnh...Những bài học kinh doanh đầu đời đã được Huỳnh Thanh Vạn đúc kết từ tuổi thơ dữ dội của mình

Năm 1996, chàng trai Huỳnh Thanh Vạn bắt đầu hành trình phiêu lưu, viết cuộc đời của mình trên hành trình kinh doanh, khởi nghiệp. Năm ấy anh thi đậu vào trường Đại học Nông lâm TPHCM. Sau khi tốt nghiệp đại học, anh Vạn đã có 15 năm dài gắn bó với các doanh nghiệp nhà nước. Trong đó có 1 năm làm trưởng phòng kế hoạch kinh doanh, 7 năm làm kế toán trưởng, 7 năm làm giám đốc kiêm nhiệm cho cả 3 công ty.



Doanh nhân Huỳnh Thanh Vạn

Câu chuyện về chàng doanh nhân trẻ, giải cứu thành công các công ty tên tuổi của Bình Dương đứng trên bờ vực phá sản, đã tạo ra sự hứng khởi cho cộng đồng doanh nghiệp. Và cũng đánh dấu một gương mặt trẻ doanh nhân xuất sắc trên thương trường bắt đầu lộ diện trên thương trường. Những dấu ấn mà anh để lại đối với công ty chế biến gỗ Đông Hoà, Xí nghiệp chế biến gỗ Dĩ An... đến nay vẫn không thể phai mờ trong giới kinh doanh tại Bình Dương.

Năm 2015, anh Huỳnh Thanh Vạn cùng những người bạn thành lập Cty cổ phần S-Furniture, anh giữ vai trò là chủ tịch Hội đồng quản trị, lèo lái con thuyền S-Furniture gặt hái từ thành công này đến với thành công khác. Danh tiếng của S-Furniture ngày càng vang xa trong cả nước và bạn hàng quốc tế. Các đối tác đến từ Mỹ, Anh, Úc, Châu Âu... là khách hàng thân thuộc của S-Furniture.

Để đạt được những thành công này anh đã

nhận riêng cho mình những “trái đắng”. Với danh tiếng là vị giám đốc trẻ tuổi, những tưởng con thuyền S-Furniture sẽ thoải mái dong buồm ra khơi. Nhưng không, từ bỏ vị thế lãnh đạo của công ty đang ăn nên làm ra, anh ra riêng và bị cô lập. Những đối tác, khách hàng quen thuộc... quay lưng với anh, với S-Furniture.

Đây là giai đoạn rất khó khăn của ông Chủ tịch Hội đồng quản trị S-Furniture, buộc anh đặt vào tâm thế “sẵn sàng chiến đấu” bởi “thương trường chính là chiến trường”. Anh lặn lội ra Nam vào Bắc, những chuyến đi nước ngoài dài ngày để tìm tòi nguồn nguyên liệu và khách hàng mới cho S-Furniture...

Mất năm ròng rã, S-Furniture mới đi vào ổn định và trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu gỗ hàng đầu tại Bình Dương. Con thuyền S-Furniture đã được vị Chủ tịch Hội đồng quản trị lèo lái vượt qua sóng gió.



Doanh nhân Huỳnh Thanh Vạn

Còn nhớ vào khoảng 2017 – 2018, chúng tôi đến thăm Công ty Cổ phần S Furniture. Lúc đó một số công trình vẫn chưa xong phần xây dựng cơ bản. Được anh Huỳnh Thanh Vạn và đội ngũ lãnh đạo Công ty đưa đi tham quan cơ ngơi khang trang hiện đại được đầu tư đồng bộ, xem phòng ăn công nhân viên, tủ sách, khu vui chơi giải trí cho công nhân viên, trực tiếp xem bữa ăn của công nhân, được hỏi thăm về thu nhập người lao động và của đội ngũ lãnh đạo, được nghe trực tiếp Chủ tịch HĐQT công ty báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ khi thành lập.

Đoàn chúng tôi lúc đó có người nguyên là cán bộ lãnh đạo Tập đoàn Cao su Việt Nam là thủ trưởng cũ của anh Huỳnh Thanh Vạn, có người là nhà báo kỳ cựu nguyên là Phó Tổng biên tập của một tờ báo lớn, có người là đồng nghiệp cũ của anh em trong đơn vị. Tất cả đều rất ngạc nhiên và phấn khởi vì các kết quả đạt được của một công ty còn non trẻ trong kinh doanh sản xuất nhưng vẫn ấn tượng nhất là các chính sách phúc lợi đãi ngộ cho cán bộ, nhân viên.. Và đặc biệt nhất là với một Công ty tư nhân tuy mới thành lập đã có một chi bộ Đảng hoạt động trong doanh nghiệp

Trên đường về anh em rất tâm đắc đầy khí thế, có anh đề nghị giới thiệu Công ty này cho Tập đoàn Cao su Việt Nam và cơ quan hữu trách, nghiêm cứu, rút kinh nghiệm đúc kết thành một mô hình khởi nghiệp để phổ biến rộng rãi.

Bẵng đi vài năm, anh em bỏ lỡ bao cuộc hội ngộ. Vừa qua, tình cờ có anh bạn thân gửi vào trong máy của tôi đường link một bài hát “con nhớ về cha” của Huỳnh Thanh Vạn. Tôi đã nghe nhiều bài hát của Vạn, nhiều bài hát về cha, mẹ của nhiều tác giả khác nhau, nhưng bị cuốn hút và xúc động với bài hát trên. Có lẽ do tôi đã biết ba Vạn từ trước và còn nhớ lúc anh nằm trong bệnh viện còn đau đáu lo cho con cái trưởng thành.



Anh Huỳnh Thanh Vạn lưu niệm cùng các vị khách quý đến thăm S Furniture

Sau gần 5 năm, trở lại thăm Cổ phần S Furniture và doanh nhân Huỳnh Thanh Vạn chúng tôi thêm một lần nữa ngạc nhiên về sự trưởng thành của một thương hiệu, một doanh nhân Tâm - Tài - Trí - Dũng. Trong cơn biến động âm ỉ của kinh tế toàn cầu và Việt Nam sau đại dịch, cùng với xung đột Nga - Ucraina càng làm trầm trọng thêm khó khăn. Có rất nhiều doanh nghiệp lâm vào khủng hoảng kể cả ngành gỗ, đơn hàng, doanh thu sụt giảm khoảng 30%, nhưng S Furniture với sự lãnh đạo của đội ngũ cán bộ trẻ sự đoàn kết thống nhất của cán bộ, công nhân viên đã đạt các kết quả vượt trội về doanh thu và khách hàng...

Đã có nhiều bài viết về thành công của Cổ phần S Furniture và cá nhân anh Huỳnh Thanh Vạn - người lãnh đạo năng động, sáng tạo, chịu khó vượt khổ, đoàn kết thống nhất nội bộ. Dưới sự lãnh đạo của anh, S Furniture đã tìm cho một sự mệnh, tầm nhìn và định hướng phát triển đúng đắn, chăm sóc khách hàng hậu mãi tốt, cải tiến quy trình, đảm bảo chất lượng, hạ giá thành sản phẩm... Tất cả đã làm nên của một công ty, một thương hiệu S Furniture như hôm nay.

Nhưng với tôi, con người mới là yếu tố quyết định một linh hồn của S Furniture, mà không có

nó không có doanh nghiệp này hôm nay, đó là con người Huỳnh Thanh Vạn.

Tôi biết Huỳnh Thanh Vạn vào cuối năm 2005 và đã để ý đến cậu trai trẻ trong đội ngũ lãnh đạo của Xí nghiệp chế biến gỗ Dĩ An lúc đó. Rồi chậm rãi theo dõi quá trình phát triển của cậu từ Kế toán trưởng đến Phó giám đốc rồi Giám đốc xí nghiệp, và cuối cùng trở thành Tổng giám đốc công ty TNHH một thành viên chế biến gỗ Đông Hòa trên cơ sở sát nhập bốn đơn vị: Dĩ An, Đông Hòa, Tam Phước và Lâm Hòa Phát.



Anh Huỳnh Thanh Vạn báo cáo kết quả hoạt động của công ty với các vị khách quý

Dù ở bất cứ cương vị nào, Huỳnh Thanh Vạn luôn quan tâm chăm lo đời sống con người từ việc: bảo hộ lao động, giữ gìn sức khỏe đến chăm lo Tết, bố trí xe cộ cho công nhân xa nhà về quê đón Tết, tổ chức y tế, nhà ăn, góc văn hóa, tổ chức tham qua du lịch hàng năm cho công nhân theo Thỏa ước lao động tập thể... Chính có lẽ cách sống đó đã giúp doanh nghiệp thu hút được đại bộ phận cán bộ trẻ, nhiệt huyết và tài năng.

Đội ngũ cán bộ nhân viên Đông Hòa đi theo thành lập nên S Furniture như hôm nay. Có lẽ chính sự quan tâm đó biến thành các giai điệu của các ca khúc do anh viết thiết tha tình người.

Là động lực để anh lao vào công việc, hỗ trợ các bạn trẻ trong hành trình khởi nghiệp, sáng tạo khắp các tỉnh thành trong cả nước mà không biết mệt mỏi. Có lẽ chính đó là ngọn lửa truyền cảm hứng đến lớp trẻ trong quá trình khởi nghiệp. Năm 2011, anh đã từ chối đề nghị của Tập đoàn Cao Su Việt Nam về việc điều động vào Ban chấp hành Đảng bộ chuyên trách làm công tác Đảng, để lao vào phụng sự cho lớp trẻ hôm nay.

Chính tình yêu với con người và cuộc sống mới là mấu chốt để tạo thành con người Huỳnh Thanh Vạn hôm nay với bề dày thành tích được Đảng, Nhà nước và nhiều tổ chức ghi nhận đánh giá cao bằng những phần thưởng cao quý:

- Huân chương lao động Hạng II;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- Thương hiệu Sao vàng Cao su;
- Bằng khen của Bộ NN và PTNT;
- Kỷ niệm chương của Trung ương Đoàn;
- Top 100 Doanh nhân tiêu biểu APEC 2017;
- Top 10 đảng viên trẻ giỏi Đoàn khối doanh nghiệp Trung ương;
- Bằng khen của VCCI về hoạt động khởi nghiệp;
- Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và Phong trào Doanh nhân trẻ tỉnh Bình Dương NK 2018 – 2021;
- Kỷ niệm chương vì sự phát triển phong trào Doanh nhân trẻ Việt Nam 2022;
- Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2017, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP BẮC TRUNG BỘ:

NHỮNG ĐẤU AN ĐÁNG GHI NHẬN TRONG NĂM 2023

Sao Mai

Được giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về cây trồng, nghiên cứu xây dựng hệ thống nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng Bắc Trung bộ, gần 20 năm qua, Viện KHKT NN Bắc Trung bộ đã dày công trong việc hình thành mạng lưới nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cây trồng gắn với vùng, nhiều tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, quy trình canh tác, công nghệ tiên tiến đã được tạo ra và chuyển giao cho nông dân, góp phần quan trọng trong việc tăng năng suất, sản lượng cây trồng trên cơ sở từng bước cải thiện chất lượng của các loại cây trồng, đóng góp to lớn vào những thành tựu của lĩnh vực khoa học nông nghiệp trong những năm qua, phục vụ tích cực cho công cuộc tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm đẩy nhanh tốc độ chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của các địa phương vùng Bắc Trung bộ.

Những năm qua, Viện KHKT NN Bắc Trung bộ đã gặt hái được nhiều kết quả quan trọng trong nghiên cứu khoa

học, chủ trì thực hiện hàng trăm đề tài, dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở. Đây chính là tiền đề quan trọng để tạo ra hàng loạt các sản phẩm khoa học công nghệ cho khu vực Bắc Trung bộ.

Từ nhiều năm nay, mỗi năm, Viện KHKTNN Bắc Trung bộ đều tổ chức thực hiện lưu giữ, đánh giá, bảo toàn nguồn gen quý của các tập đoàn mẫu giống lạc, dòng/ giống lúa, dòng/ giống sắn, hàng chục nhóm loài cây trồng có nguồn gốc địa phương với hàng trăm mẫu giống (bưởi, cam, quýt, chanh, na, quất hồng bì, đu đủ, chuối, ổi, dứa, khế, dâu ăn

quả, mía ...) và tập đoàn giống cao su... ngoài ra Viện còn đẩy mạnh việc thực hiện chọn tạo nhằm tạo ra giống cây trồng lợi thế cho vùng. Đến nay, Viện có nhiều giống cây trồng mới và 04 quy trình kỹ thuật canh tác đã được Bộ NN&PTNT công nhận.

Các giống cây trồng, các tiến bộ kỹ thuật do đội ngũ các nhà khoa học của Viện tạo ra ngoài việc cho năng suất cao, chất lượng tốt còn thích hợp với điều kiện sinh thái, khí hậu, thổ nhưỡng của vùng, nên đã được người nông dân tại các địa phương chấp nhận và đánh giá cao.



Mô hình SX lạc cao sản được Viện triển khai cho năng suất cao tại huyện Diễn Châu, Nghệ An

Hiện tại, Viện KHKTNN Bắc Trung bộ đang bảo tồn và chăm sóc tại chỗ nhiều loại giống cây đầu dòng đã được công nhận đảm bảo chất lượng cây sinh trưởng và phát triển tốt, không nhiễm sâu bệnh: 5 cây hồng nửa Nam Đàn, 5 cây hồng vuông Thạch Hà, 5 cây xoài Tương Dương, 11 cây bưởi đỏ Hương Hồ, 15 cây cam Nam Đông, 15 cây cam Xã Đoài.

Song song với nó Viện đang tích cực nhân giống và chăm sóc vườn cây mẹ S1 gồm các cây cam Xã Đoài, cam Nam Đông và cây bưởi đỏ Hương Hồ. Đồng thời đang tiếp tục thu thập, lưu giữ, đánh giá nguồn gen các giống cây trồng chủ lực như: 53 dòng/giống lạc; 23 dòng/giống vùng và 15 dòng/giống đậu xanh. Lai tạo các giống đậu mới theo hướng năng suất cao và chịu hạn gồm: để tài lai 35 tổ hợp lai cây đậu xanh, 15 tổ hợp lai đậu đen và 5 tổ hợp lai đậu đỏ; hiện tại các tổ hợp lai đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ đậu quả đạt > 65%.

Năm 2023, Viện KHKTNN Bắc Trung bộ đã tiến hành đánh giá 1524 cá thể và 38 dòng đậu xanh; 1320 cá thể đậu đen; 1435 cá thể đậu đỏ mới lai tạo. Hiện tại, các cá thể lai F1, F2 đậu xanh đã hình thành quả đang vào giai đoạn chín bói, đậu đen, đậu đỏ đang ra hoa hình thành quả, các cá thể đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ sinh trưởng, phát triển tốt.

Việc phát triển quần thể và chọn cá thể phân ly, đánh

giá và chọn lọc dòng vùng theo một số tính trạng năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu bệnh héo rũ và chịu hạn (thể hệ F3): để tài nghiên cứu 10 dòng/giống vùng, các dòng vùng đều có đặc tính phân cành, số múi/quả của các dòng dao động từ 2 – 4 múi/quả, chiều cao cây 140-180 cm/cây, số quả/cây của các dòng dao động từ 47-145 quả/cây, năng suất hạt của các cá thể dao động từ 7,8 – 10,8g/cây, năng suất thực thu các dòng vùng dao động 1,3-1,5 tấn/ha.

Viện KHKTNN Bắc Trung bộ cũng đã chọn lọc được 33 dòng lúa có thời gian sinh trưởng ngắn (95-100 ngày), không nhiễm bệnh bạc lá, năng suất 51 - 62 tạ/ha, hình dạng hạt gạo lật từ thon đến thon dài.

Cùng với các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo các dòng giống cây trồng chủ lực trong nước, năm 2023, Viện còn chú trọng vào công tác hợp tác quốc tế. Cụ thể, Viện KHKTNN Bắc Trung bộ đã hợp tác với Viện Nghiên cứu cây cao su Trung Quốc về chuyển giao giống và các tiến bộ kỹ thuật mới trong khai thác và canh tác cây cao su với quy mô 01 ha. Song song với việc hợp tác với KOPIA Việt Nam thực hiện dự án phổ cập giống lạc cho vùng Bắc Trung bộ giai đoạn 2024-2028.

Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về KH&CN năm 2023, Tiến sỹ Phạm Văn Linh, Viện trưởng Viện

KHKT NN Bắc Trung bộ cho biết: Các cơ chế quản lý tài chính trong lĩnh vực KH&CN đã có những đổi mới mạnh mẽ, được sửa đổi, hoàn thiện, ban hành đầy đủ với những quy định cụ thể từ khâu lập dự toán tới khâu thanh quyết toán. So với các lĩnh vực khác, các quy định quản lý tài chính KH&CN đã có những ưu đãi đặc biệt, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN và Chiến lược phát triển của ngành KH&CN, cơ bản phù hợp với thực tiễn và hướng tới mục tiêu thực hiện quản lý theo kết quả của từng nhiệm vụ, tạo cơ chế thông thoáng trong quá trình kiểm soát chi, góp phần cải cách thủ tục hành chính.

Các văn bản quy phạm pháp luật theo đó, đã định hướng, quy định cụ thể và chi tiết hơn. Việc lập kế hoạch, đề xuất các nhiệm vụ KH&CN, dự toán kinh phí, phê duyệt các nhiệm vụ, cấp phát kinh phí được kịp thời, linh động và chủ động hơn. Đồng thời, khuyến khích các DN đẩy mạnh hoạt động KH&CN, gắn nghiên cứu KH&CN với sản xuất; tạo động lực cho các nhà khoa học yên tâm làm việc, sáng tạo và cống hiến. Hơn nữa, hệ thống văn bản hướng dẫn Luật từng bước được xây dựng, ban hành đã phần nào thể hiện được tinh thần đổi mới của Luật, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy các hoạt động KH&CN tiếp tục phát triển.



Lễ ký kết bản ghi nhớ hợp tác quốc tế giữa Viện KHKT NN Bắc Trung bộ với đối tác Hàn Quốc

Nhấn mạnh về một số khó khăn nội tại, Viện trưởng, Viện KHKTNN Bắc Trung bộ, TS Phạm Văn Linh cho biết: chúng tôi đang bước đầu thực hiện chế độ tự chủ, nên kinh phí nghiên cứu KHCN khiến nguồn chí trả cho một cán bộ nghiên cứu còn thấp, do đó chưa phát huy hết năng lực sở trường sẵn có trong công tác nghiên cứu.

Nhân lực khoa học có trình độ cao, trình độ chuyên sâu và kinh nghiệm trong nghiên cứu còn thiếu, do đó các kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vẫn còn trong giới hạn nhất định.

Một số cơ sở hạ tầng như hệ thống kênh mương nội đồng, khu thực nghiệm nghiên cứu của Viện xây dựng trước đây đã xuống cấp, mặt bằng đất được giao không đồng đều, hệ thống tưới tiêu không chủ động; hóa chất phục vụ cho việc nghiên cứu còn thiếu, hệ thống nhà lưới cũ, thiếu kinh

phí đầu tư, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế trong việc nhân và ương cây giống... gây không ít khó khăn trong quá trình triển khai nghiên cứu.

Thời tiết vùng Bắc Trung bộ khắc nghiệt, có nhiều biến động làm ảnh hưởng đến thời vụ, quá trình sinh trưởng, phát triển làm giảm bớt năng suất của các loại cây trồng. Do đó việc triển khai, nghiên cứu, thực hiện các nhiệm vụ KHCN trong nông nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn.

Trên thực tế, nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp luôn thấp hơn một số nghề khác. Vì vậy, ở một số địa phương gần các khu công nghiệp, đã tạo điều kiện cho các làng nghề phát triển khiến nông dân đã chuyển sang làm nghề phi nông nghiệp ... điều đó đã làm cho diện tích sản xuất nông nghiệp giảm.

Ruộng đất nhỏ lẻ manh mún nên việc đầu tư, áp dụng

tiến bộ khoa học kỹ thuật để sản xuất hàng hóa qui mô lớn còn nhiều hạn chế, giá cả vật tư đầu vào luôn ở mức cao; thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp luôn gặp nhiều khó khăn...những vấn đề trên đã ảnh hưởng không ít đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Đây cũng là lý do khiến các đề tài nghiên cứu khoa học của Viện KHKTNN Bắc Trung bộ gặp khó khăn khi triển khai ra diện rộng tại các địa phương.

Viện KHKT nông nghiệp Bắc Trung bộ kiến nghị với cấp trên xem xét, tạo điều kiện giao trực tiếp các nhiệm vụ, chương trình nghiên cứu ổn định, dài hạn và đặc thù của vùng Bắc Trung Bộ cho Viện. Nâng cấp hệ thống nhà làm việc tại 3 trung tâm trực thuộc, cải tạo hệ thống nhà lưới, cải tạo nâng cấp hệ thống tưới tiêu, cải tạo đồng ruộng, tạo môi trường làm việc, nghiên cứu thuận lợi cho cán bộ công nhân viên chức.

Tăng kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng để đảm bảo quỹ lương và một phần kinh phí hoạt động và giao cho Viện thẩm định. Kiến nghị Viện KHKT Việt Nam (VAAS) điều phối để tăng cường hơn nữa sự hợp tác giữa các Viện trong và ngoài VAAS trong nghiên cứu KHCN và chuyển giao TBKT cho các vùng, trong đó có vùng Bắc Trung bộ. Ban hành quy chế phối hợp giữa cơ quan nghiên cứu với doanh nghiệp để thu hút đầu tư của doanh nghiệp, thúc đẩy liên kết, liên doanh theo mô hình đối tác công tư trong nghiên cứu khoa học.

Kiến Quốc

LỄ HỘI 5 LÀNG MỘC

HÀ NỘI





Những dấu ấn Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền xuân Giáp Thìn 2024

Quyết Tuấn - Trường Giang

Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền xuân Giáp Thìn 2024 do UBND thành phố Hà Nội giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND quận Tây Hồ tổ chức từ ngày 26/01 - 01/02/2024 tại Không gian Văn hóa sáng tạo quận Tây Hồ đã thành công tốt đẹp và để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với nhân dân Thủ đô, du khách thập phương và bạn bè Quốc tế.

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND quận Tây Hồ đồng tổ chức lần đầu tiên Lễ hội hoa đào, quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền Xuân Giáp Thìn 2024. Đây là sự kiện quan trọng trong kết nối làng nghề gắn với du lịch, thúc đẩy phát triển sản xuất chất lượng cao, an toàn, thân thiện và minh bạch thông qua chương trình OCOP để thực hiện thắng lợi Chương trình Nông thôn mới. Là sự kiện Chào mừng Kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2024), đồng thời là dịp để Nhân dân Thủ đô, du khách trong và ngoài nước thưởng ngoạn, mua sắm phục vụ Tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024.

Mặc dù là lần đầu tổ chức, nhưng Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội đã tích cực nghiên cứu, tìm tòi và có nhiều sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện từ việc lựa chọn các nội dung phần Lễ và phần Hội rất hấp dẫn, hình thức thể hiện trưng bày phù hợp, đơn vị phối hợp có năng lực đến điều tiết có hiệu quả việc phối hợp giữa các đơn vị, bộ phận có liên quan. Chính vì vậy, Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền xuân Giáp Thìn 2024 được tổ chức từ ngày 26/01 - 01/02/2024 tại Không gian Văn hóa sáng tạo quận Tây Hồ đã thành công tốt đẹp và để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với nhân dân Thủ đô, du khách thập phương và bạn bè Quốc tế, cụ thể như sau:



Khai mạc Lễ hội và Tôn vinh các tổ chức, cá nhân đạt giải Hội thi hoa đào, quất cảnh quận Tây Hồ diễn ra vào 20h00' ngày 26/01/2024. Tại đây, lần đầu tiên một chương trình khai mạc được tổ chức kết hợp giữa hoạt động nghệ thuật trên sân khấu có quy mô hoành tráng kết hợp với hoạt động thực cảnh diễn ra trên quy mô gần 20.000 m² với nhiều hoạt cảnh sống động như: Du Xuân Chợ Tết; Trẩy hội Hồ Tây; Trải nghiệm Tết Xưa...Tới dự và cắt băng khai mạc sự kiện có Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ Hà Nội Nguyễn Thị Tuyền, Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội Nguyễn Mạnh Quyền, nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Xuân Cường; đại diện lãnh đạo một số tỉnh thành, Bộ NN&PTNT, các Hiệp hội chuyên ngành, đại diện nhiều tổ chức quốc tế về chuyên ngành nông nghiệp, xúc tiến thương mại, cùng đông đảo các doanh nghiệp, HTX, các chủ thể OCOP, đại diện các cơ quan báo chí của Trung ương và Hà Nội.



Phát biểu tại lễ khai mạc, ông Nguyễn Xuân Đại, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội cho biết, để duy trì giá trị văn hóa phi vật thể tạo nên vẻ đẹp du xuân, thưởng lãm hoa đào, quất cảnh cho người dân Thủ đô, du khách trong nước và quốc tế việc bảo tồn, duy trì nghề trồng hoa đào, quất cảnh là một việc làm quan trọng, được lãnh đạo thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, quận Tây Hồ rất quan tâm. Đồng thời xác định đây là nét văn hóa không thể thiếu đối với quận Tây Hồ nhằm kết nối với các chuỗi du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, làng nghề, trải nghiệm của du khách và người dân Thủ đô.



Trong khuôn khổ Lễ hội đã tổ chức hai hội thi là Hội thi hoa đào và Hội thi quất cảnh thành phố Hà Nội trên địa bàn quận Tây Hồ năm 2024 để tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi luôn đầu đầu, tìm tòi, sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc. Ban tổ chức đã lựa chọn những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc với 55 tác phẩm hoa đào của 28 tác giả và 68 tác phẩm quất cảnh của 31 tác giả để vinh danh 2 tác phẩm giải nhất, 4 tác phẩm giải nhì, 10 tác phẩm giải ba và 20 tác phẩm giải khuyến khích để tôn vinh trong ngày hôm nay.



Tại Lễ khai mạc, BTC đã khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phối hợp tổ chức Lễ hội gồm: Các thành viên Ban giám khảo hai Hội thi Hoa đào, Quất cảnh truyền thống năm 2024; Đại diện các đơn vị phối hợp: Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam; Hội Sinh Vật Cảnh Việt Nam; CLB Bonsai Tre Việt Nam; CLB Vĩ giặm Nghệ Tĩnh tại Hà Nội; Viện Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển; TikTok Việt Nam; Thương hiệu Trà Đại Việt; Học viện đào tạo Hoa Neffertiti; UBND phường Tứ Liên; UBND phường Nhật Tân...



Tại Lễ khai mạc, một chương trình nghệ thuật mang tính sử thi được dàn dựng công phu về chủ đề "Hà Nội Linh Thiêng Hào Hoa" hội tụ nhiều nghệ sĩ tên tuổi như NSUT Hương Giang, NSUT Liên Hương, Quán quân Sao Mai 2022 Trịnh Núi, Ca sĩ Mai Nguyễn Anh, Vũ đoàn Ladies Light, Trống hội Thăng Long, Nhà thơ pháp Lê Thiên Lý.

Chương trình nghệ thuật đã góp phần làm sâu sắc hơn những thông điệp của Lễ hội hoa đào, quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền xuân Giáp Thìn 2024. Đó là một Hà Nội ngàn năm văn hiến, thành phố vì hòa bình, nơi hội tụ tinh hoa làng nghề, nơi tỏa sáng khát vọng của ông cha đã trao truyền qua hàng ngàn năm lịch sử, đến những giá trị của thời đại Hồ Chí Minh huy hoàng. Ở đó, với trí tuệ, tầm nhìn và khát vọng dân tộc chân chính, những giá trị văn hoá tinh thần của người Việt không ngừng được phát huy. Từ Tết Trồng cây do Bác Hồ phát động năm xưa đến phong trào xây dựng Nông thôn mới và Đô thị văn minh hiện nay, Hà Nội luôn gương mẫu đi đầu và thực sự đã đạt được nhiều thành tựu rất đáng khích lệ...



Tại sự kiện Nhà thư pháp Lê Thiên Lý cùng các nhà thư pháp của Hà Nội đã thực hiện nghi thức Khai bút đầu xuân theo truyền thuyết kể lại, tục lệ khai bút đầu năm đã có từ thế kỷ thứ 13, tức là vào thời nhà Lý – Trần. Phong tục đẹp này gắn liền với nhà giáo Chu Văn An – Người thầy được các thế hệ học trò kính trọng. Điều đặc biệt, tại Lễ khai bút đầu xuân Giáp Thìn, nhà thư pháp Lê Thiên Lý đã múa bút và trình bày thư pháp Nhân diện thư do ông sáng lập. Trong vòng 5 phút, trước sự chứng kiến của đông đảo nhân dân và quan khách về dự Lễ hội, ông đã vẽ xong chữ Long ra hình Lý Thái Tổ. Sau đó, ông viết tặng du khách trong và ngoài nước những chữ: An, Lộc, Phúc, Thọ, Tín,... Những nét chữ đẹp với câu từ hay như một lời cầu chúc cho năm mới mọi sự hanh

thông, trọn vẹn và viên mãn. Đặc biệt, nhiều vị khách Quốc tế tham dự Lễ hội được Nhà thư pháp Lê Thiên Lý tặng chữ đã bày tỏ sự thích thú và ngưỡng mộ nét đẹp cho chữ đầu xuân Giáp Thìn năm 2024.



Đến với Lễ hội, du khách được hoà mình bên Không gian Thường trà ẩm cúng đậm chất văn hóa Việt cùng những người bạn để chia sẻ câu chuyện chiều cuối năm bên Hồ Tây yên bình. Tại đây, du khách được Trà nghệ sư Trương Lê An giới thiệu các loại trà đặc sản của Việt Nam, chia sẻ về văn hoá thưởng trà, cũng như được tận mắt xem những nghệ sư, Trà Nương tài hoa thể hiện khả năng múa ẩm những rất điêu luyện.

Tết luôn là dịp để chúng ta cùng nhau sum họp, đoàn tụ với người thân, họ hàng trong gia đình và bạn bè để chúc nhau những điều may mắn nhất trong năm mới. Trong không khí hân hoan này thì những tách trà như sợi dây vô hình kết nối chúng ta lại gần nhau hơn. Còn gì bằng khi thưởng thức một tách trà ấm nóng rồi cùng nhau hàn huyên đôi ba câu chuyện xảy ra trong năm vừa qua với người thân, bạn bè trong tiết trời hơi se lạnh của năm mới. Văn hoá trà Việt là truyền thống tốt đẹp cần đẹp giữ gìn và phát huy trong những ngày lễ tết quan trọng của đất nước ta.



Trong những ngày diễn ra Lễ hội, hàng vạn nhân dân Thủ đô và du khách thập được trải nghiệm Tết Việt thông qua hoạt động bài trí đồ thờ gia tiên, chuẩn bị mâm cỗ ngày Tết, gói bánh chưng, trình bày mâm ngũ quả, trang trí hoa cây cảnh trong nhà, đi chợ Tết...



Tại Triển lãm Bonsai Tre Việt Nam lần thứ nhất năm 2024 đã thu hút gần 300 tác phẩm bonsai tre độc đáo mang hình thái con rồng (linh vật của năm Giáp Thìn 2024) của các nghệ nhân đến từ các tỉnh thành trong cả nước. Nhân dịp này, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã tổ chức công nhận Diễn đàn Bonsai Tre Việt Nam là đơn vị thành viên.

Việc ra đời Diễn đàn Bonsai Tre Việt Nam và Triển lãm Bonsai Tre Việt Nam tại Lễ hội Hoa đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền được BTC kỳ vọng sẽ góp phần giáo dục tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường và đưa cây tre vào không gian kiến trúc nhà ở như vị thế nguyên thủy của nó.



Bên cạnh việc tôn vinh các nghệ nhân và làng nghề truyền thống hoa Đào và Quất cảnh thì Lễ hội đã tổ chức không gian 100 gian hàng các sản phẩm OCOP, đặc sản các vùng miền hội tụ tại Tây Hồ để lan tỏa hương vị đặc sắc được vị quê hương của các vùng miền đến các gia đình đoàn viên trong Tết cổ truyền của dân tộc. Đặc biệt, gian trưng bày, giới thiệu sản phẩm tranh kính nghệ thuật VinhCoBa được tạo hình Rồng tinh xảo thu hút sự quan tâm của đông đảo du khách trong và ngoài nước.



Đến với Lễ hội lần này, du khách không chỉ được đắm chìm trong không khí của Sắc Xuân Đất Việt giàu bản sắc văn hóa truyền thống, mà còn được hòa mình trong không gian sinh cảnh lung linh sắc màu của hoa đào, quất cảnh, sen Tây Hồ, hoa cây cảnh, điểm nhấn trung tâm là linh vật “song long hội tụ” khổng lồ được tạo hình nghệ thuật bằng hoa quả. Chiêm ngưỡng bộ sưu tập cây cảnh nghệ thuật độc đáo.



Chương trình nghệ thuật "Sắc Xuân Đất Việt" diễn ra ngày 27/01 và Chương trình nghệ thuật "Nhịp Cầu Vĩ Giặm" diễn ra trong 02 ngày 27-28/01/2024 với sự tham gia của nhiều nghệ sĩ tên tuổi như: Nghệ sĩ Nhân dân Vương Hà, Nghệ sĩ Nhân dân Hồng Năm, Nghệ sĩ nhân dân Thanh Loan, Nghệ sĩ Ưu tú Hương Giang, Quán quân Sao Mai 2022 Trịnh Núi, Nghệ sĩ ưu tú Hồng Liên, Nghệ sĩ Hồng Thoan, nghệ sĩ Hồng Thế, Nghệ sĩ Lê Dung, Ca sĩ Anh Thơ, cậu bé Như Khôi thần đồng đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong lòng công chúng yêu nghệ thuật của Thủ đô, cũng như đông đảo du khách trong và ngoài nước.



Một sự kiện Lễ hội gắn với giới thiệu quảng bá, kết nối giao thương sản phẩm OCOP các vùng miền đã thu hút sự quan tâm của nhiều tổ chức Quốc tế. Sau một tuần trải nghiệm Tết Việt gắn với hương vị hoa Đào, Quất cảnh, sen Tây Hồ và đặc sản vùng miền, các chuyên gia quốc tế đánh giá cao ý nghĩa thiết thực của Lễ hội Hoa Đào, Quất cảnh và sản phẩm OCOP các vùng miền năm 2024. Các bạn đánh giá đây là mô hình "Lễ hội độc đáo gắn các giá trị văn hoá bản địa với sản phẩm nông nghiệp đặc hữu" cần được phổ biến khuyến nghị tới các quốc gia trên thế giới.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU **CAFECONTROL**

ISO/IEC 17025:2005 ♦ ISO/IEC 17065:2012 ♦ ISO/IEC 17020:2012

ĐC: 228A Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.HCM ♦ Tel: 028.38207552 / 53 ♦ Fax: 028.38207554

Email: cafecontrol@hcm.fpt.vn ♦ Web: www.cafecontrol.com.vn



Công ty cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa xuất nhập khẩu (CAFECONTROL), trực thuộc Bộ NN&PTNT được thành lập từ năm 1989 và cổ phần hóa năm 2008.

CAFECONTROL là thành viên của Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, Hiệp hội Điều, Hiệp hội Hồ tiêu, Hiệp hội Khử trùng. Với bề dày gần 30 năm kinh nghiệm, hệ thống phòng thí nghiệm chuyên dùng hiện đại do UNOP & FAO trang bị cùng với sự phát triển không ngừng của đội ngũ nhân viên được đào tạo chính quy, chuyên nghiệp có tay nghề cao, chúng tôi đã đạt được các chứng chỉ ISO/IEC 17025:2005 và ISO/IEC 17055:2012; đồng thời đang xây dựng để đạt các chứng nhận về ISO/IEC 17020:2012.

CAFECONTROL tự hào là một trong những công ty hàng đầu tại Việt Nam về các lĩnh vực:

- Giám định cà phê, điều, hồ tiêu, ca cao, trà, tinh bột mì và các loại nông sản khác...
- Đánh giá, chứng nhận hệ thống chất lượng sản phẩm: UTZ, 4C, VietGap...
- Khử trùng hàng hóa xuất khẩu theo tiêu chuẩn AFAS, vệ sinh môi trường...
- Bảo quản thể chấp hàng hóa.

**Chúng tôi luôn phục vụ khách hàng với tinh thần
"CHẤT LƯỢNG GIÁM ĐỊNH, KHỬ TRÙNG
VÀ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM ĐƯỢC THẾ GIỚI CÔNG NHẬN"**



CHI NHÁNH:

- Hà Nội: Số 44 ngõ 120 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 024.35764957 ♦ Fax: 024.35764958
- Đắk Lắk: 75/38 Nguyễn Lương Bằng, Hòa Thắng, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk.
Tel: 0262.3862040 ♦ Fax: 0262.3862401
- Gia Lai: 319A Nguyễn Viết Xuân, P. Hội Phú, TP. PleiKu ♦ DT/Fax: 0269.3871000.
- Lâm Đồng: 247 Trần Phú, P. Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc ♦ DT/Fax: 0263.3725043
- Đồng Nai: 201 Quang Trung, P. Xuân Hòa, TX. Long Khánh ♦ Tel/Fax: 0251.3781083



Chúc Mừng Năm Mới

CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội



Chúc mừng năm mới



CÔNG TY CỔ PHẦN S FURNITURE

Lô J13 đường N3, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, P. Hội Nghĩa,
TP. Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại: (+84)901 550 016 - Email: minhhuu@sffurniture.com.vn

Website: www.sffurniture.com.vn



*Chúc Mừng
Năm Mới*

*Giáp
Thìn*

CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG SÔNG CON
SJC SONG CON SUGAR

Địa chỉ: Thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Tel: 0238. 3882214 * Fax: 0238. 3882200

Nhân dịp đón mừng Tết Nguyên Đán Giáp Thìn - 2024, thay mặt lãnh đạo Công ty CP Mía đường Sông Con, tôi xin gửi tới quý khách hàng gần xa và toàn thể bà con nông dân trong và ngoài vùng mía nguyên liệu của Công ty lời chúc mừng năm mới:

An khang - Thịnh vượng - và luôn tràn đầy Hạnh phúc./.

Giám đốc: KS Lê Đình Hoan



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

ANH HÙNG
LAO ĐỘNG

CÔNG TY TNHH CAO SU VIỆT LÀO



□ VP VIỆT NAM: 236 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. VÕ THỊ SÁU, Q.3, TP.HCM

ĐT: 028.39308386 – FAX: 028.39308388

□ VP LÀO: KM6, BẮN HUỘI NGÃNG KHẮM, TP.PAKSE, TỈNH CHAMPASAK, CHDCND LÀO

ĐT: (00856) 2091 616 679

Tổng Giám đốc: ông NGÔ QUYÊN



2024

